

Số: 310/QĐ-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo Logistics trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-CDKTCN ngày 18/8/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/2/2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc về việc Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 56/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực dịch vụ vận tải, môi trường và an ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo – Cơ sở vật chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và Ban hành Chương trình đào tạo Logistics trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

(có chương trình đào tạo kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được áp dụng đối với các khóa học tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang từ năm học 2026-2027.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo – Cơ sở vật chất, Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT-CSVC (3b).

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG
Th.S. Nguyễn Văn Lực

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ - CDKTCN ngày 14/10/2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

Ngành, nghề: LOGISTICS

Mã ngành, nghề: 6340113

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian khóa học: 2,5 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Logistics là quá trình lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát dòng di chuyển và lưu trữ của hàng hóa, dịch vụ và thông tin liên quan từ điểm xuất phát đến điểm tiêu thụ cuối cùng nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng một cách hiệu quả và tiết kiệm chi phí nhất. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu và sự bùng nổ của thương mại điện tử, Logistics đóng vai trò là xương sống của mọi hoạt động kinh doanh hiện đại, kết nối sản xuất, phân phối và tiêu dùng.

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Logistics được xây dựng nhằm đào tạo Kỹ thuật viên Logistics, những người trực tiếp tham gia vào các mắt xích vận hành cốt lõi của chuỗi cung ứng. Có năng lực thực hiện các công việc chuyên môn tại các bộ phận như kho vận, điều phối vận tải, giao nhận, hiện trường, chứng từ và dịch vụ khách hàng. Công việc của nghề bao gồm việc tiếp nhận, xử lý và quản lý đơn hàng; thực hiện các thủ tục nhập, xuất và kiểm kê kho; lập kế hoạch và điều phối phương tiện vận tải; chuẩn bị bộ chứng từ và thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa.

Người làm nghề Logistics hoạt động trong một môi trường đa dạng và năng động, có thể tại các công ty dịch vụ logistics, công ty giao nhận vận tải, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, hoặc trực tiếp tại các hạ tầng quan trọng như cảng biển, cảng hàng không và trung tâm phân phối. Công việc có sự phân hóa rõ rệt giữa làm việc tại văn phòng (tập trung vào xử lý chứng từ, lên kế hoạch) và làm việc tại hiện trường (giám sát xếp dỡ, thực hiện thủ tục thông quan). Đây là một ngành có áp lực cao về thời gian và độ chính xác, đòi hỏi sự linh hoạt, khả năng làm việc ngoài giờ và kỹ năng phối hợp nhịp nhàng với nhiều bên liên quan.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nhằm mục tiêu đào tạo Kỹ thuật viên Logistics trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức chuyên môn và thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi để thực hiện các công việc trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ và giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tiễn; có khả năng tự học và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng:

Về kiến thức

- Trình bày và áp dụng được các nguyên tắc, quy trình vận hành trong các lĩnh vực chính của logistics, bao gồm quản lý kho vận (nhập, xuất, lưu trữ, soạn hàng, đóng gói, kiểm kê), vận tải đa phương thức (đường bộ, đường biển, hàng không), giao nhận và các thủ tục hải quan.

- Hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật liên quan như Luật Hải quan, Luật Thương mại; các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms); các phương thức thanh toán quốc tế; và các quy định về an toàn lao động, an ninh hàng hóa.

- Giải thích được vai trò, nguyên lý hoạt động và cách thức vận hành của các hệ thống thông tin chuyên ngành như Hệ thống quản lý kho (WMS), Hệ thống quản lý vận tải (TMS), Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và phần mềm khai báo hải quan điện tử.

- Nắm được các nguyên tắc cơ bản về dịch vụ khách hàng, xử lý khiếu nại, quy trình tìm kiếm và đánh giá nhà cung cấp, lập kế hoạch công việc, quản lý chi phí và báo cáo hiệu suất trong hoạt động logistics.

Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các thao tác nghiệp vụ: thủ tục nhập/xuất kho, soạn hàng, đóng gói theo tiêu chuẩn, lập kế hoạch vận chuyển, chuẩn bị và kiểm tra bộ chứng từ xuất nhập khẩu, khai báo hải quan điện tử chính xác.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel) và các phần mềm chuyên ngành (WMS, TMS, ECUS); vận hành hiệu quả các thiết bị hiện trường như máy quét mã vạch, thiết bị cầm tay.

- Lập và kiểm tra được các chứng từ, tính toán chi phí vận tải, các loại thuế liên quan, và đối chiếu số liệu tồn kho một cách chính xác.

- Giao tiếp hiệu quả, chuyên nghiệp qua email, điện thoại với đa dạng đối tác; phối hợp làm việc nhóm và liên phòng ban một cách nhịp nhàng để đảm bảo luồng công việc thông suốt.

- Nhận diện, phân tích và xử lý được các sự cố phát sinh trong vận hành (hàng hư hỏng, giao trễ, sai lệch chứng từ) một cách bình tĩnh, logic và hiệu quả.

- Lập kế hoạch công việc cá nhân, sắp xếp thứ tự ưu tiên, quản lý hồ sơ chứng từ khoa học và đảm bảo công việc hoàn thành đúng thời hạn dưới áp lực cao.

Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ tuyệt đối các quy trình nghiệp vụ, quy định về an toàn, an ninh và pháp luật; chịu trách nhiệm cá nhân về tính chính xác của thông tin, chứng từ và dữ liệu cập nhật trên hệ thống.

- Chủ động trong việc lập kế hoạch, theo dõi công việc, cập nhật thông tin cho các bên liên quan và đề xuất các giải pháp khi có vấn đề; chịu trách nhiệm hoàn thành công việc được giao đúng tiến độ và chất lượng.

- Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực và khách quan trong mọi công việc; giữ thái độ bình tĩnh, lịch sự và hướng đến giải pháp khi xử lý các tình huống căng thẳng; có ý thức tự học hỏi, cập nhật kiến thức để không ngừng nâng cao năng lực bản thân.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc sau tại các công ty dịch vụ logistics, giao nhận vận tải, doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu và thương mại điện tử:

- Nhân viên Kho vận;
- Nhân viên Điều phối Vận tải;
- Nhân viên Giao nhận Hiện trường;
- Nhân viên Chứng từ Xuất nhập khẩu;
- Nhân viên Dịch vụ Khách hàng Logistics;
- Nhân viên Mua hàng.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2550** giờ
- Số lượng môn học, mô đun: **23**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **435** giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **2115** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **769** giờ (tỷ lệ 31,5%)
- Khối lượng thực hành, thực tập: **1669** giờ (tỷ lệ 68,5%)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (chung)	
1	NLCB-01	Quản lý công việc và phát triển năng lực cá nhân
2	NLCB-02	Đảm bảo an toàn, an ninh và tuân thủ quy định trong hoạt động logistics
II	Năng lực cốt lõi (chuyên môn)	
3	NLCL-01	Thực hiện nghiệp vụ kho vận
4	NLCL-02	Điều phối hoạt động vận tải
5	NLCL-03	Thực hiện thủ tục giao nhận và hải quan
6	NLCL-04	Xử lý đơn hàng và cung cấp dịch vụ khách hàng logistics
III	Năng lực nâng cao	
7	NLNC-01	Hỗ trợ hoạt động mua hàng và quản lý nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	163	249	23
MH-CT	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5

MH-PL	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH-TA	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
MH-TH	Tin học	3	75	15	58	2
MH-QP	Giáo dục quốc phòng – An ninh	3	75	42	29	4
MH-TC	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	84	2115	606	1420	89
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	360	220	123	17
MH-CS01	Tổng quan Logistics và chuỗi cung ứng	3	45	30	13	2
MH-CS02	Kinh tế vi mô	3	45	30	13	2
MH-CS03	Quản trị học	3	45	35	8	2
MH-CS04	Marketing	3	45	35	8	2
MH-CS05	Địa lý Giao thông Vận tải	3	60	30	27	3
MH-CS06	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	27	3
MH-CS07	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	60	30	27	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	40	900	281	562	57
MĐ-CM01	Quản lý công việc trong Logistics	4	90	29	58	3
MĐ-CM02	An toàn, An ninh trong Logistics	4	90	29	58	3
MĐ-CM03	Nghiệp vụ Kho vận	8	180	55	110	15
MĐ-CM04	Điều phối Vận tải	8	180	55	110	15

MĐ- CM05	Nghiệp vụ Giao nhận và Thủ tục Hải quan	8	180	55	110	15
MĐ- CM06	Dịch vụ khách hàng Logistics	4	90	29	58	3
MĐ- CM07	Nghiệp vụ mua hàng	4	90	29	58	3
II.3	Môn học, mô đun nâng cao	23	855	105	735	15
MĐ- TT01	Thực tập doanh nghiệp 1	9	360	30	325	5
MĐ- TT02	Thực tập doanh nghiệp 2	9	360	30	325	5
MĐ- ĐA01	Đồ án tốt nghiệp	5	135	45	85	5
Tổng cộng		103	2550	769	1669	112

Chú ý: Thời lượng kiểm tra lý thuyết tính cho giờ học Lý thuyết, thời lượng kiểm tra thực hành tính cho giờ học Thực hành.

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn giảng dạy các môn học chung bắt buộc

Việc giảng dạy 06 môn học chung bắt buộc được thực hiện theo Chương trình chi tiết các môn học chung do Bộ Lao động Thương Xã hội ban hành, cụ thể:

STT	Tên môn học	Thông tư ban hành chương trình
1	Giáo dục chính trị	Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH
2	Pháp luật	Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH
3	Tiếng Anh	Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH
4	Tin học	Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH
5	Giáo dục quốc phòng – An ninh	Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH
6	Giáo dục thể chất	Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH

7.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình

a) Đối với đào tạo theo niên chế:

Thực hiện theo quy định tại Chương II của Quy chế Tổ chức đào tạo, thi kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo quyết định 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

b) Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ:

Thực hiện theo quy định tại Chương III của Quy chế Tổ chức đào tạo, thi kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo quyết định 1479/QĐ-CDKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

7.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho hoạt động ngoại khóa

7.3.1. Đơn vị thời gian và quy đổi thời gian trong Chương trình đào tạo:

Thời gian học tập được tính bằng giờ và quy đổi ra tín chỉ để xác định khối lượng học tập tối thiểu theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau:

a) Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

b) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

c) Số lượng tín chỉ trong mỗi môn học, mô-đun và trong chương trình đào tạo được tính làm tròn là số nguyên

7.3.2. Hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy, quy chế cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Thời gian và nội dung hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào

tạo chính khóa như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Ngoài giờ học hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ	Ngoài giờ học hàng ngày
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

- Các mô đun bổ trợ, bồi dưỡng kỹ năng cho sinh viên trong chương trình:

TT	Tên mô đun	Số tín chỉ quy đổi	Tổng số giờ	Thời gian thực hiện
MĐ-ĐK01	Kỹ năng bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	01	30 giờ	Bố trí giảng dạy trong năm thứ nhất
MĐ-ĐK02	Kỹ năng sống	01	30 giờ	
MĐ-ĐK03	Kỹ năng khởi nghiệp	01	30 giờ	Bố trí giảng dạy trong năm thứ hai
MĐ-ĐK04	Kỹ năng số	01	30 giờ	

Ghi chú: Sinh viên phải tham gia và hoàn thành các mô đun bồi dưỡng kỹ năng.

7.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Quy chế Tổ chức đào tạo, thi kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo quyết định 1479/QĐ-CĐKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

7.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

a) Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học hoàn thành chương trình đào tạo và đủ điều kiện thi được dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết chuyên môn và Thực hành.

Thời gian làm bài thi tốt nghiệp:

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết	Không quá 180 phút
2	Thực hành	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Từ 01 đến 03 ngày (không quá 08 giờ/ngày)

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định.

b) Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học hoàn thành chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc xét công nhận tốt nghiệp cho người học và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TỔNG QUAN LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

Mã môn học: MH-CS01

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thảo luận, bài tập: 13 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, được bố trí giảng dạy vào học kỳ đầu tiên của chương trình đào tạo. Môn học cung cấp các kiến thức nhập môn, mang tính nền tảng về ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, làm cơ sở để người học tiếp thu các môn học và mô đun chuyên môn ở các học kỳ tiếp theo.

Tính chất: Môn học lý thuyết, trang bị kiến thức tổng quan.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về Logistics và Chuỗi cung ứng, phân biệt được sự khác nhau giữa hai khái niệm này.
- Mô tả được lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của ngành Logistics trên thế giới và tại Việt Nam.
- Liệt kê và giải thích được các hoạt động cơ bản cấu thành nên dịch vụ Logistics (dịch vụ khách hàng, quản lý kho bãi, quản lý tồn kho, vận tải, xử lý đơn hàng, mua hàng) và vai trò của chúng.
- Trình bày được vai trò của Logistics đối với sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế.
- Nhận biết được các hệ thống công nghệ thông tin phổ biến được ứng dụng trong Logistics như WMS, TMS, ERP, GPS.

Về kỹ năng:

- Phân biệt được các loại hình dịch vụ Logistics (1PL, 2PL, 3PL, 4PL, 5PL).
- Nhận diện được các thành phần trong một chuỗi cung ứng đơn giản.
- Sử dụng được các thuật ngữ cơ bản của ngành trong giao tiếp và học tập.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò chiến lược của ngành Logistics trong bối cảnh kinh tế hiện đại.
- Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, chủ động tìm hiểu kiến thức nền tảng của ngành nghề.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Nhập môn Logistics và Chuỗi cung ứng	8	8	0	0
2	Chương 2: Các hoạt động cơ bản của Logistics	16	10	5	1
3	Chương 3: Vai trò của Logistics và các loại hình dịch vụ	12	8	4	0
4	Chương 4: Giới thiệu công nghệ và hệ thống thông tin trong Logistics	9	4	4	1
Cộng		45	30	13	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Nhập môn Logistics và Chuỗi cung ứng (8 giờ)

- **Mục tiêu:** Trình bày được khái niệm, lịch sử phát triển và phân biệt được Logistics và Chuỗi cung ứng.
- **Nội dung:**
 - 1.1. Khái niệm và định nghĩa
 - 1.1.1. Định nghĩa Logistics
 - 1.1.2. Định nghĩa Chuỗi cung ứng (Supply Chain)

- 1.2. Lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của Logistics
 - 1.2.1. Giai đoạn Logistics quân đội
 - 1.2.2. Giai đoạn Logistics kinh doanh và quốc tế
 - 1.2.3. Giai đoạn Logistics toàn cầu và sự ra đời của Quản lý chuỗi cung ứng
- 1.3. Phân biệt Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
 - 1.3.1. Về phạm vi
 - 1.3.2. Về mục tiêu
 - 1.3.3. Về mối quan hệ
- 1.4. Phân loại Logistics
 - 1.4.1. Phân loại theo các hình thức Logistics (Inbound, Outbound, Reverse Logistics)
 - 1.4.2. Phân loại theo đối tượng hàng hóa
 - 1.4.3. Phân loại theo quá trình

Chương 2: Các hoạt động cơ bản của Logistics (16 giờ)

- **Mục tiêu:** Liệt kê và giải thích được 7 hoạt động (7R) và các chức năng cơ bản của Logistics.
- **Nội dung:**
 - 2.1. Nguyên tắc 7 Đúng (7 Rights) trong Logistics
 - 2.2. Dịch vụ khách hàng (Customer Service)
 - 2.3. Quản lý kho bãi và lưu trữ (Warehousing and Storage)
 - 2.4. Quản lý hàng tồn kho (Inventory Management)
 - 2.5. Vận tải (Transportation)
 - 2.6. Xử lý đơn hàng (Order Processing)
 - 2.7. Mua hàng (Procurement)
 - 2.8. Các hoạt động hỗ trợ khác (đóng gói, dán nhãn,...)

Chương 3: Vai trò của Logistics và các loại hình dịch vụ (12 giờ)

- **Mục tiêu:** Trình bày được vai trò của Logistics và phân biệt được các loại

hình nhà cung cấp dịch vụ Logistics.

- **Nội dung:**

- 3.1. Vai trò của Logistics

- 3.1.1. Đối với doanh nghiệp (tối ưu chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh)

- 3.1.2. Đối với nền kinh tế (hỗ trợ lưu thông, phân phối)

- 3.2. Các bên tham gia vào chuỗi cung ứng

- 3.3. Các nhà cung cấp dịch vụ Logistics (Logistics Service Providers - LSPs)

- 3.3.1. Logistics bên thứ nhất (1PL)

- 3.3.2. Logistics bên thứ hai (2PL)

- 3.3.3. Logistics bên thứ ba (3PL)

- 3.3.4. Logistics bên thứ tư (4PL) và bên thứ năm (5PL)

Chương 4: Giới thiệu công nghệ và hệ thống thông tin trong Logistics (9 giờ)

- **Mục tiêu:** Nhận biết và trình bày được vai trò của các công nghệ và hệ thống thông tin phổ biến trong ngành.

- **Nội dung:**

- 4.1. Tầm quan trọng của thông tin trong chuỗi cung ứng

- 4.2. Giới thiệu các hệ thống quản lý chuyên ngành

- 4.2.1. Hệ thống quản lý kho (WMS - Warehouse Management System)

- 4.2.2. Hệ thống quản lý vận tải (TMS - Transportation Management System)

- 4.2.3. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP - Enterprise Resource Planning)

- 4.3. Giới thiệu các công nghệ nhận dạng và theo dõi

- 4.3.1. Mã vạch (Barcode) và mã QR (QR Code)

- 4.3.2. Hệ thống định vị toàn cầu (GPS - Global Positioning System)

- 4.3.3. Công nghệ nhận dạng qua tần số vô tuyến (RFID - Radio Frequency Identification)

- 4.4. Xu hướng công nghệ trong Logistics (IoT, AI, Blockchain,...)

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng học lý thuyết tiêu chuẩn có máy tính, máy chiếu, kết nối internet.
2. Thiết bị, máy móc: Không yêu cầu thiết bị chuyên dụng.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, slide bài giảng, các video clip minh họa về hoạt động logistics thực tế.
4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:
 - Kiến thức: Mức độ hiểu và trình bày lại các khái niệm, vai trò, hoạt động và công nghệ cơ bản trong Logistics và Chuỗi cung ứng.
2. Phương pháp đánh giá:
 - Đánh giá quá trình: Tham gia thảo luận trên lớp, thực hiện các bài tập nhỏ.
 - Đánh giá kết thúc môn học: Bài thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan, kiểm tra kiến thức tổng hợp của cả môn học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng: Môn học được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành, nghề Logistics.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:
 - Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm, đặt câu hỏi gợi mở. Tăng cường sử dụng các ví dụ thực tế, video clip, case study của các doanh nghiệp logistics lớn (DHL, FedEx, Maersk, Viettel Post...) để minh họa cho bài giảng.
 - Đối với người học: Chủ động đọc trước giáo trình, tham gia phát biểu xây dựng bài, làm việc nhóm để giải quyết các bài tập tình huống. Khuyến khích tìm hiểu thêm thông tin về ngành qua các trang tin tức chuyên ngành.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
 - Chương 1: Phân biệt rõ ràng giữa Logistics và Chuỗi cung ứng.
 - Chương 2: Hiểu rõ bản chất và mối liên hệ của các hoạt động logistics cốt lõi.

- Chương 4: Nhân mạnh vai trò của công nghệ như một yếu tố không thể thiếu trong logistics hiện đại.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Đoàn Thị Hồng Vân (2010), Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, NXB Lao động Xã hội.
- [2] An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, & Nguyễn Thông Thái (2018), Giáo trình quản trị logistics kinh doanh, NXB Hà Nội.
- [3] Bowersox, D. J., Closs, D. J., & Cooper, M. B. (2019), Supply Chain Logistics Management (5th ed.), McGraw-Hill Education.
- [4] Tạp chí Vietnam Logistics Review (VLR).
- [5] Website Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA).
- [6] Cổng thông tin điện tử Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KINH TẾ VI MÔ

Mã môn học: MH-CS02

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thảo luận, bài tập: 13 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Kinh tế học vi mô thuộc khối kiến thức cơ sở, làm cơ sở để người học tiếp thu các môn học và môn chuyên môn ở các học kỳ tiếp theo.

Tính chất: Sau khi học xong học phần này, người học có được những kiến thức cơ bản về Kinh tế vi mô nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện những cơ hội và nguy cơ để ra quyết định trong kinh doanh.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế vi mô, nền kinh tế, các quy luật kinh tế. Hiểu rõ nguyên tắc lựa chọn kinh tế theo phương pháp tối ưu (Phân tích cận biên).

- Bản chất của cung, cầu và các nhân tố ảnh hưởng. hiểu cơ chế giá điều chỉnh hành vi của người mua, người bán và tác động chính sách của Chính phủ. Đồng thời cung cấp cho người học cách thức tính toán hệ số co giãn của cung, cầu và ứng dụng của chúng trong thực tế.

- Hiểu được cách thức lựa chọn của người tiêu dùng với hạn chế về ngân sách, và từ đó có căn cứ xây dựng đường cầu cá nhân người tiêu dùng.

- Các đặc điểm của hàm sản xuất, hiệu suất theo quy mô và từ đó hiểu được các quy luật, các chỉ chỉ ngắn hạn và ứng dụng của chúng trong việc ra quyết định của doanh nghiệp.

- Bản chất, đặc điểm riêng có của 4 cấu trúc thị trường để từ đó có thể hiểu được cách thức xây dựng chiến lược kinh doanh đúng đắn.

- Hiểu được bản chất cân bằng hiệu quả và các nguyên nhân dẫn đến các thất bại của thị trường, và từ đó hiểu được vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

Về kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp;

- Xác định được cung cầu, giá cả hàng hóa;
- Xác định được hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp;
- Xác định được các cấu trúc thị trường; xây dựng chiến lược kinh doanh đúng đắn
- Có kỹ năng làm việc độc lập, phát triển khả năng tư duy phản biện về các vấn đề thuộc về kinh tế học vi mô nhằm giải quyết tốt các tình huống giả định và thực tiễn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển.
- Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế học	4	4	0	0
2	Chương 2: Lý thuyết cầu và cung	12	8	4	0
3	Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng	8	6	2	0
4	Chương 4: Lý thuyết về doanh nghiệp	10	6	3	1
5	Chương 5: Các cấu trúc thị trường	11	6	4	1
Cộng		45	30	13	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về kinh tế học

(Thời gian: 4 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, phân loại, phương pháp nghiên cứu kinh tế học và lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu.

- Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình nghiên cứu, học tập.

Nội dung:

- 1.1. Giới thiệu kinh tế học vi mô
- 1.2. Các khái niệm cơ bản
- 1.3. Lựa chọn tối ưu

Chương 2: Lý thuyết cầu và cung

(Thời gian: 12 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm cung cầu và các vấn đề liên quan đến cung cầu;

- Xác định được hàm số cung, hàm số cầu, cân bằng cung cầu;

- Xác định ảnh hưởng của các yếu tố đến cung cầu, co giãn cung cầu;

- Tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Nội dung:

- 2.1. Cầu
- 2.2. Cung
- 2.3. Mối quan hệ cung - cầu
- 2.4. Chính sách can thiệp của Chính phủ
- 2.5. Sự co giãn của cung - cầu.

Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng

(Thời gian: 8 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được lý thuyết về lợi ích tiêu dùng;

- Phân tích được sự lựa chọn tối ưu trong hành vi của người tiêu dùng;

- Thực hiện được các bài tập tình huống và tính toán liên quan đến lựa chọn tối ưu trong tiêu dùng;

- Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Nội dung:

- 3.1. Các khái niệm

3.2. Lý thuyết lợi ích đo được

3.3. Lý thuyết phân tích bàng quan.

Chương 4: Lý thuyết về doanh nghiệp

(Thời gian: 10 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được lý thuyết về sản xuất, chi phí, doanh thu và lợi nhuận;
- Thực hiện được các bài tập tình huống và tính toán về xác định chi phí, doanh thu, doanh thu cận biên, tối đa hóa doanh thu, lợi nhuận và tối đa hóa lợi nhuận;
- Chủ động, tích cực trong quá trình học tập và nghiên cứu môn học.

Nội dung:

4.1. Lý thuyết và hàm sản xuất

4.2. Mối quan hệ giữa năng suất bình quân, cận biên và tổng sản phẩm

4.3. Các loại chi phí ngắn hạn và mối quan hệ giữa chúng

4.4. Lợi nhuận và tối đa hóa lợi nhuận.

Chương 5: Các cấu trúc thị trường

(Thời gian: 11 giờ)

Mục tiêu:

- Phân biệt được các cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền và độc quyền tập đoàn);
- Ưu, nhược điểm của từng loại thị trường;
- Xác định điểm cân bằng cung cầu trong từng loại thị trường;
- Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong việc học tập, nghiên cứu.

Nội dung:

5.1. Cạnh tranh hoàn hảo

5.2. Độc quyền bán

5.3. Cạnh tranh độc quyền

5.4. Độc quyền tập đoàn

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng học lý thuyết tiêu chuẩn có máy tính, máy chiếu, kết nối internet.
2. Thiết bị, máy móc: Không yêu cầu thiết bị chuyên dụng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình, đề cương, giáo án;
- Mô hình học cụ: bảng biểu, sơ đồ, đồ thị,...;
- Nguyên vật liệu và các nguồn lực khác...;
- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn kinh tế vi mô;
- Bài tập thực hành.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Trình bày được các khái niệm và nguyên lý cơ bản của kinh tế học vi mô; các lý thuyết, mô hình cơ bản và phân tích các vấn đề kinh tế đơn giản.

Phát triển kỹ năng tiến hành nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và khái quát hóa các vấn đề kinh tế vi mô cơ bản.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình: Tham gia thảo luận trên lớp, thực hiện các bài tập nhỏ.

Đánh giá kết thúc môn học: Bài thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan, kiểm tra kiến thức tổng hợp của cả môn học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng: Môn học được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm, đặt câu hỏi gợi mở. Tăng cường sử dụng các ví dụ thực tế, video clip để minh họa cho bài giảng.

Đối với người học: Chủ động đọc trước giáo trình, tham gia phát biểu xây dựng bài, làm việc nhóm để giải quyết các bài tập thực hành và bài tình huống. Khuyến khích tìm hiểu thêm thông tin qua các trang tin tức chuyên ngành.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cầu - cung hàng hoá;
- Lý thuyết hành vi người tiêu dùng;
- Lý thuyết hành vi doanh nghiệp;

Cấu trúc thị trường.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] *Kinh tế học vi mô* - NXB Giáo dục Việt Nam 2011
- [2] *Kinh tế vi mô* - Đại học Kinh tế TP HCM NXB Thống kê
- [3] N. Gregory Mankiw, *Nguyên lý kinh tế học tập 1,2*, NXB Thống kê 2003
- [4] Bài giảng: *Nguyên lý kinh tế vi mô* - Nguyễn Văn Ngọc, NXB Đại học kinh tế quốc dân 2007
- [5] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ & Nguyễn Hoàng Bảo (2007), Câu hỏi - bài tập - trắc nghiệm: *Kinh tế vi mô*, NXB Lao động Xã hội.
- [6] Mankiw, N. G. (2024), *Kinh tế học Vi mô* (Bản dịch tiếng Việt, tái bản mới nhất), NXB Hồng Đức.
- [7] Hazlitt, H. (2024), *Kinh tế học trong một bài học*, NXB Tri thức.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: QUẢN TRỊ HỌC

Mã môn học: MH-CS03

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 35 giờ; Thảo luận, bài tập: 8 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí:

Quản trị học là một môn khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở, làm cơ sở để người học tiếp thu các môn học và mô đun chuyên môn.

Tính chất:

Môn học này giới thiệu tổng quan về quản trị các tổ chức, các nguyên tắc quản trị học, quyết định quản trị, hệ thống các chức năng tổ chức trong quản trị, nghệ thuật lãnh đạo trong quản trị và giải quyết các tình huống xảy ra ở từng trường hợp.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm quản trị, nhà quản trị, vai trò, kỹ năng và các cấp bậc của nhà quản trị.
- Phân biệt được các thành viên trong tổ chức như nhà quản trị và người thừa hành.
- Trình bày được khái niệm và phân loại quyết định quản trị. Mô tả được các bước của quy trình ra quyết định quản trị; Phân biệt được các mô hình ra quyết định quản trị.
- Trình bày được khái niệm và ý nghĩa của công tác hoạch định trong quản trị; tiến trình hoạch định.
- Trình bày được khái niệm, vai trò và vị trí của chức năng tổ chức trong quản trị. Giải thích được các nguyên tắc cơ bản của tổ chức quản trị.
- Trình bày được khái niệm, vai trò của chức năng lãnh đạo. Phân biệt nhà lãnh đạo và nhà quản trị.
- Trình bày được khái niệm, mục đích và tác dụng của chức năng kiểm tra; Mô tả được quy trình kiểm tra; Phân biệt được các loại hình kiểm tra.

Về kỹ năng:

- Ra quyết định hợp lý trên cơ sở mục tiêu đã xác định
- Lập mục tiêu SWOT và kế hoạch hành động hợp lý
- Tổ chức và sắp xếp cơ cấu tổ chức phù hợp với từng doanh nghiệp
- Tạo động cơ thúc đẩy tinh thần làm việc của nhân viên
- Thực hiện các hoạt động kiểm tra theo đúng trình tự.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và thực hiện tốt các chức năng quản trị giúp doanh nghiệp đạt được hiệu quả và hiệu suất cao .
- Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc.

III. Nội dung môn học**1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian**

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị học	4	4	0	0
2	Chương 2: Quyết định quản trị	7	7	0	0
3	Chương 3: Chức năng hoạch định	8	6	2	0
4	Chương 4: Chức năng tổ chức	9	6	2	1

5	Chương 5: Chức năng lãnh đạo	8	6	2	0
6	Chương 6: Chức năng kiểm tra	9	6	2	1
Cộng		45	35	8	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về quản trị

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu:

- + Nắm vững được các quan niệm về quản trị, bản chất của quản trị
- + Hiểu được thế nào là nhà quản trị, vai trò của họ trong tổ chức
- + Hiểu được văn hóa, môi trường tổ chức, ảnh hưởng nó đến quản trị tổ chức.
- + Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung

1. Quan niệm về quản trị, bản chất của quản trị, nhà quản trị.
2. Văn hóa tổ chức và môi trường tổ chức.
3. Các lý thuyết về quản trị.

Chương 2: Quyết định quản trị

Thời gian: 7 giờ

Mục tiêu:

- + Trình bày được khái niệm và phân loại quyết định quản trị. Mô tả được các bước của quy trình ra quyết định quản trị; Phân biệt được các mô hình ra quyết định quản trị.
- + Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung:

1. Những vấn đề chung của quyết định quản trị.
2. Phân loại quyết định quản trị.
3. Quy trình ra quyết định quản trị.
4. Các mô hình ra quyết định quản trị.
5. Quyết định tập thể.

Chương 3: Chức năng hoạch định

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu:

- + Nắm vững được khái niệm, vai trò, mục tiêu của hoạch định
- + Hiểu được cơ sở khoa học để hoạch định

- + Hiểu được tiến trình để tiến hành hoạch định
- + Thực hiện các bài tập tình huống trong quản trị
- + Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung:

1. Khái niệm và vai trò của hoạch định
2. Mục tiêu, cơ sở khoa học và tiến trình của hoạch định
3. Hoạch định chiến lược, hoạch định tác nghiệp

Chương 4: Chức năng tổ chức

Thời gian: 9 giờ

Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc của công tác tổ chức
- + Hiểu được một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức
- + Nắm được khái niệm cơ cấu tổ chức và một số kiểu cơ cấu tổ chức

Nội dung:

1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc của công tác tổ chức
2. Một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức
3. Các kiểu cơ cấu tổ chức.

Chương 5: Chức năng lãnh đạo

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, nội dung và vai trò của lãnh đạo
- + Hiểu được các lý thuyết về động cơ làm việc của nhân viên
- + Hiểu được các phương pháp lãnh đạo
- + Vận dụng để tháo gỡ các tình huống ở bài tập.

Nội dung:

1. Khái niệm nội dung và vai trò của lãnh đạo
2. Các lý thuyết về động cơ làm việc của nhân viên
3. Các phương pháp và phong cách lãnh đạo.

Chương 6: Chức năng kiểm tra

Thời gian: 9 giờ

Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, mục đích và vai trò của công tác kiểm tra
- + Hiểu được các nguyên tắc cần được áp dụng trong kiểm tra
- + Hiểu được tiến trình kiểm tra
- + Biết vận dụng để giải quyết các tình huống trong bài tập thảo luận.

Nội dung:

1. Khái niệm, mục đích và vai trò của công tác kiểm tra
2. Các nguyên tắc kiểm tra
3. Tiến trình kiểm tra.

IV. Điều kiện thực hiện chương trình:

- Phòng học lý thuyết
- Máy tính, máy chiếu projecto
- Đề cương, giáo án, bài giảng môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo
- Giáo trình, tài liệu phát tay
- Câu hỏi và các bài tập tình huống.

V. Phương pháp và nội dung đánh giá:

- Kiểm tra lý thuyết với các nội dung đã học có liên hệ với thực tiễn
- Thực hành: kiểm tra và đánh giá các bài tập thảo luận của các nhóm
- Đánh giá trong quá trình học tập:
 - + Kiểm tra viết
 - + Thảo luận nhóm

VI. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

1. Phạm vi áp dụng chương trình: Chương trình được sử dụng giảng dạy cho Trình độ Cao đẳng, giảng dạy các giờ lý thuyết kết hợp với thực hành đan xen.
2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:
 - Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp với thảo luận nhóm.
 - Giáo viên trước khi giảng cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện của từng bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:
 - Khái niệm, bản chất của quản trị
 - Chức năng lập kế hoạch
 - Chức năng tổ chức
 - Chức năng lãnh đạo
 - Chức năng kiểm tra
4. Tài liệu cần tham khảo:
 - [1] PGS.TS Đào Duy Hân, Quản trị học (2007), NXB Thống kê
 - [2] Đoàn Thị Thu Hà & Nguyễn Thị Ngọc Huyền (Chủ biên) (2024), Giáo trình Quản trị học, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
 - [3] Drucker, P. F. (Năm 2024), Nhà quản trị hiệu quả (The Effective Executive), NXB Trẻ.
 - [4] Covey, S. R. (2024), 7 Thói quen hiệu quả (The 7 Habits of Highly Effective People), NXB Tổng hợp TP.HCM.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: MARKETING

Mã môn học: MH-CS04

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 35 giờ; Thảo luận, bài tập: 8 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở, cung cấp các kiến thức nền tảng về thị trường, khách hàng và các công cụ marketing hỗn hợp (Marketing Mix). Đối với ngành Logistics, kiến thức này giúp người học hiểu được cách các doanh nghiệp dịch vụ logistics tiếp cận khách hàng, xây dựng thương hiệu và tạo ra giá trị, làm nền tảng cho các nghiệp vụ liên quan đến dịch vụ khách hàng.

Tính chất: Môn học lý thuyết, trang bị tư duy marketing.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm cốt lõi của marketing: nhu cầu, mong muốn, trao đổi, thị trường, giá trị khách hàng.
- Mô tả được quy trình marketing và môi trường marketing của doanh nghiệp.
- Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua của khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.
- Trình bày được các bước trong quy trình phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị.
- Phân tích được các thành phần của marketing hỗn hợp cho dịch vụ (7Ps): Sản phẩm (Product), Giá (Price), Phân phối (Place), Xúc tiến (Promotion), Con người (People), Quy trình (Process), và Bằng chứng vật chất (Physical Evidence).

Về kỹ năng:

- Phân tích được môi trường marketing của một công ty dịch vụ logistics.
- Vận dụng được các yếu tố 7Ps để phân tích chiến lược marketing của một công ty logistics cụ thể.
- Đề xuất được ý tưởng marketing đơn giản cho một dịch vụ logistics..

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Hình thành tư duy hướng về khách hàng, luôn đặt khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động.

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu và tạo dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

- Chủ động quan sát và phân tích các hoạt động marketing của các doanh nghiệp trong thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về Marketing	8	8	0	0
2	Chương 2: Môi trường Marketing và Hành vi khách hàng	11	8	1	1
3	Chương 3: Chiến lược Marketing mục tiêu (STP)	13	9	4	0
4	Chương 4: Marketing hỗn hợp cho dịch vụ (7Ps)	13	9	3	1
Cộng		45	35	8	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về Marketing

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu: Hiểu rõ bản chất, vai trò và quy trình của marketing.

Nội dung:

1. Các khái niệm cốt lõi trong marketing.
2. Quá trình phát triển của tư duy marketing.
3. Vai trò của marketing trong doanh nghiệp.
4. Quy trình marketing tổng quát.

Chương 2: Môi trường Marketing và Hành vi khách hàng Thời gian: 11 giờ

Mục tiêu: Hiểu được các yếu tố môi trường tác động và hiểu được cách khách hàng ra quyết định mua.

Nội dung:

1. Môi trường marketing vi mô và vĩ mô.
2. Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing.
3. Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng.
4. Hành vi mua của khách hàng tổ chức (B2B) - đặc biệt quan trọng trong logistics.

Chương 3: Chiến lược Marketing mục tiêu (STP) Thời gian: 13 giờ

Mục tiêu: Hiểu rõ quy trình lựa chọn thị trường và xây dựng hình ảnh cho sản phẩm/dịch vụ.

Nội dung:

1. Phân khúc thị trường (Segmentation): các tiêu chí phân khúc.
2. Lựa chọn thị trường mục tiêu (Targeting): các phương án lựa chọn.
3. Định vị (Positioning): khái niệm, các chiến lược định vị.
4. Ứng dụng: Phân khúc khách hàng cho dịch vụ kho bãi (khách hàng cần kho mát, kho khô, kho ngoại quan...).

Chương 4: Marketing hỗn hợp cho dịch vụ (7Ps) Thời gian: 13 giờ

Mục tiêu: Hiểu vững các công cụ marketing mà doanh nghiệp sử dụng để tác động vào thị trường.

Nội dung:

1. Chính sách Sản phẩm (Product): các cấp độ sản phẩm, phát triển dịch vụ mới.
2. Chính sách Giá (Price): các phương pháp định giá.
3. Chính sách Phân phối (Place): kênh phân phối, vai trò của logistics trong phân phối.
4. Chính sách Xúc tiến (Promotion): quảng cáo, PR, khuyến mãi.
5. Các yếu tố mở rộng cho marketing dịch vụ: Con người (People), Quy trình (Process), Bằng chứng vật chất (Physical Evidence).
6. Ứng dụng: Phân tích 7Ps của một công ty chuyên phát nhanh như Giao Hàng Nhanh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Phòng học: Phòng học lý thuyết tiêu chuẩn, trang bị máy chiếu, bảng trắng và kết nối internet.

Thiết bị: Máy tính cho giảng viên, máy chiếu.

Học liệu: Giáo trình; các ví dụ, quảng cáo, website của các công ty logistics.

Các điều kiện khác: Giảng viên có chuyên môn về marketing.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

- **Nội dung:**
 - Đánh giá kiến thức về các khái niệm, quy trình và công cụ marketing.
 - Đánh giá kỹ năng phân tích chiến lược marketing của một doanh nghiệp dịch vụ.
- **Phương pháp:**
 - **Đánh giá quá trình:**
 - Chuyên cần, tham gia thảo luận.
 - Kiểm tra giữa kỳ: trắc nghiệm khách quan (chiếm 40% điểm tổng kết).
 - **Đánh giá kết thúc môn học:**
 - Thi viết tự luận cuối kỳ, tập trung vào phân tích tình huống marketing (chiếm 60% điểm tổng kết).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

- **Phạm vi áp dụng môn học:** Môn học được áp dụng cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Logistics.
- **Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**
 - **Đối với giảng viên:** Sử dụng nhiều ví dụ trực quan (video quảng cáo, website, fanpage) của các công ty logistics để bài giảng sinh động. Giao các bài tập nhóm nhỏ yêu cầu sinh viên phân tích hoạt động marketing của một doanh nghiệp mà họ quan sát được.
 - **Đối với người học:** Tích cực quan sát các hoạt động marketing xung quanh. Theo dõi các chiến dịch quảng cáo của các thương hiệu lớn để học hỏi.
- **Những trọng tâm cần chú ý:**
 - Chương 4: Hiểu rõ và vận dụng được mô hình 7Ps cho dịch vụ logistics là nội dung quan trọng nhất.
- **Tài liệu tham khảo:**
 - [1] Kotler, P., & Armstrong, G. (2021), Nguyên lý Marketing (Bản dịch tiếng Việt, phiên bản mới nhất), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 11
 - [2] Trần Minh Đạo (Chủ biên) (2020), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
 - [3] Brands Vietnam (www.brandsvietnam.com).
 - [4] Advertising Vietnam (www.advertisingvietnam.com).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: ĐỊA LÝ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Mã môn học: MH-CS05

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, được bố trí sau môn Tổng quan Logistics và Chuỗi cung ứng. Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về hạ tầng và các tuyến vận tải, là đầu vào trực tiếp và quan trọng cho mô đun chuyên môn Điều phối hoạt động Vận tải.

Tính chất: Môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trên bản đồ, phần mềm.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm, vai trò của các yếu tố địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến hoạt động giao thông vận tải.
- Mô tả được mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và đường thủy nội địa của Việt Nam, bao gồm các tuyến chính, các đầu mối giao thông quan trọng (cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt, cửa khẩu).
- Xác định được vị trí và vai trò của các cảng biển, cảng hàng không, trung tâm logistics lớn trên thế giới và các tuyến vận tải quốc tế chính kết nối Việt Nam với các khu vực.
- Phân tích được ưu, nhược điểm, phạm vi áp dụng và khả năng kết nối của từng phương thức vận tải.
- Trình bày được khái niệm và vai trò của vận tải đa phương thức và các hành lang kinh tế.

Về kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo bản đồ số (Google Maps, Google Earth) để tra cứu vị trí, xác định khoảng cách và tìm kiếm các tuyến đường vận chuyển.
- Vạch ra được một số phương án lộ trình vận chuyển đường bộ giữa hai địa điểm cho trước, có xem xét đến các yếu tố như loại đường, các trạm thu phí,

các khu vực thường xuyên tắc nghẽn.

- o Lựa chọn được phương thức vận tải hoặc kết hợp các phương thức vận tải phù hợp cho một lô hàng cụ thể dựa trên các tiêu chí về thời gian, chi phí và đặc tính hàng hóa.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- o Chủ động cập nhật thông tin về các dự án phát triển hạ tầng giao thông mới tại Việt Nam và các thay đổi về tuyến vận tải quốc tế.
- o Có ý thức về tầm quan trọng của việc lựa chọn lộ trình và phương thức vận tải tối ưu để tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp.
- o Chăm thận, chính xác trong việc tra cứu thông tin địa lý và các tuyến đường.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về Địa lý Giao thông Vận tải	8	8	0	0
2	Chương 2: Giao thông Vận tải đường bộ và đường sắt Việt Nam	12	5	7	0
3	Chương 3: Giao thông Vận tải đường biển và đường thủy nội địa	12	5	7	0
4	Chương 4: Giao thông Vận tải đường hàng không	12	6	5	1
5	Chương 5: Vận tải đa phương thức và các tuyến vận tải quốc tế	16	6	8	2
Cộng		60	30	27	3

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về Địa lý Giao thông Vận tải (Thời gian: 6 giờ)

Mục tiêu: Cung cấp các khái niệm và nguyên tắc cơ bản.

Nội dung:

1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu.
2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố mạng lưới giao thông vận tải.
3. Vai trò của giao thông vận tải trong chuỗi cung ứng Logistics.

Chương 2: Giao thông Vận tải đường bộ và đường sắt Việt Nam (Thời gian: 12 giờ)

Mục tiêu: Nắm vững hệ thống hạ tầng đường bộ, đường sắt và các đầu mối liên quan tại Việt Nam.

Nội dung:

1. Hệ thống quốc lộ, cao tốc trục Bắc - Nam và các tuyến ngang.
2. Các cửa khẩu đường bộ quốc tế quan trọng (Hữu Nghị, Móng Cái, Lào Cai, Mộc Bài...).
3. Mạng lưới đường sắt quốc gia, các ga hàng hóa chính.
4. Quy định về tải trọng, khổ giới hạn, giờ cấm tải tại các thành phố lớn.
5. Thực hành trên Google Maps và các bài tập tình huống

Chương 3: Giao thông Vận tải đường biển và đường thủy nội địa (Thời gian: 12 giờ)

Mục tiêu: Hiểu rõ hệ thống cảng biển và các tuyến vận tải đường thủy của Việt Nam.

Nội dung:

1. Hệ thống cảng biển Việt Nam: Phân loại cảng, các cụm cảng biển chính (Nhóm 1 - Hải Phòng, Nhóm 4 - TP.HCM, Nhóm 5 - Cái Mép - Thị Vải).
2. Các tuyến vận tải ven biển và quốc tế từ các cảng chính của Việt Nam.
3. Hệ thống đường thủy nội địa khu vực phía Bắc và phía Nam.
4. Thực hành tra cứu lịch tàu (sailing schedule) trên website của các hãng tàu lớn (Maersk, MSC, ONE) và Bài tập tình huống: Xác định cảng biển phù hợp để xuất khẩu một lô hàng.

Chương 4: Giao thông Vận tải đường hàng không Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu: Nắm được hệ thống cảng hàng không và các dịch vụ vận tải hàng không.

Nội dung:

1. Hệ thống cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam, các cảng hàng không quốc tế chính (Nội Bài - HAN, Tân Sơn Nhất - SGN, Đà Nẵng - DAD).
2. Các nhà ga hàng hóa (cargo terminal) và các công ty phục vụ mặt đất (ground handling).

3. Các hãng hàng không vận chuyển hàng hóa lớn hoạt động tại Việt Nam.
4. Thực hành tra cứu mã sân bay và Bài tập tình huống

Chương 5: Vận tải đa phương thức và các tuyến vận tải quốc tế

Thời gian: 16 giờ

Mục tiêu: Hiểu về kết hợp các phương thức vận tải và mở rộng tầm nhìn ra thế giới.

Nội dung:

1. Khái niệm, lợi ích của vận tải đa phương thức (Multimodal Transport).
2. Các tuyến vận tải biển quốc tế chính: Á - Âu, Xuyên Thái Bình Dương, Xuyên Đại Tây Dương.¹²
3. Các cảng trung chuyển (transshipment hub) lớn trên thế giới (Singapore, Hong Kong, Rotterdam, Dubai).⁸
4. Các hành lang kinh tế và sáng kiến kết nối hạ tầng (BRI, Hành lang kinh tế Đông - Tây).
5. Thực hành
Thảo luận nhóm
Bài tập

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Phòng học: Phòng học lý thuyết có kết nối internet mạnh và ổn định. Ưu tiên phòng máy tính để sinh viên có thể thực hành tra cứu trực tiếp.

Thiết bị: Máy tính, máy chiếu có độ phân giải cao để hiển thị rõ bản đồ, hệ thống mạng LAN/Wifi.

Học liệu: Giáo trình "Địa lý Giao thông Vận tải"; bản đồ giao thông Việt Nam khổ lớn; tài khoản truy cập các trang web tra cứu lịch tàu, theo dõi hành trình; phần mềm Google Earth.

Các điều kiện khác: Giảng viên có kiến thức sâu rộng về địa lý và thực tiễn vận tải.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

Đánh giá kiến thức về hệ thống hạ tầng giao thông, các đầu mối, các tuyến vận tải chính của Việt Nam và thế giới.

Đánh giá kỹ năng sử dụng bản đồ số, tra cứu thông tin vận tải và khả năng lập kế hoạch lộ trình đơn giản.

Đánh giá năng lực phân tích, so sánh và lựa chọn phương thức vận tải phù hợp.

2. Phương pháp:

Đánh giá quá trình:

Bài tập thực hành trên lớp: Các bài tập tra cứu và lập lộ trình

Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết về kiến thức hạ tầng giao thông

Đánh giá kết thúc môn học:

Bài thi thực hành trên máy tính: Giải quyết một bài toán vận chuyển tổng hợp, yêu cầu sinh viên lựa chọn phương thức, vạch ra lộ trình và giải thích lý do

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học được áp dụng cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Tăng cường sử dụng các công cụ trực quan như bản đồ số, hình ảnh, video về cảng biển, sân bay, các loại phương tiện. Tổ chức các bài tập thực hành thường xuyên để sinh viên làm quen với việc tra cứu và phân tích thông tin.
- Đối với người học: Phải thành thạo kỹ năng sử dụng Google Maps và các công cụ tìm kiếm. Chủ động theo dõi các tin tức về giao thông, các dự án hạ tầng mới để liên hệ với bài học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Phần thực hành tra cứu và lập kế hoạch lộ trình là nội dung quan trọng nhất, cần dành nhiều thời gian.
- Nhấn mạnh sự kết nối giữa các phương thức vận tải và khái niệm vận tải đa phương thức.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Giáo trình "Địa lý Giao thông vận tải Việt Nam" - NXB Giao thông Vận tải.
- [2] Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2015), Địa lí dịch vụ Tập 1: Địa lí giao thông vận tải, NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Atlas Giao thông đường bộ Việt Nam (Bản mới nhất), NXB Giao thông Vận tải.
- [4] Công cụ và Cổng thông tin điện tử (Bắt buộc sử dụng thành thạo):
- [5] Google Maps / Google Earth.
- [6] Cổng thông tin điện tử Cục Hàng hải Việt Nam (vinamarine.gov.vn).
- [7] Cổng thông tin điện tử Cục Hàng không Việt Nam (caa.gov.vn).
- [8] Website các hãng tàu lớn (maersk.com, msc.com) để tra cứu lịch tàu (sailing schedules).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG

Mã môn học: MH-CS06

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, có vai trò cực kỳ quan trọng, cung cấp khung kiến thức pháp lý và thương mại cho hoạt động xuất nhập khẩu. Môn học này là tiền đề bắt buộc để học các mô đun chuyên môn Nghiệp vụ Giao nhận và Thủ tục Hải quan" và Dịch vụ khách hàng Logistics.

Tính chất: Môn học kết hợp lý thuyết chuyên sâu và thực hành phân tích chứng từ, tình huống.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình tổng quan của một giao dịch xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Giải thích được cấu trúc và các điều khoản chính của một Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract).
- Phân tích và áp dụng được 11 quy tắc của Incoterms 2020 để xác định chính xác nghĩa vụ, chi phí và thời điểm chuyển giao rủi ro giữa người bán và người mua trong một giao dịch cụ thể.
- Phân biệt được các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản: Chuyển tiền (T/T), Nhờ thu (D/P, D/A), và Tín dụng thư (L/C).
- Mô tả được quy trình thanh toán bằng L/C, vai trò của các ngân hàng liên quan và các yêu cầu nghiêm ngặt về bộ chứng từ theo quy tắc UCP 600.

Về kỹ năng:

- Đọc hiểu và trích xuất được các thông tin quan trọng từ một Hợp đồng ngoại thương mẫu.
- Lựa chọn được điều kiện Incoterms phù hợp cho một tình huống mua bán cụ thể và giải thích được lý do lựa chọn.
- Phân tích được một L/C đơn giản để xác định các yêu cầu về chứng từ, thời

hạn xuất trình và các điều kiện khác.

- Phát hiện được các lỗi không nhất quán cơ bản giữa các chứng từ trong một bộ hồ sơ thanh toán.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của tính chính xác và nhất quán trong các chứng từ ngoại thương.
- Cẩn thận, tỉ mỉ khi làm việc với các văn bản pháp lý như hợp đồng và L/C.
- Chủ động tìm hiểu các quy tắc và thông lệ quốc tế trong thương mại để tránh các rủi ro cho doanh nghiệp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về Giao dịch Ngoại thương	8	8	0	0
2	Chương 2: Hợp đồng Ngoại thương	12	5	7	0
3	Chương 3: Các điều kiện thương mại quốc tế - Incoterms 2020	20	18	10	2
4	Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế	20	19	10	1
Cộng		60	30	27	3

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về Giao dịch Ngoại thương

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu: Cung cấp cái nhìn tổng thể về quy trình và các bên tham gia.

Nội dung:

1. Quy trình 10 bước của một giao dịch xuất nhập khẩu.
2. Vai trò của các bên: Người xuất khẩu, Người nhập khẩu, Công ty giao

nhận, Hãng vận tải, Công ty bảo hiểm, Ngân hàng, Cơ quan Hải quan.

Chương 2: Hợp đồng Ngoại thương (Sales Contract) Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu: Trang bị kỹ năng đọc hiểu và phân tích hợp đồng.

Nội dung:

1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hợp đồng ngoại thương.
2. Kết cấu và nội dung các điều khoản chính: Tên hàng (Commodity), Phẩm chất (Quality), Số lượng (Quantity), Giá cả (Price), Giao hàng (Shipment), Thanh toán (Payment), Bất khả kháng (Force Majeure), Trọng tài (Arbitration).
3. Phân tích một hợp đồng ngoại thương mẫu.

Chương 3: Các điều kiện thương mại quốc tế - Incoterms 2020 Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu: Hiểu rõ hệ thống cảng biển và các tuyến vận tải đường thủy của Việt Nam.

Nội dung:

1. Lịch sử hình thành, mục đích và phạm vi áp dụng của Incoterms.
2. Cấu trúc của Incoterms 2020: 2 nhóm, 11 quy tắc.
3. Phân tích chi tiết 11 quy tắc, tập trung vào 3 nội dung cốt lõi: Nghĩa vụ làm thủ tục hải quan, điểm chuyển giao rủi ro, và các chi phí do mỗi bên chịu.
4. Những điểm thay đổi chính của Incoterms 2020 so với 2010.
5. Thực hành và Bài tập tình huống.

Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu: Hiểu rõ cơ chế vận hành và rủi ro của các phương thức thanh toán.

Nội dung:

1. Phương thức chuyển tiền (Telegraphic Transfer - T/T): Trả trước, trả sau, ưu và nhược điểm.
2. Phương thức nhờ thu (Collection): Nhờ thu trơn (Clean Collection), Nhờ thu kèm chứng từ (Documentary Collection - D/P, D/A).
3. Phương thức Tín dụng thư (Letter of Credit - L/C): Khái niệm, bản chất, các bên tham gia, quy trình thực hiện.
4. Giới thiệu Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP 600).
5. Các lỗi sai sót phổ biến trên bộ chứng từ thanh toán bằng L/C.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Phòng học: Phòng máy tính có cài đặt phần mềm văn phòng và kết nối internet.

Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

Học liệu: Giáo trình "Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương", "Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương"; Bộ chứng từ XNK mẫu (Hợp đồng, L/C, Hóa đơn, Vận đơn...); Ấn phẩm Incoterms® 2020 của ICC.¹

Các điều kiện khác: Giảng viên có kinh nghiệm thực tế về xuất nhập khẩu.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Đánh giá kiến thức về hợp đồng, Incoterms, và các phương thức thanh toán quốc tế.
- Đánh giá kỹ năng phân tích hợp đồng, lựa chọn điều kiện Incoterms, và đọc hiểu L/C.
- Đánh giá sự cẩn thận, tỉ mỉ khi làm việc với chứng từ.

2. Phương pháp:

- Đánh giá quá trình:
 - Bài tập cá nhân: Giải các bài tập tình huống về Incoterms
 - Kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận ngắn về hợp đồng và thanh toán quốc tế
- Đánh giá kết thúc môn học:
 - Bài thi tự luận: Giải quyết một case study tổng hợp yêu cầu phân tích hợp đồng, lựa chọn Incoterms và phân tích quy trình thanh toán

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học được áp dụng cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp học qua tình huống (case-based learning) làm chủ đạo. Cung cấp nhiều bộ chứng từ thực tế (đã ẩn thông tin nhạy cảm) để sinh viên phân tích.
- Đối với người học: Phải thực hành phân tích chứng từ thường xuyên. Chủ động tìm hiểu các tranh chấp thương mại quốc tế thực tế liên quan đến Incoterms và L/C để hiểu sâu sắc hơn về rủi ro.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chương 3: Phải nắm vững điểm khác biệt cốt lõi về địa điểm chuyển giao rủi ro của 11 quy tắc Incoterms.

- Chương 4: Hiểu rõ bản chất của L/C là giao dịch dựa trên chứng từ, không phải hàng hóa.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] PGS. TS. Nguyễn Văn Tiến (2021), "Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương", NXB Thống kê.
- [2] GS. TS. Đoàn Thị Hồng Vân (2024), "Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương", NXB Tổng hợp TP.HCM.
- [3] Các quy tắc UCP 600.
- [4] Phòng Thương mại Quốc tế (ICC), "Incoterms® 2020".
- [5] Luật Thương mại hiện hành.
- [6] Luật Hải quan hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LOGISTICS

Mã môn học: MH-CS07

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, có tính chất bổ trợ. Môn học trang bị vốn từ vựng, cấu trúc câu và các mẫu giao tiếp bằng tiếng Anh trong các bối cảnh nghiệp vụ logistics cụ thể, giúp người học tự tin làm việc trong môi trường quốc tế.

Tính chất: Môn học kỹ năng ngôn ngữ, tập trung vào thực hành giao tiếp trong lĩnh vực chuyên môn.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi hoàn thành môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Nắm vững bộ từ vựng cốt lõi liên quan đến các lĩnh vực: kho vận, vận tải, giao nhận, hải quan, và các chứng từ thương mại.²⁵
- Nhận biết và hiểu được các thuật ngữ, từ viết tắt phổ biến trong ngành logistics (FCL, LCL, ETA, ETD, POD...).
- Trình bày được cấu trúc và các mẫu câu chuẩn để viết email giao dịch, hỏi hàng, báo giá, đặt chỗ, và thông báo tình trạng lô hàng.
- Mô tả được các quy trình nghiệp vụ cơ bản bằng tiếng Anh.

Về kỹ năng:

- Đọc hiểu được nội dung chính của các chứng từ xuất nhập khẩu bằng tiếng Anh như Hóa đơn thương mại, Phiếu đóng gói, Vận đơn.
- Soạn thảo được các email giao dịch cơ bản với khách hàng và đối tác nước ngoài một cách rõ ràng, chuyên nghiệp.
- Nghe hiểu được các đoạn hội thoại qua điện thoại về các chủ đề nghiệp vụ quen thuộc (hỏi lịch tàu, xác nhận thông tin giao hàng).
- Trình bày (nói) được một quy trình nghiệp vụ đơn giản bằng tiếng Anh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tự tin hơn khi sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc.
- Chủ động tra cứu, học hỏi để mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành.
- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ đối với cơ hội phát triển nghề nghiệp trong ngành logistics.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Introduction to Logistics and SCM	10	5	5	
2	Chương 2: Warehousing and Inventory	12	6	6	
3	Chương 3: Transportation	13	6	6	1
4	Chương 4: Shipping Documents	12	6	6	
5	Chương 5: Business Communication	13	7	4	2
	Tổng cộng	60	30	27	3

2. Nội dung chi tiết

- **Chương 1: Introduction to Logistics and SCM** (Thời gian: 10 giờ)
 - Mục tiêu: Làm quen với các thuật ngữ cơ bản và khái niệm tổng quan.
 - Nội dung:
 - **Lý thuyết (5 giờ):** Từ vựng về các hoạt động logistics, các bên liên quan, các phương thức vận tải.
 - **Thực hành (5 giờ):** Đọc hiểu các đoạn văn ngắn giới thiệu về ngành; thực hành nghe và nhắc lại các thuật ngữ.
- **Chương 2: Warehousing and Inventory** (Thời gian: 12 giờ)
 - Mục tiêu: Nắm vững từ vựng và mẫu câu liên quan đến nghiệp vụ kho.
 - Nội dung:
 - **Lý thuyết (6 giờ):** Từ vựng về các khu vực trong kho (receiving, storage, picking area), các loại thiết bị (forklift, pallet jack), các hoạt động (loading, unloading, stacking), các loại hàng tồn kho.

- **Thực hành (6 giờ):** Đọc hiểu quy trình nhập kho bằng tiếng Anh; đóng vai mô phỏng cuộc hội thoại giữa thủ kho và tài xế.
- **Chương 3: Transportation** (Thời gian: 12 giờ)
 - Mục tiêu: Giao tiếp về các vấn đề vận tải.
 - Nội dung:
 - **Lý thuyết (6 giờ):** Từ vựng về các loại phương tiện (vessel, aircraft, truck), các loại container, các thuật ngữ trong vận tải biển (port of loading, port of discharge, ETA, ETD) và hàng không (airport of departure, airport of destination).
 - **Thực hành (6 giờ):** Nghe các bản tin thông báo lịch tàu/chuyến bay; thực hành hỏi và trả lời về lịch trình vận chuyển.
- **Chương 4: Shipping Documents** (Thời gian: 12 giờ)
 - Mục tiêu: Đọc hiểu và điền thông tin vào các chứng từ cơ bản.
 - Nội dung:
 - **Lý thuyết (6 giờ):** Giới thiệu cấu trúc và các mục thông tin chính trên Commercial Invoice, Packing List, Bill of Lading, Air Waybill.
 - **Thực hành (6 giờ):** Bài tập điền thông tin vào các mẫu chứng từ; bài tập tìm lỗi sai trên một bộ chứng từ mẫu.
- **Chương 5: Business Communication** (Thời gian: 12 giờ)
 - Mục tiêu: Rèn luyện kỹ năng viết email và giao tiếp qua điện thoại.
 - Nội dung:
 - **Lý thuyết (8 giờ):** Cấu trúc một email thương mại (chào hỏi, nội dung chính, kết thúc, chữ ký). Các mẫu câu thường dùng để hỏi giá (Request for Quotation), đặt chỗ (Booking Request), thông báo giao hàng (Shipping Advice).
 - **Thực hành (4 giờ):** Thực hành viết email hỏi giá cước vận tải; đóng vai gọi điện cho hãng tàu để kiểm tra tình trạng lô hàng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng học lý thuyết hoặc phòng học ngoại ngữ, có trang bị máy tính, máy chiếu, hệ thống loa và kết nối internet.
2. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu, loa, tai nghe cho sinh viên (nếu có).
3. Học liệu: Giáo trình "English for Logistics"; các bộ chứng từ XNK mẫu bằng tiếng Anh; các file nghe, video tình huống giao tiếp.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên có chuyên môn về ngôn ngữ Anh và kiến thức về logistics, hoặc phối hợp giữa giảng viên tiếng Anh và giảng viên chuyên ngành.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Đánh giá vốn từ vựng chuyên ngành.
- Đánh giá kỹ năng đọc hiểu chứng từ, tài liệu chuyên ngành.
- Đánh giá kỹ năng viết email và nghe hiểu các hội thoại nghiệp vụ.

2. Phương pháp:

- Đánh giá quá trình:
 - Bài tập từ vựng và đọc hiểu trên lớp.
 - Bài kiểm tra viết email
 - Kiểm tra nghe
- Đánh giá kết thúc môn học:
 - Bài thi tổng hợp 4 kỹ năng (Nghe - Nói - Đọc - Viết) cuối kỳ, trong đó phần Nói có thể là trình bày về một chủ đề hoặc đóng vai tình huống

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học được áp dụng cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp giao tiếp (Communicative Language Teaching) làm chủ đạo. Tối đa hóa các hoạt động thực hành theo cặp, theo nhóm. Sử dụng các tài liệu xác thực (authentic materials) như website hãng tàu, video nghiệp vụ để tăng tính thực tế.
- Đối với người học: Tích cực tham gia các hoạt động nói và viết. Tự giác học từ vựng hàng ngày. Tập thói quen đọc các tin tức, bài viết về logistics bằng tiếng Anh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Tập trung vào các kỹ năng có tính ứng dụng cao nhất: đọc hiểu chứng từ và viết email.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Marion Grussendorf, "English for Logistics", Oxford Business English.

[2] Các website của các hãng tàu, hãng hàng không lớn (Maersk, DHL, FedEx).

[3] Các trang tin tức chuyên ngành logistics bằng tiếng Anh (Journal of Commerce, Supply Chain Dive).

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: QUẢN LÝ CÔNG VIỆC TRONG LOGISTICS

Mã mô đun: MĐ-CM01

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, thuộc nhóm năng lực cơ bản, được bố trí học song song với các mô đun nghiệp vụ khác. Mô đun này trang bị các kỹ năng mềm và phương pháp làm việc chuyên nghiệp, là nền tảng để người học thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn và phát triển sự nghiệp lâu dài.

Tính chất: Mô đun tích hợp lý thuyết và thực hành kỹ năng mềm.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng :

Về kiến thức:

- Trình bày được phương pháp xác định mục tiêu công việc theo nguyên tắc SMART và cách phân rã công việc.
- Giải thích được các phương pháp sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên (ma trận Eisenhower).
- Mô tả được quy trình và yêu cầu của việc lập báo cáo công việc chuyên nghiệp.
- Trình bày được các nguyên tắc làm việc nhóm hiệu quả và phương pháp giải quyết xung đột cơ bản.
- Phân biệt được vai trò của các bên liên quan để lựa chọn kênh và văn phong giao tiếp phù hợp.
- Mô tả được quy trình quản lý hồ sơ, chứng từ khoa học.
- Trình bày được các phương pháp tự học và cập nhật kiến thức chuyên ngành.

Về kỹ năng:

- Lập được kế hoạch công việc cá nhân và sử dụng được các công cụ quản lý công việc cơ bản.
- Soạn thảo được báo cáo công việc định kỳ đúng mẫu, chính xác và chuyên nghiệp.

- Giao tiếp, trao đổi thông tin, hỗ trợ đồng đội và tham gia giải quyết mâu thuẫn trong nhóm.
- Soạn thảo được email chuyên nghiệp và giao tiếp qua điện thoại một cách tự tin.
- Thực hiện được việc phân loại, sắp xếp, lưu trữ và truy xuất hồ sơ, chứng từ.
- Tìm kiếm, chọn lọc và áp dụng được kiến thức mới vào công việc.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động lập kế hoạch, quản lý thời gian và chịu trách nhiệm hoàn thành công việc đúng hạn.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực trong báo cáo và giao tiếp.
- Thể hiện tinh thần hợp tác, xây dựng trong làm việc nhóm.
- Tự giác quản lý hồ sơ, chứng từ và có ý thức bảo mật thông tin.
- Thể hiện tinh thần cầu tiến, tự giác học hỏi để nâng cao năng lực bản thân.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Lập kế hoạch và báo cáo công việc	20	8	12	0
2	Bài 2: Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả	18	4	12	2
3	Bài 3: Giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan	18	6	12	
4	Bài 4: Quản lý hồ sơ, chứng từ khoa học	18	6	11	1
5	Bài 5: Cập nhật kiến thức và kỹ năng chuyên môn	16	5	11	
Cộng		90	29	58	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Lập kế hoạch và báo cáo công việc

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu: Lập được kế hoạch công việc cá nhân và soạn thảo được báo cáo công việc theo yêu cầu.

Nội dung:

1. Kỹ năng lập kế hoạch công việc

Tiếp nhận và làm rõ mục tiêu (Nguyên tắc SMART)

Phân rã công việc (Work Breakdown Structure)

Sắp xếp thứ tự ưu tiên (Ma trận Eisenhower)

Thực hành: Lập kế hoạch công việc cho một tuần.

2. Kỹ năng báo cáo công việc

Mục đích và tầm quan trọng của báo cáo

Cấu trúc của một báo cáo công việc (Báo cáo ngày, tuần)

Các lỗi thường gặp khi viết báo cáo

Thực hành: Viết báo cáo tổng kết công việc tuần.

Bài 2: Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả

Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Áp dụng được các nguyên tắc làm việc nhóm và tham gia giải quyết xung đột.

Nội dung bài:

1. Nguyên tắc làm việc nhóm

Xác định mục tiêu chung và vai trò cá nhân

Giao tiếp và chia sẻ thông tin

Lắng nghe và tôn trọng ý kiến

Hỗ trợ và giúp đỡ đồng đội

2. Kỹ năng giải quyết xung đột trong nhóm

Nhận diện nguyên nhân xung đột

Các bước giải quyết xung đột (Tập trung vào vấn đề, không công kích)

cá nhân)

Thực hành: Giải quyết tình huống mâu thuẫn trong nhóm qua đóng vai.

Bài 3: Giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Soạn thảo được email và thực hiện được cuộc gọi điện thoại chuyên nghiệp.

Nội dung:

1. Kỹ năng viết email chuyên nghiệp

Thực hành: Viết email cho các tình huống (hỏi thông tin, xác nhận, cảm ơn)

2. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại

Chuẩn bị trước khi gọi

Cấu trúc một cuộc gọi chuyên nghiệp

Lắng nghe và xác nhận thông tin

Thực hành: Đóng vai gọi điện cho hãng tàu/khách hàng.

Bài 4: Quản lý hồ sơ, chứng từ khoa học Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được việc sắp xếp, lưu trữ hồ sơ bản cứng và bản mềm.

Nội dung bài:

1. Nguyên tắc quản lý hồ sơ, chứng từ

2. Quản lý hồ sơ bản cứng

3. Quản lý hồ sơ bản mềm

4. Thực hành: Tổ chức cây thư mục và lưu trữ file scan trên máy tính.

Bài 5: Cập nhật kiến thức và kỹ năng chuyên môn Thời gian: 16 giờ

Mục tiêu: Xác định được các nguồn thông tin uy tín và phương pháp tự học hiệu quả.

Nội dung:

1. Tầm quan trọng của việc học tập suốt đời trong ngành Logistics

2. Các nguồn thông tin và kiến thức uy tín

2.1. Các trang web của cơ quan nhà nước (Tổng cục Hải quan, Bộ Công Thương)

2.2. Các hiệp hội và tạp chí chuyên ngành (VLA, VILAS, Vietnam Logistics Review)

2.3. Các diễn đàn và mạng xã hội chuyên nghiệp (LinkedIn)

3. Phương pháp tự học hiệu quả

3.1. Đặt mục tiêu học tập

3.2. Ghi chép và hệ thống hóa kiến thức (sơ đồ tư duy)

3.3. Áp dụng vào thực tế và chia sẻ với người khác

4. Thực hành: Tìm kiếm và tóm tắt một văn bản pháp luật mới liên quan đến logistics.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học: Phòng học lý thuyết có máy chiếu, phòng máy tính, phòng học có thể sắp xếp bàn ghế linh hoạt cho hoạt động nhóm.
2. Thiết bị, máy móc: Máy tính cá nhân, máy in, máy scan, điện thoại.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, các biểu mẫu kế hoạch/báo cáo, các tình huống mâu thuẫn giả định, các mẫu hồ sơ chứng từ, kẹp file, giấy phân trang, nhãn dán.
4. Các điều kiện khác: Cài đặt các phần mềm quản lý công việc cơ bản (Trello, Google Calendar).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: Mức độ trình bày các phương pháp, nguyên tắc về quản lý công việc, làm việc nhóm, giao tiếp, quản lý hồ sơ và tự học.
- Kỹ năng: Khả năng thực hiện các kỹ năng đã học thông qua các bài tập thực hành: lập kế hoạch, viết báo cáo, soạn email, sắp xếp hồ sơ.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thông qua thái độ tham gia các hoạt động nhóm, tính chủ động và mức độ hoàn thành các bài tập được giao.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

- Bài tập thực hành cá nhân: Lập kế hoạch, viết báo cáo, viết email.
- Bài tập thực hành nhóm: Giải quyết tình huống xung đột, sắp xếp hồ sơ.
- Quan sát thái độ và sự tham gia trên lớp.

Đánh giá kết thúc mô đun:

- Bài thi thực hành tổng hợp: Yêu cầu sinh viên thực hiện một chuỗi các kỹ năng đã học (ví dụ: nhận một yêu cầu công việc, lập kế hoạch thực hiện, soạn email giao tiếp với đối tác, và viết báo cáo kết quả).

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Logistics.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Chú trọng phương pháp học qua thực hành (learning by doing). Giảm thiểu thời gian thuyết trình, tối đa hóa thời gian cho sinh viên thực hành, đóng vai, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm. Đóng vai trò là người hướng dẫn, tạo môi trường và đưa ra phản hồi.

Đối với người học: Chủ động, tích cực tham gia vào tất cả các hoạt động thực hành. Chuẩn bị bài trước ở nhà để có nhiều thời gian hơn cho việc rèn luyện kỹ năng trên lớp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Mọi kỹ năng đều phải gắn với các bối cảnh, tình huống cụ thể của ngành Logistics.

Giảng viên cần đưa ra phản hồi chi tiết, mang tính xây dựng cho từng sản phẩm thực hành của sinh viên (báo cáo, email, kế hoạch...).

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Sách "7 Thói quen hiệu quả" (The 7 Habits of Highly Effective People)
- Tác giả: Stephen Covey.

[2] Sách "Đắc nhân tâm" (How to Win Friends and Influence People) - Tác giả: Dale Carnegie.

[3] Các bài viết, blog về kỹ năng mềm trên các trang tuyển dụng uy tín (TopCV, VietnamWorks).

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: AN TOÀN, AN NINH TRONG LOGISTICS

Mã mô đun: MĐ-CM02

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, được bố trí học ở giai đoạn đầu của chương trình chuyên môn. Kiến thức và kỹ năng của mô đun này là yêu cầu nền tảng và bắt buộc trước khi sinh viên tham gia vào các hoạt động thực hành nghiệp vụ chuyên sâu khác.

Tính chất: Mô đun tích hợp lý thuyết và thực hành, có tính chất bắt buộc và tiên quyết.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng :

Về kiến thức:

- Trình bày được các quy định về an toàn lao động, ý nghĩa biển báo, cách sử dụng PPE.
- Mô tả được quy trình vận hành an toàn thiết bị kho và các quy định PCCC cơ bản.
- Mô tả được các quy định về an ninh hàng hóa, quy trình kiểm tra container 7 điểm, cách quản lý seal.
- Trình bày được các quy định pháp luật cơ bản của Luật Hải quan, Luật Thương mại về khai báo và chính sách mặt hàng.
- Mô tả được quy trình ứng phó các tình huống khẩn cấp về an toàn.

Về kỹ năng:

- Nhận diện và báo cáo được các mối nguy hiểm về an toàn tại nơi làm việc.
- Sử dụng đúng và đủ các loại PPE theo yêu cầu.
- Thực hiện được việc kiểm tra an ninh container và niêm phong (seal) theo quy trình.
- Áp dụng được các quy định về khai báo hải quan trung thực, tra cứu được chính sách mặt hàng cơ bản.

- Thực hiện được các hành động ứng phó ban đầu khi có sự cố khẩn cấp (báo động, sơ tán).

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tự giác tuân thủ 100% các quy định về an toàn, an ninh, PCCC và pháp luật.
- Chịu trách nhiệm về an toàn của bản thân và đồng nghiệp, chủ động báo cáo các điều kiện không an toàn.
- Chịu trách nhiệm tuyệt đối về tính trung thực, chính xác khi thực hiện các nghĩa vụ pháp lý.
- Giữ bình tĩnh, hành động quyết đoán và có trách nhiệm trong các tình huống khẩn cấp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: An toàn lao động trong kho và tại hiện trường	24	7	17	0
2	Bài 2: An ninh hàng hóa và chuỗi cung ứng	24	7	16	1
3	Bài 3: Tuân thủ pháp luật Hải quan và Thương mại	24	8	16	1
4	Bài 4: Xử lý các tình huống khẩn cấp về an toàn	18	6	11	1
Cộng		90	29	58	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: An toàn lao động trong kho và tại hiện trường

Thời gian: 24 giờ

Mục tiêu: Lập được kế hoạch công việc cá nhân và soạn thảo được báo cáo công việc theo yêu cầu.

Nội dung:

1. Nhận diện rủi ro và văn hóa an toàn
 - 1.1. Các rủi ro phổ biến trong kho: trượt ngã, vật rơi, va chạm
 - 1.2. Hệ thống biển báo an toàn lao động
2. Trang thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE)
 - 2.1. Các loại PPE và công dụng (mũ, giày, găng tay, áo phản quang)
 - 2.2. Thực hành: Lựa chọn và sử dụng PPE cho các tình huống giả định
3. An toàn khi vận hành thiết bị và sắp xếp hàng hóa
 - 3.1. Quy tắc vận hành an toàn xe nâng tay
 - 3.2. Nguyên tắc sắp xếp hàng hóa an toàn (5S)
 - 3.3. Thực hành: Di chuyển pallet và sắp xếp hàng hóa tại kho mô phỏng
4. Phòng cháy chữa cháy (PCCC) cơ bản
 - 4.1. Nguyên nhân gây cháy và các biện pháp phòng ngừa
 - 4.2. Vị trí và cách sử dụng bình chữa cháy
 - 4.3. Thực hành: Sử dụng bình chữa cháy (với mô hình).

Bài 2: An ninh hàng hóa và chuỗi cung ứng**Thời gian: 24 giờ**

Mục tiêu: Thực hiện được quy trình kiểm tra an ninh container, seal và tuân thủ các quy định an ninh.

Nội dung bài:

1. Tổng quan về an ninh chuỗi cung ứng
 - 1.1. Các mối đe dọa (trộm cắp, buôn lậu, khủng bố)
 - 1.2. Giới thiệu tiêu chuẩn C-TPAT
2. An ninh phương tiện và container
 - 2.1. Quy trình kiểm tra container 7 điểm
 - 2.2. Thực hành: Kiểm tra một container/thùng xe mô phỏng
3. Quản lý và kiểm tra niêm phong (Seal)
 - 3.1. Các loại seal và tiêu chuẩn ISO 17712
 - 3.2. Quy trình kiểm tra seal "VVTT" (View, Verify, Tug, Twist)

- 3.3. Thực hành: Kiểm tra, đối chiếu và ghi nhận số seal
- 4. An ninh cơ sở và kiểm soát ra vào
 - 4.1. Quy định về kiểm soát người và phương tiện
 - 4.2. Giám sát quá trình xếp/dỡ hàng.

Bài 3: Tuân thủ pháp luật Hải quan và Thương mại Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Trình bày được các quy định pháp luật cơ bản và áp dụng vào việc khai báo trung thực.

Nội dung:

- 1. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan
 - 1.1. Giới thiệu Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn
 - 1.2. Giới thiệu Luật Thương mại
- 2. Nguyên tắc khai báo hải quan
 - 2.1. Nghĩa vụ trung thực và chính xác
 - 2.2. Hậu quả của việc khai báo sai (phạt hành chính, phân loại doanh nghiệp rủi ro)
- 3. Tuân thủ chính sách mặt hàng
 - 3.1. Hàng cấm xuất/nhập khẩu, hàng tạm ngừng
 - 3.2. Hàng hóa phải có giấy phép, kiểm tra chuyên ngành
 - 3.3. Thực hành: Tra cứu chính sách cho một số mặt hàng cụ thể
- 4. Tuân thủ nghĩa vụ về thuế
 - 4.1. Các loại thuế trong XNK
 - 4.2. Vai trò của Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) trong việc hưởng ưu đãi thuế.

Bài 4: Xử lý các tình huống khẩn cấp về an toàn Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được các bước ứng phó ban đầu khi có sự cố khẩn cấp.

Nội dung:

- 1. Quy trình ứng phó khẩn cấp chung
 - 1.1. Nguyên tắc "Báo động - Sơ tán - Ứng phó"

- 1.2. Các số điện thoại khẩn cấp (114, 115) và cách cung cấp thông tin
2. Ứng phó sự cố cháy nổ
 - 2.1. Kích hoạt báo động và gọi cứu hỏa
 - 2.2. Kỹ năng thoát hiểm an toàn
 - 2.3. Thực hành: Diễn tập PCCC và thoát nạn
3. Ứng phó tai nạn lao động
 - 3.1. Nguyên tắc bảo vệ hiện trường và an toàn cho người cứu hộ
 - 3.2. Các bước sơ cứu ban đầu cơ bản (cầm máu, cố định vết thương)
 - 3.3. Thực hành: Sơ cứu cho tình huống giả định
4. Ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất
 - 4.1. Nhận diện và cảnh báo
 - 4.2. Quy trình xử lý ban đầu (sử dụng Spill Kit).

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, nhà xưởng: Phòng lý thuyết, phòng máy tính có kết nối internet, kho/xưởng thực hành mô phỏng.
2. Thiết bị, máy móc: Máy tính, máy chiếu, các loại PPE (mũ, giày, găng tay, áo), bình chữa cháy các loại (đã hết hoặc dùng cho huấn luyện), tủ thuốc sơ cứu, bộ dụng cụ kiểm tra container (đèn pin, gương), các loại seal mẫu.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, video clip về an toàn lao động, các tình huống giả định, Luật Hải quan, biểu thuế XNK.
4. Các điều kiện khác: Có không gian đủ rộng để tổ chức diễn tập PCCC và thoát nạn.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Kiến thức: Mức độ trình bày các quy định, quy trình về an toàn, an ninh, tuân thủ và ứng phó khẩn cấp.

Kỹ năng: Khả năng thực hiện các thao tác thực hành: sử dụng PPE, kiểm tra container, sử dụng bình chữa cháy, thực hiện sơ cứu.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua thái độ tuân thủ, mức độ cẩn thận

và sự bình tĩnh khi thực hành các tình huống khẩn cấp.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

- Bài kiểm tra trắc nghiệm về kiến thức pháp luật, an toàn.
- Đánh giá kết quả các bài thực hành: sử dụng PPE, kiểm tra seal.
- Quan sát quá trình tham gia diễn tập PCCC và sơ cứu.

Đánh giá kết thúc mô đun:

- Bài thi thực hành tổng hợp: Sinh viên được đặt vào một tình huống tại hiện trường (ví dụ: chuẩn bị nhận một container hàng) và phải thực hiện một loạt các thao tác kiểm tra an toàn, an ninh theo checklist và xử lý một sự cố giả định phát sinh.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

-Đối với giảng viên: Tăng cường tối đa các hoạt động thực hành, trực quan. Mời chuyên gia (cán bộ PCCC, nhân viên an toàn) đến nói chuyện, hướng dẫn. Tổ chức các buổi diễn tập quy mô nhỏ nhưng thường xuyên để hình thành phản xạ cho sinh viên.

-Đối với người học: Nghiêm túc tham gia tất cả các buổi thực hành. Luôn đặt câu hỏi "Tại sao phải làm vậy?" để hiểu sâu bản chất của các quy định. Chủ động thực hành lại các kỹ năng (ví dụ: cách kiểm tra seal) ngoài giờ học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Nhấn mạnh rằng "An toàn và Tuân thủ" là điều kiện tiên quyết, không thỏa hiệp. Các bài thực hành phải được thiết kế sát với thực tế nhất có thể.

Rèn luyện tâm lý bình tĩnh, tuân thủ quy trình khi đối mặt với tình huống khẩn cấp.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Luật An toàn, vệ sinh lao động (số 84/2015/QH13) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[2] Luật Phòng cháy và chữa cháy (số 55/2024/QH15)

[3] Luật Hải quan (số 54/2014/QH13) và các văn bản hướng dẫn.

[4] Tài liệu hướng dẫn về tiêu chuẩn an ninh chuỗi cung ứng C-TPAT (Customs Trade Partnership Against Terrorism) do Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CBP) ban hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: NGHIỆP VỤ KHO VẬN

Mã mô đun: MĐ-CM03

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Lý thuyết: 55 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 110 giờ; Kiểm tra: 15 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, được giảng dạy sau khi người học đã hoàn thành mô đun An toàn, An ninh trong Logistics. Mô đun này cung cấp các kiến thức và kỹ năng vận hành chi tiết tại kho hàng, một trong những mắt xích quan trọng nhất của chuỗi cung ứng.

Tính chất: Mô đun nghiệp vụ chuyên sâu, có tỷ lệ thực hành cao.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng :

Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình nhập kho, xuất kho, sắp xếp, lưu trữ, soạn hàng, đóng gói và kiểm kê hàng hóa theo tiêu chuẩn.
- Giải thích được các nguyên tắc sắp xếp kho khoa học như FIFO, FEFO và cách đọc sơ đồ kho.
- Mô tả được các kỹ thuật đóng gói và cách lựa chọn vật liệu phù hợp cho các loại hàng hóa khác nhau.
- Giải thích được quy trình vận hành và cập nhật dữ liệu trên hệ thống quản lý kho (WMS).

Về kỹ năng:

- Thực hiện được đầy đủ các bước của quy trình nhập kho và xuất kho, bao gồm kiểm tra chứng từ, kiểm đếm, lập phiếu và cập nhật hệ thống.
- Vận hành được các thiết bị kho cơ bản (xe nâng tay, máy quét mã vạch) để di chuyển và sắp xếp hàng hóa.
- Thực hiện được việc soạn hàng (picking) và đóng gói theo yêu cầu một cách chính xác và an toàn.
- Tham gia được vào quá trình kiểm kê, thực hiện kiểm đếm và đối chiếu số liệu.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác tuyệt đối trong các khâu kiểm đếm, nhập liệu, soạn hàng.
- Chủ động trong việc lập kế hoạch và tối ưu hóa các hoạt động tác nghiệp trong kho.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, quy tắc an toàn và các nguyên tắc sắp xếp kho.
- Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực trong việc kiểm tra hàng hóa và xử lý sai lệch.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Thực hiện thủ tục nhập kho	40	12	25	3
2	Bài 2: Sắp xếp và lưu trữ hàng hóa	36	11	22	3
3	Bài 3: Soạn hàng và đóng gói	36	11	22	3
4	Bài 4: Thực hiện thủ tục xuất kho	40	12	25	3
5	Bài 5: Thực hiện kiểm kê hàng tồn kho	28	9	16	3
Cộng		180	55	110	15

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Thực hiện thủ tục nhập kho Thời gian: 40 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được quy trình nhập kho hoàn chỉnh từ khâu tiếp nhận đến cập nhật hệ thống.

Nội dung:

1. Tiếp nhận kế hoạch và chứng từ nhập kho

- 1.1. Các loại chứng từ: Phiếu giao hàng, Packing List, Hóa đơn
- 1.2. Thực hành: Kiểm tra tính hợp lệ của một bộ chứng từ nhập kho
2. Chuẩn bị và thực hiện dỡ hàng
 - 2.1. Chuẩn bị không gian, thiết bị (pallet, xe nâng tay) và PPE
 - 2.2. Quy trình dỡ hàng an toàn
3. Kiểm tra, đối chiếu và xử lý sai lệch
 - 3.1. Kỹ năng kiểm đếm và kiểm tra ngoại quan
 - 3.2. Quy trình lập biên bản ghi nhận sự việc (hàng thừa, thiếu, hư hỏng)
 - 3.3. Thực hành: Đóng vai xử lý tình huống phát hiện hàng hư hỏng
4. Lập phiếu nhập kho và cập nhật hệ thống
 - 4.1. Nội dung và quy cách lập Phiếu nhập kho
 - 4.2. Thực hành: Nhập liệu thông tin lô hàng vào phần mềm WMS mô phỏng.

Bài 2: Sắp xếp và lưu trữ hàng hóa

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Sắp xếp được hàng hóa vào đúng vị trí theo sơ đồ và các nguyên tắc quản lý.

Nội dung bài:

1. Nguyên tắc sắp xếp và lưu trữ
 - 1.1. Sơ đồ kho (Layout) và hệ thống địa chỉ (Location system)
 - 1.2. Các nguyên tắc: FIFO, FEFO, hàng nặng ở dưới
2. Quy trình cất hàng (Put-away)
 - 2.1. Xác định vị trí lưu trữ (theo chỉ định của WMS hoặc sơ đồ)
 - 2.2. Lựa chọn phương tiện và di chuyển hàng hóa an toàn
 - 2.3. Thực hành: Di chuyển và cất một pallet hàng vào đúng vị trí trên kệ mô phỏng
3. Cập nhật thông tin vị trí
 - 3.1. Tầm quan trọng của việc cập nhật vị trí theo thời gian thực
 - 3.2. Thực hành: Sử dụng máy quét mã vạch để xác nhận vị trí cất hàng

trên WMS.

Bài 3: Soạn hàng và đóng gói Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được việc soạn hàng và đóng gói theo một đơn hàng cụ thể.

Nội dung:

1. Quy trình soạn hàng (Picking)
 - 1.1. Tiếp nhận và đọc hiểu Lệnh soạn hàng (Picking List)
 - 1.2. Lập kế hoạch lộ trình lấy hàng tối ưu
 - 1.3. Thực hành: Soạn một đơn hàng gồm nhiều mặt hàng tại các vị trí khác nhau trong kho mô phỏng
2. Lựa chọn vật liệu và kỹ thuật đóng gói
 - 2.1. Các loại vật liệu: thùng carton, xốp hơi, màng PE, băng keo
 - 2.2. Tiêu chuẩn đóng gói cho hàng dễ vỡ, hàng điện tử
 - 2.3. Thực hành: Đóng gói một kiện hàng dễ vỡ
3. Dán nhãn vận chuyển và nhãn cảnh báo
 - 3.1. Thông tin trên nhãn vận chuyển (Shipping Label)
 - 3.2. Ý nghĩa các nhãn cảnh báo ("Hàng dễ vỡ", "This way up")
 - 3.3. Thực hành: In và dán nhãn cho kiện hàng đã đóng gói.

Bài 4: Thực hiện thủ tục xuất kho Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được quy trình xuất kho hoàn chỉnh.

Nội dung:

1. Lập Phiếu xuất kho
 - 1.1. Căn cứ lập phiếu: Yêu cầu xuất kho/Đơn hàng đã duyệt
 - 1.2. Nội dung và quy cách của Phiếu xuất kho
 - 1.3. Thực hành: Lập một Phiếu xuất kho trên phần mềm/Excel
2. Đối chiếu và bàn giao hàng hóa
 - 2.1. Quy trình kiểm tra đối chiếu lần cuối trước khi giao
 - 2.2. Quy trình bàn giao cho đơn vị vận chuyển, lấy chữ ký xác nhận
3. Hoàn tất chứng từ và cập nhật hệ thống

3.1. Quy trình luân chuyển và lưu trữ Phiếu xuất kho

3.2. Thực hành: Cập nhật trạng thái "Đã xuất kho" trên phần mềm WMS

Bài 5: Thực hiện kiểm kê hàng tồn kho

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu của bài: Tham gia được vào một đợt kiểm kê và lập được biên bản.

Nội dung bài:

1. Mục đích và các phương pháp kiểm kê

1.1. Kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất

2. Quy trình thực hiện kiểm kê

2.1. Lập kế hoạch và chuẩn bị

2.2. Kỹ thuật kiểm đếm và ghi nhận tình trạng hàng hóa

2.3. Thực hành: Kiểm đếm một khu vực kệ hàng trong kho mô phỏng

3. Đối chiếu và xử lý chênh lệch

3.1. Đối chiếu số liệu thực tế và hệ thống

3.2. Lập Biên bản kiểm kê

3.3. Thực hành: Lập một Biên bản kiểm kê dựa trên số liệu giả định có chênh lệch.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, nhà xưởng: Phòng lý thuyết, phòng máy tính, kho/xưởng thực hành mô phỏng được trang bị hệ thống kệ chứa hàng, có vạch kẻ lối đi, các khu vực chức năng (nhập, xuất, đóng gói).
2. Thiết bị, máy móc: Máy tính cài đặt phần mềm WMS/ERP mô phỏng, máy in, máy quét mã vạch, xe nâng tay, pallet các loại, cân điện tử, các loại vật liệu đóng gói (thùng carton, băng keo, xốp hơi, màng PE).
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, các bộ chứng từ mẫu (phiếu nhập/xuất, packing list), các biểu mẫu (biên bản sự việc, biên bản kiểm kê), hàng hóa mô phỏng (các hộp carton có dán mã).
4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được trang bị PPE (giày bảo hộ, găng tay) khi vào xưởng thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

-Kiến thức: Mức độ trình bày lại các quy trình, nguyên tắc vận hành kho.

-Kỹ năng: Khả năng thực hiện chính xác, đúng quy trình và an toàn các thao tác nghiệp vụ: nhập kho, soạn hàng, đóng gói, xuất kho, kiểm đếm. Khả năng sử dụng các thiết bị và phần mềm mô phỏng.

-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua tính cẩn thận, tỉ mỉ, tuân thủ quy trình và thái độ trung thực khi thực hành.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

-Đánh giá kết quả thực hiện các bài thực hành cho từng quy trình (nhập, xuất, soạn hàng...).

-Bài kiểm tra nhỏ về kỹ năng sử dụng phần mềm WMS và máy quét mã vạch.

-Giới thiệu triết lý "Chuỗi nhân quả của sai sót": Một bài tập tình huống kéo dài, trong đó một sai sót nhỏ của sinh viên ở Bài 1 (ví dụ: nhập sai số lượng) sẽ được hệ thống ghi nhận và sẽ dẫn đến hậu quả trực tiếp ở Bài 5 (chênh lệch kiểm kê), giúp sinh viên nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của tính chính xác.

Đánh giá kết thúc mô đun:

-Bài thi thực hành tổng hợp: Sinh viên nhận một bộ yêu cầu (nhập 1 lô hàng, xuất 1 đơn hàng) và phải thực hiện toàn bộ chuỗi nghiệp vụ tương ứng tại kho mô phỏng, bao gồm cả thao tác trên phần mềm. Giảng viên sẽ đánh giá dựa trên checklist về độ chính xác, tốc độ, tuân thủ quy trình và an toàn.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

-Đối với giảng viên: Áp dụng phương pháp "Thao tác mẫu - Thực hành lặp lại". Giảng viên thực hiện mẫu từng thao tác, giải thích các điểm cần lưu ý, sau đó cho sinh viên thực hành nhiều lần để thành thạo. Sử dụng phần mềm WMS mô phỏng làm công cụ trung tâm, liên kết tất cả các bài học.

-Đối với người học: Tích cực thực hành, không ngại sai. Chú ý quan sát thao tác mẫu của giảng viên. Luôn tuân thủ quy định an toàn trong xưởng thực hành.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

-Tính chính xác: Nhân mạnh đây là yêu cầu số một trong nghiệp vụ kho vận.

-Tính hệ thống: Giúp sinh viên hiểu được mối liên kết và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quy trình (nhập - lưu trữ - soạn - xuất).

-Tích hợp công nghệ: Mọi thao tác vật lý đều phải đi kèm với thao tác cập nhật trên hệ thống.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Đăng Hào (2024), Giáo trình Quản trị kho hàng.

[2] Các video clip mô phỏng quy trình vận hành kho hàng (nhập kho, xuất kho, soạn hàng, sử dụng xe nâng, máy quét mã vạch) trên các nền tảng như YouTube.

[3] Tài liệu hướng dẫn sử dụng của các phần mềm quản lý kho (WMS) phổ biến tại Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: ĐIỀU PHỐI VẬN TẢI

Mã mô đun: MĐ-CM04

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Lý thuyết: 55 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 110 giờ; Kiểm tra: 15 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, cung cấp các kiến thức và kỹ năng về việc lập kế hoạch, lựa chọn, điều phối và giám sát hoạt động vận chuyển hàng hóa, một trong những hoạt động chiếm chi phí lớn nhất trong logistics.

Tính chất: Mô đun nghiệp vụ chuyên sâu, kết hợp giữa kỹ năng phân tích, lập kế hoạch và kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình lập kế hoạch, điều phối, giám sát và quản lý chi phí vận chuyển.
- Giải thích được các tiêu chí để lựa chọn phương thức vận tải và nhà vận tải phù hợp.
- Giải thích được cách sử dụng công nghệ GPS/TMS để giám sát hành trình.
- Trình bày được quy trình xử lý các vấn đề phát sinh và quản lý chứng từ vận tải.

Về kỹ năng:

- Lập được một kế hoạch vận chuyển đơn giản, tính toán được chi phí cước cơ bản.
- Thu thập, so sánh được báo giá và hỗ trợ đánh giá, lựa chọn nhà vận tải.
- Thực hiện được việc điều phối phương tiện (gửi booking, xác nhận thông tin).
- Sử dụng được phần mềm mô phỏng GPS/TMS để theo dõi và cập nhật tiến độ.
- Tiếp nhận, báo cáo và phối hợp xử lý được các sự cố vận tải cơ bản.
- Tập hợp và kiểm tra được bộ chứng từ thanh toán vận tải.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động và cẩn thận trong việc lập kế hoạch vận chuyển tối ưu.
- Khách quan, công tâm khi tham gia đánh giá, lựa chọn nhà vận tải.
- Tỉ mỉ, rõ ràng khi điều phối và xác nhận thông tin.
- Có trách nhiệm giám sát, chủ động phát hiện và báo cáo bất thường.
- Giữ bình tĩnh, linh hoạt khi hỗ trợ xử lý sự cố.
- Chính xác, minh bạch khi kiểm tra chứng từ, hóa đơn.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Lập kế hoạch vận chuyển	40	12	25	3
2	Bài 2: Lựa chọn và điều phối phương tiện/nhà vận tải	40	12	25	3
3	Bài 3: Giám sát quá trình vận chuyển	36	11	22	3
4	Bài 4: Xử lý các vấn đề phát sinh trong vận tải	36	11	22	3
5	Bài 5: Quản lý chi phí và chứng từ vận tải	28	9	16	3
Cộng		180	55	110	15

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Lập kế hoạch vận chuyển **Thời gian: 40 giờ**

Mục tiêu: Lập được một kế hoạch vận chuyển đường bộ đơn giản.

Nội dung bài:

1. Tiếp nhận và phân tích yêu cầu vận chuyển

Các thông tin cần thiết: loại hàng, khối lượng, điểm đi/đến, thời gian

2. Lựa chọn phương thức vận tải

2.1. Ưu, nhược điểm của vận tải đường bộ, đường biển, hàng không, đường sắt

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn

3. Lập kế hoạch lộ trình và thời gian

3.1. Sử dụng bản đồ số (Google Maps) để xác định lộ trình

3.2. Các yếu tố cần cân nhắc: đường cấm, giờ cấm tải, tình hình giao thông

3.3. Thực hành: Lập kế hoạch lộ trình và thời gian cho một lô hàng từ TP.HCM đi Hà Nội

4. Tính toán chi phí và lập báo giá

4.1. Cách tính cước vận tải (theo kg, theo CBM, theo chuyến)

4.2. Các loại phụ phí phổ biến

4.3. Thực hành: Tính chi phí và lập một báo giá vận chuyển đơn giản.

Bài 2: Lựa chọn và điều phối phương tiện/nhà vận tải Thời gian: 40 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được việc yêu cầu báo giá, so sánh và gửi lệnh điều xe.

Nội dung bài:

1. Xác định nhu cầu và tìm kiếm nhà vận tải

1.1. Các loại phương tiện vận tải đường bộ (xe tải, container)

1.2. Các nguồn tìm kiếm nhà vận tải

2. Đánh giá và lựa chọn nhà vận tải

2.1. Các tiêu chí đánh giá: giá, uy tín, năng lực, an toàn

2.2. Thực hành: Soạn email yêu cầu báo giá (RFQ) và lập bảng so sánh báo giá

3. Điều phối và sắp xếp lịch trình

3.1. Lệnh điều xe/Booking: Nội dung và cách thức gửi

3.2. Quy trình xác nhận thông tin với nhà vận tải/tài xế

3.3. Thực hành: Lập một Lệnh điều xe hoàn chỉnh

4. Chuẩn bị và bàn giao chứng từ đi đường

- 4.1. Các chứng từ cần thiết: Phiếu xuất kho, Lệnh giao hàng, Giấy đi đường
- 4.2. Hướng dẫn tài xế về thủ tục tại điểm nhận/giao hàng.

Bài 3: Giám sát quá trình vận chuyển

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Sử dụng được phần mềm mô phỏng để theo dõi hành trình và cập nhật tiến độ.

Nội dung bài:

1. Công nghệ giám sát vận tải
 - 1.1. Nguyên lý hoạt động của GPS
 - 1.2. Giới thiệu giao diện và chức năng của Hệ thống quản lý vận tải (TMS)
2. Theo dõi hành trình và phát hiện sai lệch
 - 2.1. Giám sát vị trí, tốc độ, thời gian dừng đỗ
 - 2.2. Các dấu hiệu bất thường cần chú ý (sai lộ trình, dừng quá lâu)
 - 2.3. Thực hành: Sử dụng phần mềm TMS mô phỏng để theo dõi một chuyến hàng giả định và phát hiện các điểm bất thường
3. Cập nhật tình trạng cho các bên liên quan
 - 3.1. Tầm quan trọng của việc giao tiếp chủ động
 - 3.2. Thực hành: Soạn email cập nhật tiến độ cho khách hàng.

Bài 4: Xử lý các vấn đề phát sinh trong vận tải

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Đưa ra được phương án xử lý cho các tình huống sự cố cơ bản.

Nội dung bài:

1. Các loại sự cố thường gặp
 - 1.1. Hỏng hóc phương tiện, tai nạn
 - 1.2. Hàng hóa hư hỏng, mất mát
 - 1.3. Chậm trễ do các yếu tố khách quan (tắc đường, thời tiết)
2. Quy trình xử lý sự cố
 - 2.1. Tiếp nhận và xác minh thông tin

2.2. Đánh giá tác động và thông báo các bên

4.2.3. Lên phương án giải quyết (điều xe khác, cứu hộ)

4.2.4. Lập biên bản và báo cáo sự cố

3. Thực hành: Giải quyết tình huống

3.1. Đóng vai: Nhân viên điều phối nhận được cuộc gọi từ tài xế báo xe hỏng giữa đường.

3.2. Thảo luận nhóm: Đưa ra các phương án xử lý và lựa chọn phương án tối ưu.

Bài 5: Quản lý chi phí và chứng từ vận tải

Thời gian: 28 giờ

Mục tiêu: Tập hợp và kiểm tra được bộ chứng từ thanh toán cước vận tải.

Nội dung bài:

1. Tập hợp và kiểm tra chứng từ

1.1. Các chứng từ cần thu thập: Hóa đơn, Phiếu giao nhận có chữ ký, Vận đơn

1.2. Đối chiếu hóa đơn với báo giá/hợp đồng

1.3. Thực hành: Kiểm tra một bộ chứng từ thanh toán cước, phát hiện sai sót (nếu có)

2. Lập đề nghị và thực hiện thanh toán

2.1. Quy trình lập Giấy đề nghị thanh toán

2.2. Theo dõi công nợ và thanh toán đúng hạn

3. Hạch toán và lưu trữ

3.1. Nhập liệu chi phí vào hệ thống

3.2. Quy tắc lưu trữ chứng từ vận tải.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, nhà xưởng: Phòng lý thuyết, phòng máy tính có kết nối internet.

2. Thiết bị, máy móc: Máy tính cài đặt phần mềm TMS/GPS mô phỏng, phần mềm bảng tính (Excel), điện thoại.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, các mẫu báo giá, hợp đồng, lệnh điều xe, hóa đơn vận tải, các tình huống sự cố giả định.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Kiến thức: Mức độ trình bày các quy trình về lập kế hoạch, điều phối, giám sát và quản lý chi phí vận tải.

Kỹ năng: Khả năng lập kế hoạch vận chuyển, so sánh báo giá, lập lệnh điều xe, sử dụng phần mềm TMS, xử lý tình huống và kiểm tra chứng từ.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua tính chủ động, cẩn thận, khách quan và trách nhiệm trong các bài tập thực hành và tình huống.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

- Bài tập cá nhân: Lập kế hoạch vận chuyển, tính giá cước, lập lệnh điều xe.
- Bài tập nhóm: So sánh báo giá, giải quyết tình huống sự cố.
- Bài thực hành trên phần mềm TMS mô phỏng.

Đánh giá kết thúc mô đun:

- Bài thi tổng hợp dạng dự án nhỏ: Sinh viên nhận một yêu cầu vận chuyển cụ thể và phải hoàn thành các sản phẩm đầu ra: Kế hoạch vận chuyển, Bảng so sánh báo giá, Lệnh điều xe, và Báo cáo xử lý một sự cố giả định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp học qua dự án (project-based learning) và giải quyết tình huống (case study). Cung cấp các dữ liệu, biểu mẫu thực tế để sinh viên làm việc. Tổ chức các buổi đóng vai để rèn luyện kỹ năng xử lý sự cố.

Đối với người học: Chủ động tìm kiếm thông tin (giá cước, lộ trình) trên internet để làm bài tập. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để giải quyết các **tình huống**.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Nhấn mạnh việc cân bằng giữa 3 yếu tố: chi phí - thời gian - an toàn.

Rèn luyện khả năng giữ bình tĩnh, phân tích và ra quyết định dưới áp lực.

Tính chính xác của chứng từ là cơ sở cho việc thanh toán và giải quyết tranh chấp.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Tăng Văn Bảy (2022), Giáo trình Quản trị Vận tải và Giao nhận.

[2] Các nền tảng bản đồ số: Google Maps, Google Earth.

[3] Website của các hãng tàu, hãng hàng không, công ty vận tải lớn (Maersk, DHL, Viettel Post, Giao Hàng Nhanh...) để tra cứu dịch vụ, bảng giá, lịch trình và theo dõi lô hàng.

[4] Tài liệu hướng dẫn sử dụng của các Hệ thống quản lý vận tải (TMS).

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: NGHIỆP VỤ GIAO NHẬN VÀ THỦ TỤC HẢI QUAN

Mã mô đun: MĐ-CM05

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Lý thuyết: 55 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 110 giờ; Kiểm tra: 15 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, thuộc nhóm năng lực cốt lõi, được học sau các môn cơ sở về nghiệp vụ ngoại thương. Mô đun này trang bị các kiến thức và kỹ năng thực hành về chuẩn bị chứng từ và thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, một nghiệp vụ đặc thù và có yêu cầu cao về tính chính xác, tuân thủ pháp luật.

Tính chất: Mô đun nghiệp vụ chuyên sâu, đòi hỏi sự tỉ mỉ, cẩn thận và có tính thực hành cao trên phần mềm chuyên dụng.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được danh mục, vai trò và các yêu cầu về tính hợp lệ, đồng bộ của một bộ chứng từ xuất nhập khẩu.
- Mô tả được quy trình lập và các hình thức phát hành Vận đơn (B/L, AWB), Hóa đơn thương mại (CI) và Phiếu đóng gói (PL).
- Mô tả được quy trình khai và truyền tờ khai hải quan điện tử qua hệ thống VNACCS/VCIS và ý nghĩa của các kết quả phân luồng.
- Trình bày được quy trình thực hiện thủ tục thông quan tại hiện trường đối với luồng Vàng và luồng Đỏ.

Về kỹ năng:

- Tập hợp, kiểm tra và sắp xếp được một bộ chứng từ XNK hoàn chỉnh, phát hiện được các sai sót.
- Soạn thảo được SI, CI, PL với thông tin chính xác.
- Sử dụng được phần mềm khai báo hải quan điện tử (ECUS) để nhập liệu, tra cứu mã HS, tính thuế và truyền tờ khai.
- Chuẩn bị được bộ hồ sơ hải quan giấy và thực hiện được các tác nghiệp cơ

bản tại hiện trường (nộp hồ sơ, đăng ký kiểm hóa).

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm cao nhất về tính chính xác, đầy đủ và nhất quán của bộ chứng từ.
- Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ và tập trung cao độ khi kiểm tra và soạn thảo chứng từ.
- Tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật hải quan, chịu trách nhiệm về tính trung thực khi khai báo.
- Chủ động, linh hoạt và chuyên nghiệp khi làm việc tại hiện trường với cơ quan hải quan.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chuẩn bị bộ chứng từ xuất nhập khẩu	36	16	17	3
2	Bài 2: Lập các chứng từ thương mại và vận tải	48	16	29	3
3	Bài 3: Khai và truyền tờ khai hải quan điện tử	56	12	41	3
4	Bài 4: Thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa tại hiện trường	40	11	26	3
Cộng		180	55	110	15

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Chuẩn bị bộ chứng từ xuất nhập khẩu

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Kiểm tra và sắp xếp được một bộ chứng từ XNK hoàn chỉnh.

Nội dung bài:

1.1. Danh mục và vai trò các chứng từ

1.1.1. Nhóm chứng từ thương mại

1.1.1.1. Hợp đồng

1.1.1.2. Hóa đơn

1.1.1.3. Phiếu đóng gói

1.1.2. Nhóm chứng từ vận tải: Vận đơn

1.1.3. Nhóm chứng từ pháp lý

1.1.3.1. C/O

1.1.3.2. Giấy phép

1.1.3.3. Chứng thư hun trùng/kiểm dịch

1.2. Kiểm tra tính hợp lệ và đồng bộ

1.2.1. Nguyên tắc "khớp tuyệt đối" thông tin giữa các chứng từ

1.2.2. Các lỗi sai sót thường gặp

1.2.3. Thực hành: Kiểm tra chéo một bộ chứng từ XNK mẫu, tìm ra các điểm không nhất quán.

Bài 2: Lập các chứng từ thương mại và vận tải

Thời gian: 48 giờ

Mục tiêu của bài: Soạn thảo được CI, PL và SI.

Nội dung bài:

2.1. Soạn thảo Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

2.1.1. Các nội dung bắt buộc

2.1.2. Thực hành: Lập một CI hoàn chỉnh từ thông tin của Hợp đồng

2.2. Soạn thảo Phiếu đóng gói (Packing List)

2.2.1. Phân biệt Trọng lượng tịnh (Net Weight) và Trọng lượng cả bì (Gross Weight)

2.2.2. Thực hành: Lập một PL hoàn chỉnh, khớp với CI đã tạo

2.3. Lập Vận đơn (Bill of Lading / Air Waybill)

2.3.1. Gửi chi tiết làm vận đơn (Shipping Instruction - SI)

2.3.2. Kiểm tra vận đơn nháp (Draft B/L)

2.3.3. Các hình thức phát hành: Original, Surrendered, Telex Release [C2]

2.3.4. Thực hành: Soạn một SI để gửi cho hãng tàu

Bài 3: Khai và truyền tờ khai hải quan điện tử Thời gian: 56 giờ

Mục tiêu của bài: Sử dụng thành thạo phần mềm ECUS để khai báo cho một lô hàng đơn giản.

Nội dung bài:

3.1. Giới thiệu hệ thống VNACCS/VCIS và phần mềm ECUS (Cài đặt và đăng ký chữ ký số)

3.2. Phân loại hàng hóa và tra cứu mã HS

3.2.1. Cấu trúc của Biểu thuế XNK

3.2.2. 6 quy tắc phân loại hàng hóa

3.2.3. Thực hành: Tra cứu mã HS cho một số mặt hàng thông dụng

3.3. Nhập liệu thông tin lên tờ khai

3.3.1. Hướng dẫn điền các chỉ tiêu quan trọng

3.3.2. Các mã loại hình XNK

3.3.3. Tính thuế XNK, VAT

3.3.4. Thực hành: Nhập liệu hoàn chỉnh một tờ khai nhập khẩu kinh doanh trên phần mềm ECUS

3.4. Truyền tờ khai và nhận kết quả phân luồng

3.4.1. Thao tác truyền tờ khai bằng chữ ký số

3.4.2. Ý nghĩa 3 luồng (Xanh, Vàng, Đỏ)

3.4.3. Các lỗi thường gặp và cách xử lý (sửa, hủy tờ khai)

Bài 4: Thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa tại hiện trường

Thời gian: 40 giờ

Mục tiêu của bài: Nắm được quy trình và thực hiện được các tác nghiệp cơ bản tại

chi cục hải quan.

Nội dung bài:

4.1. Chuẩn bị hồ sơ và làm việc với hải quan (Luồng Vàng)

4.1.1. Chuẩn bị bộ hồ sơ hải quan giấy

4.1.2. Quy trình nộp hồ sơ và giải trình

4.1.3. Thực hành: Đóng vai nhân viên hiện trường giải trình về mã HS/trị giá với cán bộ hải quan

4.2. Đăng ký và thực hiện kiểm hóa (Luồng Đỏ)

4.2.1. Quy trình đăng ký kiểm hóa

4.2.2. Phối hợp đưa hàng đến khu vực kiểm tra (soi hoặc thủ công)

4.2.3. Các lưu ý khi chứng kiến kiểm hóa và bấm seal lại

4.3. Hoàn tất nghĩa vụ thuế và thông quan

4.3.1. Các phương thức nộp thuế

4.4. Làm thủ tục cuối cùng để lấy hàng

4.4.1. Thủ tục với hải quan giám sát công

4.4.2. Thủ tục với cảng/kho (đổi lệnh, thanh lý).

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. **Phòng học, nhà xưởng:** Phòng lý thuyết, phòng máy tính có kết nối internet và cài đặt phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS (bản thực hành/demo).
2. **Thiết bị, máy móc:** Máy tính, máy in, máy scan, USB Token (dùng cho thực hành).
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Slide bài giảng, các bộ chứng từ XNK thực tế (bản sao), Biểu thuế XNK (file mềm), phần mềm ECUS.
4. **Các điều kiện khác:** Tổ chức chuyên tham quan thực tế tại cảng/ICD để sinh viên quan sát hoạt động thông quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Kiến thức: Mức độ trình bày các quy trình về chứng từ, khai báo và thông quan.

Kỹ năng: Khả năng kiểm tra chứng từ, soạn thảo CI/PL/SI, và đặc biệt là khả

năng sử dụng thành thạo phần mềm ECUS để khai báo một tờ khai hoàn chỉnh.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua tính cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực và tuân thủ pháp luật trong các bài thực hành.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

- Bài tập kiểm tra bộ chứng từ.
- Bài tập soạn thảo CI, PL, SI.
- Các bài thực hành khai báo trên phần mềm ECUS cho các loại hình khác nhau.

Đánh giá kết thúc mô đun:

- Bài thi thực hành trên máy tính: Sinh viên nhận một bộ chứng từ XNK hoàn chỉnh và phải thực hiện khai báo tờ khai trên phần mềm ECUS trong thời gian quy định. Kết quả được đánh giá dựa trên độ chính xác của các chỉ tiêu đã khai.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. **Phạm vi áp dụng:** Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Dành phần lớn thời gian cho việc thực hành trên phần mềm ECUS. Sử dụng các bộ chứng từ thực tế đa dạng để sinh viên làm quen. Tổ chức các buổi thảo luận, phân tích các lỗi sai thường gặp khi làm chứng từ và khai báo.

Đối với người học: Phải thực hành nhiều lần trên phần mềm để thành thạo các thao tác. Chủ động tra cứu Biểu thuế để rèn luyện kỹ năng phân loại hàng hóa.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 3 (Khai báo hải quan) là bài trọng tâm nhất, chiếm thời lượng và tầm quan trọng lớn nhất.

Tính chính xác và nhất quán của chứng từ là nguyên tắc vàng.

Mọi hoạt động đều phải dựa trên các quy định hiện hành.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Luật Hải quan hiện hành và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan,

đặc biệt là Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC.

[2] Lê Thị Thùy Dung (2023), Giáo trình Khai báo Hải quan.

[3] Tài liệu hướng dẫn sử dụng chính thức của phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS do Công ty Thái Sơn phát hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG LOGISTICS

Mã mô đun: MĐ-CM06

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Là mô đun chuyên môn, tập trung vào các kỹ năng tương tác trực tiếp với khách hàng. Mô đun này kết hợp giữa nghiệp vụ xử lý thông tin và các kỹ năng mềm đỉnh cao.

2. Tính chất: Mô đun nghiệp vụ chuyên sâu, chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và sử dụng phần mềm CRM.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình tiếp nhận, xác nhận, theo dõi và cập nhật tiến độ đơn hàng.
- Giải thích được tầm quan trọng và cách sử dụng các hệ thống CRM, TMS trong dịch vụ khách hàng.
- Trình bày được quy trình xử lý khiếu nại của khách hàng một cách chuyên nghiệp.
- Giải thích được các phương pháp quản lý thông tin và duy trì quan hệ khách hàng.

Về kỹ năng:

- Thực hiện được việc tiếp nhận, kiểm tra, tư vấn và xác nhận đơn hàng.
- Sử dụng được các hệ thống mô phỏng (CRM, TMS) để nhập liệu và tra cứu thông tin.
- Soạn thảo và gửi được các thông báo cập nhật tiến độ, thông báo sự cố cho khách hàng.
- Áp dụng được các kỹ năng lắng nghe tích cực, thấu cảm để tiếp nhận và xử lý khiếu nại.
- Cập nhật được dữ liệu khách hàng và hỗ trợ các hoạt động chăm sóc khách

hàng.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đơn hàng ngay từ khâu tiếp nhận.
- Chủ động, có trách nhiệm trong việc giám sát và cập nhật thông tin cho khách hàng.
- Thể hiện sự bình tĩnh, kiên nhẫn, đồng cảm và hướng đến giải pháp khi xử lý khiếu nại.
- Lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi hành động.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Tiếp nhận và xác nhận đơn hàng	24	8	16	0
2	Bài 2: Theo dõi và cập nhật tiến độ đơn hàng	24	8	15	1
3	Bài 3: Kỹ năng xử lý khiếu nại của khách hàng	24	8	15	1
4	Bài 4: Quản lý thông tin và duy trì quan hệ khách hàng	18	6	11	1
	Cộng	90	29	58	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Tiếp nhận và xác nhận đơn hàng

Thời gian: 24 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được quy trình tiếp nhận và nhập liệu một đơn hàng mới vào hệ thống.

Nội dung bài:

1.1. Quy trình tiếp nhận và xác thực thông tin

1.1.1. Tiếp nhận yêu cầu đa kênh (email, điện thoại)

1.1.2. Kiểm tra thông tin khách hàng và tính khả thi của yêu cầu trên hệ thống CRM/ERP

1.2. Kỹ năng tư vấn và chốt thông tin

1.2.1. Đặt câu hỏi làm rõ các chi tiết quan trọng

1.2.2. Tư vấn về dịch vụ và chi phí

1.3. Nhập liệu và gửi xác nhận

1.3.1. Thực hành: Nhập một đơn hàng hoàn chỉnh vào phần mềm CRM/ERP mô phỏng

1.3.2. Thực hành: Soạn thảo và gửi email xác nhận đơn hàng chính thức

Bài 2: Theo dõi và cập nhật tiến độ đơn hàng Thời gian: 24 giờ

Mục tiêu của bài: Thực hiện được việc giám sát và gửi thông báo cập nhật tiến độ cho khách hàng.

Nội dung bài:

2.1. Giám sát chủ động qua hệ thống

2.1.1. Sử dụng TMS/GPS để theo dõi hành trình

2.1.2. Phát hiện các tín hiệu bất thường

2.2. Cập nhật theo mốc sự kiện (Milestone Updates)

2.2.1. Các mốc sự kiện quan trọng cần cập nhật

2.2.2. Thực hành: Soạn thảo các email/tin nhắn cập nhật trạng thái (đã lấy hàng, đang vận chuyển, dự kiến giao hàng)

2.3. Giao tiếp về sự chậm trễ/sự cố

2.3.1. Tầm quan trọng của việc thông báo chủ động, minh bạch

2.3.2. Kịch bản thông báo sự cố

2.3.3. Thực hành: Đóng vai gọi điện/gửi email thông báo cho khách hàng về việc giao hàng trễ.

Bài 3: Kỹ năng xử lý khiếu nại của khách hàng**Thời gian: 24 giờ**

Mục tiêu của bài: Áp dụng được quy trình 6 bước để xử lý một tình huống khiếu nại.

Nội dung bài:

3.1. Tầm quan trọng của khiếu nại và tâm lý khách hàng

3.2. Quy trình xử lý khiếu nại chuyên nghiệp

3.2.1. Bước 1: Tiếp nhận và Lắng nghe tích cực

3.2.2. Bước 2: Xin lỗi và Thể hiện sự thấu cảm

3.2.3. Bước 3: Xác minh và Điều tra

3.2.4. Bước 4: Đề xuất giải pháp

3.2.5. Bước 5: Thực thi giải pháp

3.2.6. Bước 6: Theo dõi và Đóng khiếu nại

3.3. Workshop thực hành xử lý khiếu nại

Giảng viên tổ chức các buổi thực hành đóng vai (role-playing) chuyên sâu. Sinh viên sẽ được chia thành các cặp (nhân viên - khách hàng) và nhận các tình huống khiếu nại thực tế (hàng hỏng, mất hàng, giao trễ, thái độ tài xế kém). Sinh viên đóng vai nhân viên sẽ được đánh giá dựa trên khả năng thực hiện tuân thủ và hiệu quả các bước trong quy trình, đặc biệt là các kỹ năng mềm như lắng nghe, thể hiện sự đồng cảm, và đàm phán giải pháp dựa trên một "chính sách công ty" giả định. Đây là bài thực hành trọng tâm, thể hiện triết lý "kỹ năng mềm là yêu cầu cứng".

Bài 4: Quản lý thông tin và duy trì quan hệ khách hàng**Thời gian: 24 giờ**

Mục tiêu của bài: Sử dụng được CRM để quản lý thông tin và hỗ trợ các hoạt động chăm sóc khách hàng.

Nội dung bài:

4.1. Giới thiệu Hệ thống Quản lý Quan hệ Khách hàng (CRM)

4.1.1. Vai trò và lợi ích của CRM

4.1.2. Thực hành: Cập nhật thông tin và lịch sử tương tác của khách hàng trên CRM mô phỏng

4.2. Thu thập và phân tích phản hồi

- 4.2.1. Các phương pháp thu thập phản hồi (khảo sát, gọi điện)
- 4.2.2. Thực hành: Thiết kế một phiếu khảo sát mức độ hài lòng đơn giản
- 4.3. Giao tiếp duy trì quan hệ
 - 4.3.1. Lên kế hoạch chăm sóc khách hàng định kỳ
 - 4.3.2. Thực hành: Soạn thảo email chúc mừng/tri ân khách hàng.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, nhà xưởng: Phòng lý thuyết, phòng máy tính có kết nối internet, phòng học có thể sắp xếp bàn ghế linh hoạt cho hoạt động đóng vai.
2. Thiết bị, máy móc: Máy tính cài đặt phần mềm CRM, ERP, TMS mô phỏng, điện thoại (có thể dùng điện thoại cá nhân cho bài thực hành).
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, các kịch bản tình huống khiếu nại, các mẫu đơn hàng, chính sách công ty giả định, biểu mẫu khảo sát.
4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Kiến thức: Mức độ trình bày các quy trình về xử lý đơn hàng, xử lý khiếu nại và chăm sóc khách hàng.

Kỹ năng: Khả năng thực hiện các thao tác trên phần mềm mô phỏng, soạn thảo email, và đặc biệt là kỹ năng xử lý tình huống khiếu nại qua đóng vai.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua thái độ lấy khách hàng làm trung tâm, sự chủ động và tính chuyên nghiệp trong các bài thực hành.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

- Bài thực hành nhập liệu và theo dõi đơn hàng trên phần mềm.
- Bài tập viết các loại email (xác nhận, cập nhật, thông báo sự cố).
- Điểm tham gia và kết quả thực hiện trong workshop xử lý khiếu nại.

Đánh giá kết thúc mô đun:

Bài thi thực hành đóng vai: Mỗi sinh viên sẽ bốc thăm một tình huống khiếu nại và phải xử lý trực tiếp với giảng viên (đóng vai khách hàng). Sinh viên được đánh

giá dựa trên checklist về việc tuân thủ quy trình và hiệu quả của các kỹ năng mềm.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Tập trung vào phương pháp học qua tình huống và đóng vai. Tạo ra một môi trường thực hành an toàn để sinh viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp nhạy cảm. Cung cấp phản hồi chi tiết và mang tính xây dựng sau mỗi lần đóng vai.

Đối với người học: Tích cực tham gia đóng vai, không ngại thể hiện cảm xúc (của cả vai khách hàng và nhân viên). Ghi chép lại các bài học kinh nghiệm sau mỗi tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 3 (Xử lý khiếu nại) là bài học quan trọng nhất, nơi hội tụ và kiểm chứng tất cả các kỹ năng mềm.

Tư duy "Lấy khách hàng làm trung tâm" phải được thể hiện trong mọi hành động.

Sự chủ động: Nhấn mạnh việc cung cấp thông tin trước khi khách hàng phải hỏi.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Hsieh, T. (2023), *Tỷ phú bán giày (Delivering Happiness)*, NXB Thế giới.

[2] Các video, bài viết về kỹ năng xử lý khiếu nại, giao tiếp qua điện thoại, email chuyên nghiệp.

[3] Tài liệu hướng dẫn sử dụng của các phần mềm Quản lý Quan hệ Khách hàng (CRM) phổ biến.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: NGHIỆP VỤ MUA HÀNG

Mã mô đun: MĐ-CM07

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Là mô đun chuyên môn, cung cấp các kiến thức và kỹ năng về hoạt động mua hàng (purchasing) và quản lý mối quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ, một phần quan trọng của quản lý chuỗi cung ứng đầu vào.

2. Tính chất: Mô đun nghiệp vụ, kết hợp kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tác nghiệp hành chính.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được các nguồn và công cụ để tìm kiếm thông tin nhà cung cấp dịch vụ.
- Giải thích được quy trình và các tiêu chí để đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp.
- Mô tả được các nội dung chính cần theo dõi trong hợp đồng và các KPIs để đo lường hiệu suất nhà cung cấp.
- Trình bày được quy trình hỗ trợ thu mua hàng hóa, phân biệt PR và PO.

Về kỹ năng:

- Sử dụng được các công cụ trực tuyến để tìm kiếm và lập danh sách nhà cung cấp tiềm năng.
- Soạn thảo được RFQ, tổng hợp và so sánh được báo giá.
- Theo dõi được tiến độ thực hiện dịch vụ và hỗ trợ đo lường KPIs.
- Lập được Đơn đặt hàng (PO) và theo dõi tiến độ giao hàng.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện sự nhanh nhạy, linh hoạt trong việc tìm kiếm thông tin.
- Chịu trách nhiệm về tính khách quan, chính xác khi tham gia đánh giá nhà cung cấp.

- Chủ động, có trách nhiệm trong việc theo dõi, đôn đốc nhà cung cấp.
- Cần thận, tỉ mỉ khi lập các chứng từ mua hàng và tuân thủ quy trình

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ	32	10	22	
2	Bài 2: Theo dõi thực hiện hợp đồng với nhà cung cấp	26	9	16	1
3	Bài 3: Hỗ trợ hoạt động thu mua hàng hóa	32	9	21	2
	Cộng	90	29	58	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ ;

Thời gian: 32 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được việc tìm kiếm thông tin và so sánh báo giá để hỗ trợ lựa chọn nhà cung cấp.

Nội dung bài:

1.1. Tìm kiếm và thu thập thông tin nhà cung cấp

1.1.1. Xác định nhu cầu và tiêu chí tìm kiếm

1.1.2. Các nguồn tìm kiếm: Google, trang vàng, hiệp hội, LinkedIn

1.1.3. Thực hành: Tìm kiếm và lập danh sách 5 nhà cung cấp dịch vụ vận tải nội địa

1.2. Hỗ trợ đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp

1.2.1. Gửi yêu cầu báo giá (RFQ - Request for Quotation)

1.2.2. Các tiêu chí đánh giá: Giá, chất lượng, độ tin cậy

1.2.3. Thực hành: Soạn một RFQ và lập bảng so sánh 3 báo giá giả định trên Excel

1.2.4. Trình bày và đề xuất lựa chọn.

Bài 2: Theo dõi thực hiện hợp đồng với nhà cung cấp Thời gian: 26 giờ

Mục tiêu của bài: Theo dõi được hiệu suất của nhà cung cấp và hỗ trợ xử lý các vấn đề phát sinh.

Nội dung bài:

1.1. Quản lý hợp đồng dịch vụ (Các điều khoản quan trọng cần nắm vững)

2.2. Đo lường hiệu suất theo KPIs

2.2.1. Các chỉ số KPIs phổ biến (Tỷ lệ giao đúng giờ, tỷ lệ hàng hư hỏng)

2.2.2. Thực hành: Thu thập dữ liệu và tính toán KPIs cho một nhà cung cấp trong một tháng (dữ liệu giả định)

2.3. Xử lý vấn đề phát sinh và hỗ trợ thanh quyết toán

2.3.1. Phối hợp giải quyết sự cố

2.3.2. Quy trình kiểm tra chứng từ và đề nghị thanh toán.

Bài 3: Hỗ trợ hoạt động thu mua hàng hóa Thời gian: 32 giờ

Mục tiêu của bài: Thực hiện được quy trình tạo và theo dõi một đơn đặt hàng (PO).

Nội dung bài:

3.1. Quy trình mua hàng trong doanh nghiệp

3.1.1. Phân biệt Yêu cầu mua hàng (PR - Purchase Requisition) và Đơn đặt hàng (PO - Purchase Order)

3.1.2. Sơ đồ luồng công việc từ PR đến nhận hàng

3.2. Lập và gửi Đơn đặt hàng (PO)

3.2.1. Các nội dung bắt buộc của một PO

3.2.2. Thực hành: Lập một PO hoàn chỉnh trên Excel/phần mềm mô phỏng dựa trên

một PR đã được duyệt

3.3. Theo dõi tiến độ và phối hợp nhận hàng

3.3.1. Kỹ năng giao tiếp, đôn đốc nhà cung cấp

3.3.2. Phối hợp thông báo kế hoạch hàng về cho kho

3.4. Xử lý sai lệch sau nhận hàng

3.4.1. Quy trình làm việc với nhà cung cấp khi hàng thiếu/lỗi

3.4.2. Thực hành: Soạn thảo email khiếu nại nhà cung cấp về việc giao thiếu hàng.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, nhà xưởng: Phòng lý thuyết, phòng máy tính có kết nối internet.

2. Thiết bị, máy móc: Máy tính cài đặt phần mềm bảng tính (Excel), phần mềm ERP/mua hàng mô phỏng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, các mẫu RFQ, báo giá, hợp đồng, PO, PR, các tình huống giả định.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Kiến thức: Mức độ trình bày các quy trình về tìm kiếm, lựa chọn, quản lý nhà cung cấp và quy trình mua hàng.

Kỹ năng: Khả năng tìm kiếm thông tin, so sánh báo giá, lập PO, theo dõi tiến độ và soạn thảo các email liên quan.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua tính chủ động, khách quan và cẩn thận trong các bài tập thực hành.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

Bài tập thực hành: Lập danh sách nhà cung cấp, lập bảng so sánh báo giá.

Bài thực hành trên phần mềm: Lập PO.

Bài tập viết email (RFQ, đôn đốc, khiếu nại).

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành

Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Tập trung vào phương pháp học qua tình huống và đóng vai. Tạo ra một môi trường thực hành an toàn để sinh viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp nhạy cảm. Cung cấp phản hồi chi tiết và mang tính xây dựng sau mỗi lần đóng vai.

Đối với người học: Tích cực tham gia đóng vai, không ngại thể hiện cảm xúc (của cả vai khách hàng và nhân viên). Ghi chép lại các bài học kinh nghiệm sau mỗi tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ;

Theo dõi thực hiện hợp đồng với nhà cung cấp.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Huỳnh Thị Thúy Giang (Chủ biên) (2017), Giáo trình quản trị chuỗi cung ứng, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[2] Lefeuvre, T. (2013), Quản lý quan hệ thương mại và bán hàng, NXB Giáo dục.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC TẬP DOANH NGHIỆP 1

Mã mô đun: MĐ-TT01

Thời gian thực hiện mô đun: 360 giờ

(Lý thuyết (hướng dẫn, tập huấn): 30 giờ; Thực hành tại doanh nghiệp: 325 giờ; Thi/Kiểm tra (báo cáo, bảo vệ): 5 giờ.

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Là mô đun thực tập chuyên môn đầu tiên trong chương trình đào tạo, được bố trí sau khi người học đã hoàn thành các môn học cơ sở và các mô đun chuyên môn nền tảng. Là bước khởi đầu để người học định hình tác phong công nghiệp và áp dụng các năng lực nghề cốt lõi vào thực tiễn.

2. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo. Tập trung vào việc củng cố và áp dụng các kỹ năng vận hành cơ bản, có tần suất lặp lại cao và là nền tảng cho mọi hoạt động logistics.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi hoàn thành mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày lại được quy trình vận hành thực tế tại các bộ phận kho vận (nhập-lưu trữ-xuất) và dịch vụ khách hàng của doanh nghiệp, so sánh và chỉ ra được những điểm tương đồng, khác biệt so với kiến thức lý thuyết đã học.
- Giải thích được vai trò và cách thức vận hành của các hệ thống thông tin (WMS, ERP) và thiết bị công nghệ (máy quét mã vạch, thiết bị cầm tay) trong việc quản lý hoạt động kho và đơn hàng.
- Nhận diện và mô tả được các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy (PCCC) và các nguyên tắc 5S (Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng) đang được áp dụng tại môi trường làm việc thực tế.

Về kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo, dưới sự giám sát, các tác nghiệp trong quy trình nhập kho (kiểm đếm, lập phiếu), sắp xếp và lưu trữ (cát hàng, tuân thủ FIFO/FEFO), soạn hàng (picking), đóng gói và xuất kho theo đúng quy trình và tiêu chuẩn thực tế của doanh nghiệp.
- Sử dụng được các thiết bị kho cơ bản (xe nâng tay, xe đẩy, máy quét mã vạch) và các chức năng cơ bản trên phần mềm quản lý kho (WMS) để thực hiện các giao dịch nhập, xuất, tồn kho, đảm bảo sự đồng bộ giữa dữ liệu hệ thống và hàng hóa thực tế.

- Tiếp nhận và xử lý được các yêu cầu đơn hàng đơn giản, nhập liệu thông tin đơn hàng vào hệ thống, tra cứu và cập nhật trạng thái đơn hàng cho các bộ phận liên quan theo đúng quy trình của doanh nghiệp.
- Soạn thảo được các báo cáo công việc hàng ngày/tuần, ghi chép nhật ký thực tập một cách khoa học, đầy đủ và có hệ thống.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tuân thủ nghiêm ngặt nội quy lao động, giờ giấc làm việc, các quy định về an toàn, an ninh và văn hóa của doanh nghiệp.
- Chủ động quan sát, học hỏi, đặt câu hỏi với người hướng dẫn để nắm bắt và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, cẩn thận và tỉ mỉ trong các công việc được phân công, đặc biệt là trong các tác vụ kiểm đếm, nhập liệu và soạn hàng, nhận thức rõ sai sót cá nhân có thể ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi vận hành.
- Thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác, sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp tại nơi thực tập.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung thực tập	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Nội dung 1: Hội nhập và An toàn lao động	30	30		
2	Nội dung 2: Thực hành tại Doanh nghiệp	300		300	
	Nhiệm vụ 1: Thực hành Nghiệp vụ Nhập kho	60		60	
	Nhiệm vụ 2: Thực hành Nghiệp vụ Lưu trữ & Sắp xếp	60		60	
	Nhiệm vụ 3: Thực hành Nghiệp vụ Soạn hàng & Đóng gói	60		60	
	Nhiệm vụ 4: Thực hành Nghiệp vụ	60		60	

	Xuất kho & Kiểm kê				
	Nhiệm vụ 5: Hỗ trợ Xử lý đơn hàng	60		60	
3	Nội dung 3: Báo cáo kết quả thực tập	25		25	5
	Cộng	360	30	325	5

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

Đối với nhà trường:

- Bố trí giảng viên có kinh nghiệm thực tế để hướng dẫn, theo dõi và đánh giá quá trình thực tập của người học.
- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, biểu mẫu (sổ nhật ký thực tập, phiếu đánh giá, đề cương báo cáo chi tiết) cho người học trước khi bắt đầu.
- Tổ chức buổi tập huấn, hướng dẫn ban đầu về mục tiêu, nội dung, yêu cầu và các quy định của kỳ thực tập.
- Thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp để đảm bảo có đủ vị trí thực tập chất lượng.

Đối với doanh nghiệp tiếp nhận:

- Là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ logistics, giao nhận vận tải, có bộ phận kho vận và dịch vụ khách hàng hoạt động có quy trình rõ ràng.
- Cử người hướng dẫn có kinh nghiệm (tối thiểu 01 năm kinh nghiệm tại vị trí liên quan) và có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng chia sẻ.
- Tạo điều kiện cho người học được tiếp cận công việc thực tế, hệ thống phần mềm và các trang thiết bị cần thiết (trong phạm vi cho phép và đảm bảo an toàn, bảo mật).
- Xác nhận và đánh giá khách quan, công bằng quá trình thực tập của người học dựa trên các tiêu chí do nhà trường cung cấp.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: Mức độ hiểu và vận dụng các quy trình thực tế vào công việc, khả năng phân tích, tổng kết và trình bày trong báo cáo thực tập.
- Kỹ năng: Mức độ thành thạo các thao tác nghiệp vụ, khả năng sử dụng thiết bị và phần mềm theo yêu cầu công việc.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ làm việc, ý thức kỷ luật, tinh thần

học hỏi, khả năng hợp tác và tuân thủ các quy định.

2. Phương pháp đánh giá và trọng số:

- Sổ nhật ký thực tập: Đánh giá quá trình, ghi chép công việc hàng ngày, phản ánh mức độ quan sát và học hỏi.
- Phiếu đánh giá của người hướng dẫn tại doanh nghiệp: Đánh giá dựa trên quan sát trực tiếp về kỹ năng thực hành và thái độ làm việc trong suốt kỳ thực tập.
- Báo cáo thực tập cuối kỳ và buổi bảo vệ: Đánh giá khả năng tổng hợp, phân tích, trình bày vấn đề và trả lời câu hỏi của hội đồng.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

Đối với người học: Phải tham gia đầy đủ thời gian thực tập theo quy định, tuân thủ mọi nội quy của doanh nghiệp, chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao, ghi chép nhật ký hàng ngày một cách chi tiết và trung thực, hoàn thành báo cáo thực tập đúng hạn và chất lượng.

Đối với giảng viên hướng dẫn: Theo dõi sát sao tiến độ thực tập của người học, liên lạc định kỳ (ít nhất 2 lần/kỳ) với người hướng dẫn tại doanh nghiệp, giải đáp các thắc mắc về chuyên môn và cách làm báo cáo, tổ chức chấm và bảo vệ báo cáo một cách công bằng.

Đối với người hướng dẫn tại doanh nghiệp: Phân công công việc cụ thể, phù hợp với năng lực và mục tiêu của kỳ thực tập, hướng dẫn các thao tác nghiệp vụ, giám sát quá trình thực hiện và đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan, mang tính xây dựng.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: **THỰC TẬP DOANH NGHIỆP 2**

Mã mô đun: MĐ-TT02

Thời gian thực hiện mô đun: 360 giờ

(Lý thuyết (hướng dẫn, tập huấn): 30 giờ; Thực hành tại doanh nghiệp: 325 giờ;

Thi/Kiểm tra (báo cáo, bảo vệ): 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun thực tập chuyên môn nâng cao, được bố trí ở giai đoạn cuối của chương trình, sau khi người học đã hoàn thành MĐ-TT01 và các mô đun chuyên ngành. Mô đun này là cơ hội để người học vận dụng kiến thức tổng hợp, tham gia vào các nghiệp vụ có tính phối hợp đa bên và yêu cầu tuân thủ pháp lý cao.

Tính chất: Là mô đun bắt buộc. Hướng người học đến các hoạt động có tính kết nối bên ngoài, đòi hỏi kỹ năng giao tiếp, đàm phán và xử lý chứng từ phức tạp.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi hoàn thành mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Hệ thống hóa được quy trình điều phối một lô hàng vận tải (đường bộ, biển hoặc hàng không) và quy trình làm thủ tục thông quan cho một lô hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu tại doanh nghiệp thực tế.
- Giải thích được vai trò và cách sử dụng các hệ thống TMS, phần mềm khai báo hải quan (ECUS) và các cổng thông tin của hãng vận tải trong công việc thực tế.
- Phân biệt và trình bày được chức năng của các loại chứng từ vận tải (B/L, AWB), chứng từ thương mại (CI, PL) và chứng từ pháp lý (Tờ khai, C/O) trong một luồng công việc giao nhận hoàn chỉnh.

Về kỹ năng:

- Hỗ trợ lập được kế hoạch vận chuyển đơn giản, thu thập và so sánh báo giá, liên hệ và điều phối được với nhà vận tải/tài xế dưới sự giám sát.
- Sử dụng được hệ thống TMS/GPS hoặc các công cụ theo dõi trực tuyến để giám sát hành trình và chủ động cập nhật tiến độ vận chuyển cho các bên liên quan.
- Tập hợp và kiểm tra được tính logic, đồng bộ của một bộ chứng từ xuất nhập khẩu, phát hiện và báo cáo được các lỗi sai phổ biến.
- Sử dụng được phần mềm ECUS để thực hành nhập liệu và truyền tờ khai hải quan.

- o Giao tiếp và phối hợp được với các bên liên quan (nhà vận tải, kho, bộ phận chứng từ, khách hàng) để xử lý các tác nghiệp hàng ngày một cách chuyên nghiệp.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- o Chủ động theo dõi, đôn đốc các bên liên quan để đảm bảo tiến độ công việc chung.
- o Chịu trách nhiệm cao về tính chính xác, nhất quán và bảo mật của thông tin, chứng từ được giao xử lý.
- o Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ và tuân thủ tuyệt đối các quy trình, quy định của pháp luật trong nghiệp vụ giao nhận và hải quan.
- o Giữ thái độ bình tĩnh, linh hoạt và có tư duy giải quyết vấn đề khi hỗ trợ xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình vận chuyển và thông quan.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung thực tập	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Nội dung 1: Hội nhập và tìm hiểu quy trình	30	30		
2	Nội dung 2: Thực hành tại Doanh nghiệp	300		300	
	Nhiệm vụ 1: Hỗ trợ Điều phối Vận tải	100		100	
	Nhiệm vụ 2: Hỗ trợ Nghiệp vụ Chứng từ XNK	100		100	
	Nhiệm vụ 3: Hỗ trợ Khai báo và Thông quan	100		100	
3	Nội dung 3: Báo cáo kết quả thực tập	25		25	5
	Cộng	360	30	325	5

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

Đối với nhà trường:

Bố trí giảng viên có kinh nghiệm thực tế để hướng dẫn, theo dõi và đánh giá quá trình thực tập của người học.

Cung cấp đầy đủ hồ sơ, biểu mẫu (sổ nhật ký thực tập, phiếu đánh giá, đề cương báo cáo chi tiết) cho người học trước khi bắt đầu.

Tổ chức buổi tập huấn, hướng dẫn ban đầu về mục tiêu, nội dung, yêu cầu và các quy định của kỳ thực tập.

Thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp để đảm bảo có đủ vị trí thực tập chất lượng.

Đối với doanh nghiệp tiếp nhận: Ưu tiên các công ty giao nhận vận tải (freight forwarder), công ty dịch vụ logistics, hoặc các doanh nghiệp sản xuất/thương mại có bộ phận xuất nhập khẩu và logistics hoạt động chuyên nghiệp, có quy trình rõ ràng và sử dụng các phần mềm chuyên dụng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá và trọng số tương tự MĐ-TT01 (Sổ nhật ký 10%, Đánh giá của doanh nghiệp 40%, Báo cáo và bảo vệ 50%).

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

Tương tự MĐ-TT01, nhưng nhấn mạnh yêu cầu người học phải thể hiện khả năng làm việc độc lập cao hơn và kỹ năng giao tiếp, phối hợp với nhiều bên bên ngoài doanh nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: **ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

Mã mô đun: MĐ-ĐA01

Thời gian thực hiện mô đun: 135 giờ

(Lý thuyết (hướng dẫn, seminar): 45 giờ; Tự thực hiện (nghiên cứu, viết báo cáo): 85 giờ; Bảo vệ: 5 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun tổng kết cuối cùng của toàn bộ chương trình đào tạo, được thực hiện sau khi người học đã hoàn thành tất cả các mô đun chuyên môn và hai kỳ thực tập doanh nghiệp. Đây là học phần đánh giá năng lực tổng hợp cao nhất của người học trước khi tốt nghiệp.

Tính chất: Là mô đun bắt buộc. Đồ án tốt nghiệp yêu cầu người học vận dụng toàn bộ kiến thức, kỹ năng đã tích lũy trong suốt khóa học để thực hiện một dự án hoặc một nghiên cứu có tính ứng dụng, nhằm phân tích và giải quyết một vấn đề thực tiễn cụ thể trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi hoàn thành mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Hệ thống hóa và đào sâu kiến thức về một lĩnh vực chuyên môn cụ thể trong ngành logistics mà mình lựa chọn.
- Trình bày được cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề nghiên cứu một cách logic và có hệ thống.

Về kỹ năng:

- Xác định, mô tả và phân tích được một vấn đề/bất cập thực tiễn trong hoạt động logistics của một doanh nghiệp hoặc một khâu trong chuỗi cung ứng.
- Thu thập, tổng hợp và phân tích được dữ liệu sơ cấp và/hoặc thứ cấp để làm rõ bản chất và nguyên nhân của vấn đề.
- Đề xuất được các giải pháp có cơ sở khoa học, có tính khả thi và phù hợp với bối cảnh thực tế để giải quyết vấn đề đã nêu.
- Viết được một báo cáo đồ án hoàn chỉnh, có cấu trúc logic, trình bày khoa học, tuân thủ các quy định về định dạng và trích dẫn tài liệu tham khảo.
- Trình bày và bảo vệ được kết quả nghiên cứu/dự án của mình một cách tự tin, rõ ràng và thuyết phục trước hội đồng.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tự quản lý toàn bộ quá trình thực hiện đề án: lập kế hoạch chi tiết, quản lý thời gian, chủ động tìm kiếm tài liệu và làm việc với giảng viên hướng dẫn.
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, chính xác và nguyên bản của dữ liệu và kết quả trong đề án.
- Thể hiện tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần cầu thị, sẵn sàng tiếp thu góp ý để hoàn thiện sản phẩm của mình.

III. Nội dung mô đun**1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian**

Số TT	Nội dung	Tổng số (giờ)	Lý thuyết (giờ)	Thực hành (giờ)	Kiểm tra (giờ)
1	Giai đoạn 1 - Nhận đề tài, gặp gỡ Giảng viên hướng dẫn lần đầu	35	15	20	0
2	Giai đoạn 2 - Xây dựng và nộp đề cương chi tiết	30	10	20	0
3	Giai đoạn 3 - Thu thập dữ liệu, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn	35	5	30	0
4	Giai đoạn 4 - Phân tích dữ liệu và xây dựng giải pháp	15	5	10	0
5	Giai đoạn 5 - Viết Báo cáo và Bảo vệ	20	10	5	5
	Cộng	135	45	85	5

2. Gợi ý các hướng đề tài

Các đề tài cần có phạm vi vừa phải, tập trung vào việc phân tích và ứng dụng để giải quyết một vấn đề cụ thể, phù hợp với trình độ cao đẳng. Các đề tài phải yêu cầu tích hợp kiến thức từ ít nhất hai Nhiệm vụ (A-G) trong tài liệu phân tích công việc.

Hướng Kho vận:

- "Phân tích quy trình nhập hàng và đề xuất giải pháp cải tiến nhằm giảm thời gian chờ tại Công ty X."

- "Xây dựng quy trình kiểm kê hàng tồn kho bằng mã vạch và ứng dụng 5S tại kho hàng của doanh nghiệp Y."

- "Đánh giá hiệu quả của việc áp dụng nguyên tắc FIFO/FEFO trong quản lý hàng hóa có hạn sử dụng và đề xuất giải pháp tối ưu."

Hướng Vận tải:

- "Phân tích và so sánh chi phí, thời gian của các nhà cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ tuyến Bắc-Nam cho sản phẩm Z."

- "Xây dựng quy trình theo dõi và xử lý sự cố trong quá trình vận chuyển hàng hóa tại công ty giao nhận A."

- "Đề xuất các tiêu chí lựa chọn và đánh giá nhà cung cấp dịch vụ vận tải cho doanh nghiệp B."

Hướng Giao nhận & Hải quan:

- "Phân tích các lỗi sai thường gặp trong bộ chứng từ xuất khẩu mặt hàng thủy sản và đề xuất giải pháp phòng ngừa."

- "Xây dựng cẩm nang tra cứu mã HS và các chính sách mặt hàng liên quan cho nhóm hàng điện tử nhập khẩu."

- "Nghiên cứu quy trình thông quan luồng Đỏ và đề xuất các giải pháp nhằm rút ngắn thời gian kiểm hóa tại cảng Cát Lái."

Hướng Dịch vụ khách hàng & Chuỗi cung ứng:

- "Xây dựng quy trình xử lý khiếu nại của khách hàng cho công ty logistics A."

- "Khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ giao hàng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại doanh nghiệp C."

- "Phân tích quy trình xử lý đơn hàng thương mại điện tử và đề xuất giải pháp cải tiến nhằm giảm tỷ lệ sai sót."

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

- Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ của các môn học và mô đun chuyên môn theo quy định của chương trình đào tạo.

- Nhà trường phân công giảng viên có trình độ chuyên môn (thạc sĩ trở lên), có kinh nghiệm nghiên cứu và thực tiễn phù hợp để hướng dẫn.

- Cung cấp quyền truy cập vào thư viện, cơ sở dữ liệu trực tuyến và các nguồn học liệu cần thiết để người học thực hiện nghiên cứu.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Đồ án được đánh giá bởi một Hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc người được ủy quyền quyết định thành lập.

- Điểm cuối cùng của mô đun là trung bình cộng điểm của các thành viên hội đồng, dựa trên việc đánh giá báo cáo toàn văn và kết quả của buổi bảo vệ trực tiếp.

Tiêu chí đánh giá Đồ án tốt nghiệp (Rubric)

Tiêu chí	Trọng số	Mức Tốt (9-10)	Mức Khá (7-8)	Mức Trung bình (5-6)	Mức Yếu (<5)
1. Hình thức báo cáo	10%	Trình bày chuyên nghiệp, đúng quy định, logic, không có lỗi chính tả/ngữ pháp.	Trình bày sạch sẽ, đúng quy định, còn một vài lỗi nhỏ.	Trình bày chưa khoa học, còn tương đối nhiều lỗi.	Trình bày cầu thả, sai quy định cơ bản.
2. Tính cấp thiết & Mục tiêu	15%	Vấn đề nghiên cứu rõ ràng, có tính thực tiễn cao. Mục tiêu cụ thể, đo lường được, phù hợp.	Vấn đề có ý nghĩa, mục tiêu tương đối rõ ràng.	Vấn đề chung chung, mục tiêu chưa cụ thể.	Không xác định được vấn đề, mục tiêu.
3. Cơ sở lý luận	20%	Tổng quan đầy đủ, sâu sắc, có phân tích và bình luận. Trích dẫn khoa học, đa dạng.	Tổng quan tương đối đầy đủ, có liên quan đến đề tài.	Tổng quan sơ sài, chủ yếu liệt kê, thiếu phân tích.	Không có hoặc sao chép hoàn toàn.
4. Phương pháp & Phân tích	30%	Phương pháp nghiên cứu phù hợp, dữ liệu thu thập tin cậy. Phân tích logic, sâu sắc, có bằng chứng thuyết phục.	Phương pháp hợp lý, phân tích có cơ sở, làm rõ được vấn đề.	Phương pháp chưa rõ ràng, phân tích còn hời hợt, mang tính mô tả.	Không có phương pháp, phân tích sai lệch.
5. Kết quả & Tính ứng dụng	15%	Kết quả rõ ràng, trả lời được mục tiêu nghiên cứu. Giải pháp đề xuất có tính khả thi và sáng tạo cao.	Kết quả hợp lý, giải pháp có tính ứng dụng trong thực tế.	Kết quả chưa rõ ràng, giải pháp chung chung, thiếu tính khả thi.	Không có kết quả hoặc giải pháp.
6. Kỹ năng bảo vệ	10%	Trình bày lưu loát, tự tin, đúng thời gian. Trả lời câu hỏi thẳng, đúng trọng tâm, có sức thuyết phục.	Trình bày rõ ràng. Trả lời được các câu hỏi cơ bản của hội đồng.	Trình bày còn lúng túng, chưa tự tin. Trả lời chưa thuyết phục.	Không trình bày được nội dung, không trả lời được câu hỏi.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

- Nhà trường cần ban hành "Quy định về việc thực hiện và đánh giá Đồ án tốt nghiệp", trong đó nêu rõ cấu trúc của một báo cáo đồ án, quy định về định dạng, cách trích dẫn tài liệu tham khảo và một lịch trình cụ thể cho từng giai đoạn.
- Quy định rõ số buổi gặp gỡ tối thiểu giữa giảng viên hướng dẫn và người học để đảm bảo tiến độ, chất lượng và hỗ trợ kịp thời.
- Tổ chức các buổi seminar chuyên đề để hướng dẫn người học về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách viết báo cáo và kỹ năng trình bày.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ - CDKTCN ngày 14/10/2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

Ngành, nghề: LOGISTICS

Mã ngành, nghề: 5340113

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương;

Thời gian khóa học: 02 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Logistics là quá trình lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát dòng di chuyển và lưu trữ của hàng hóa, dịch vụ và thông tin liên quan từ điểm xuất phát đến điểm tiêu thụ cuối cùng nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng một cách hiệu quả và tiết kiệm chi phí nhất. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu và sự bùng nổ của thương mại điện tử, Logistics đóng vai trò là xương sống của mọi hoạt động kinh doanh hiện đại, kết nối sản xuất, phân phối và tiêu dùng.

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành Logistics được xây dựng nhằm đào tạo Kỹ thuật viên Logistics, những người trực tiếp tham gia vào các mắt xích vận hành cốt lõi của chuỗi cung ứng. Có năng lực thực hiện các công việc chuyên môn tại các bộ phận như kho vận, điều phối vận tải, giao nhận, hiện trường, chứng từ. Công việc của nghề bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhập, xuất và kiểm kê kho; lập kế hoạch và điều phối phương tiện vận tải; chuẩn bị bộ chứng từ và thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa.

Người làm nghề Logistics hoạt động trong một môi trường đa dạng và năng động, có thể tại các công ty dịch vụ logistics, công ty giao nhận vận tải, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, hoặc trực tiếp tại các hạ tầng quan trọng như cảng biển, cảng hàng không và trung tâm phân phối. Công việc có sự phân hóa rõ rệt giữa làm việc tại văn phòng (tập trung vào xử lý chứng từ, lên kế hoạch) và làm việc tại hiện trường (giám sát xếp dỡ, thực hiện thủ tục thông quan). Đây là một ngành có áp lực cao về thời gian và độ chính xác, đòi hỏi sự linh hoạt, khả năng làm việc ngoài giờ và kỹ năng phối hợp nhịp nhàng với nhiều bên liên quan.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nhằm mục tiêu đào tạo Kỹ thuật viên Logistics trình độ trung cấp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức chuyên môn và thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi để thực hiện các công việc trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ và giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tiễn; có khả năng tự học và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng:

Về kiến thức

- Trình bày và áp dụng được các nguyên tắc, quy trình vận hành trong các lĩnh vực chính của logistics, bao gồm quản lý kho vận (nhập, xuất, lưu trữ, soạn hàng, đóng gói, kiểm kê), vận tải đa phương thức (đường bộ, đường biển, hàng không), giao nhận và các thủ tục hải quan.

- Hiểu và vận dụng được các quy định pháp luật liên quan như Luật Hải quan, Luật Thương mại; các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms); các phương thức thanh toán quốc tế; và các quy định về an toàn lao động, an ninh hàng hóa.

- Giải thích được vai trò, nguyên lý hoạt động và cách thức vận hành của các hệ thống thông tin chuyên ngành như Hệ thống quản lý kho (WMS), Hệ thống quản lý vận tải (TMS), Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và phần mềm khai báo hải quan điện tử.

Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các thao tác nghiệp vụ: thủ tục nhập/xuất kho, soạn hàng, đóng gói theo tiêu chuẩn, lập kế hoạch vận chuyển, chuẩn bị và kiểm tra bộ chứng từ xuất nhập khẩu, khai báo hải quan điện tử chính xác.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel) và các phần mềm chuyên ngành (WMS, TMS, ECUS); vận hành hiệu quả các thiết bị hiện trường như máy quét mã vạch, thiết bị cầm tay.

- Lập và kiểm tra được các chứng từ, tính toán chi phí vận tải, các loại thuế liên quan, và đối chiếu số liệu tồn kho một cách chính xác.

- Giao tiếp hiệu quả, chuyên nghiệp qua email, điện thoại với đa dạng đối tác; phối hợp làm việc nhóm và liên phòng ban một cách nhịp nhàng để đảm bảo luồng công việc thông suốt.

Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ tuyệt đối các quy trình nghiệp vụ, quy định về an toàn, an ninh và pháp luật; chịu trách nhiệm cá nhân về tính chính xác của thông tin, chứng từ và dữ liệu cập nhật trên hệ thống.

- Chủ động trong việc lập kế hoạch, theo dõi công việc, cập nhật thông tin cho

các bên liên quan và đề xuất các giải pháp khi có vấn đề; chịu trách nhiệm hoàn thành công việc được giao đúng tiến độ và chất lượng.

- Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực và khách quan trong mọi công việc; giữ thái độ bình tĩnh, lịch sự và hướng đến giải pháp khi xử lý các tình huống căng thẳng; có ý thức tự học hỏi, cập nhật kiến thức để không ngừng nâng cao năng lực bản thân.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc sau tại các công ty dịch vụ logistics, giao nhận vận tải, doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu và thương mại điện tử:

- Nhân viên Kho vận;
- Nhân viên Điều phối Vận tải;
- Nhân viên Giao nhận Hiện trường;
- Nhân viên Chứng từ Xuất nhập khẩu;

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **1545** giờ
- Số lượng môn học, mô đun: **17**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **255** giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **1290** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **508** giờ (tỷ lệ 34,7%)
- Khối lượng thực hành, thực tập: **957** giờ (tỷ lệ 65,3%)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (chung)	
1	NLCB-01	Quản lý công việc và phát triển năng lực cá nhân
2	NLCB-02	Đảm bảo an toàn, an ninh và tuân thủ quy định trong hoạt động logistics
II	Năng lực cốt lõi (chuyên môn)	
3	NLCL-01	Thực hiện nghiệp vụ kho vận
4	NLCL-02	Điều phối hoạt động vận tải
5	NLCL-03	Thực hiện thủ tục giao nhận và hải quan

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH-CT	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH-PL	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH-TA	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
MH-TH	Tin học	2	45	15	29	1
MH-QP	Giáo dục quốc phòng – an ninh	2	45	21	21	3
MH-TC	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	55	1290	414	809	67
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	18	300	190	96	14
MH-CS01	Tổng quan Logistics và chuỗi cung ứng	3	45	30	13	2
MH-CS02	Kinh tế vi mô	3	45	30	13	2
MH-CS03	Quản trị học	3	45	35	8	2
MH-CS04	Marketing căn bản	3	45	35	8	2
MH-CS05	Địa lý Giao thông Vận tải	3	60	30	27	3

MH-CS06	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	27	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	28	630	194	388	48
MĐ-CM02	An toàn, An ninh trong Logistics	4	90	29	58	3
MĐ-CM03	Nghiệp vụ Kho vận	8	180	55	110	15
MĐ-CM04	Điều phối Vận tải	8	180	55	110	15
MĐ-CM05	Nghiệp vụ Giao nhận và Thủ tục Hải quan	8	180	55	110	15
II.3	Môn học, mô đun nâng cao	9	360	30	325	5
MĐ-TT01	Thực tập doanh nghiệp	9	360	30	325	5
Tổng cộng		66	1545	508	957	80

Chú ý: Thời lượng kiểm tra lý thuyết tính cho giờ học Lý thuyết, thời lượng kiểm tra thực hành tính cho giờ học Thực hành.

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn giảng dạy các môn học chung bắt buộc

Việc giảng dạy 06 môn học chung bắt buộc được thực hiện theo Chương trình chi tiết các môn học chung do Bộ Lao động Thương Xã hội ban hành, cụ thể:

STT	Tên môn học	Thông tư ban hành chương trình
1	Giáo dục chính trị	Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH
2	Pháp luật	Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH
3	Tiếng Anh	Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH
4	Tin học	Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH
5	Giáo dục quốc phòng – An ninh	Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH
6	Giáo dục thể chất	Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH

7.2. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình

a) Đối với đào tạo theo niên chế:

Thực hiện theo quy định tại Chương II của Quy chế Tổ chức đào tạo, thi kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo quyết định 1479/QĐ-CĐKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

b) Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ:

Thực hiện theo quy định tại Chương III của Quy chế Tổ chức đào tạo, thi kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo quyết định 1479/QĐ-CĐKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

7.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho hoạt động ngoại khóa

7.3.1. Đơn vị thời gian và quy đổi thời gian trong Chương trình đào tạo:

Thời gian học tập được tính bằng giờ và quy đổi ra tín chỉ để xác định khối lượng học tập tối thiểu theo quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau:

a) Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

b) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

c) Số lượng tín chỉ trong mỗi môn học, mô-đun và trong chương trình đào tạo được tính làm tròn là số nguyên

7.3.2. Hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy, quy chế cho sinh viên khi mới nhập trường;
- Thời gian và nội dung hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào

tạo chính khóa như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Ngoài giờ học hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ	Ngoài giờ học hàng ngày
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

- Các mô đun bổ trợ, bồi dưỡng kỹ năng cho sinh viên trong chương trình:

TT	Tên mô đun	Số tín chỉ quy đổi	Tổng số giờ	Thời gian thực hiện
MĐ-ĐK01	Kỹ năng bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	01	30 giờ	Bố trí giảng dạy trong năm thứ nhất
MĐ-ĐK02	Kỹ năng sống	01	30 giờ	

Ghi chú: Sinh viên phải tham gia và hoàn thành các mô đun bồi dưỡng kỹ năng.

7.4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Quy chế Tổ chức đào tạo, thi kiểm tra xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo quyết định 1479/QĐ-CĐKTCN ngày 27/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

7.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

a) Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học hoàn thành chương trình đào tạo và đủ điều kiện thì được dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết chuyên môn và Thực hành.

Thời gian làm bài thi tốt nghiệp:

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết chuyên môn	Viết	Không quá 180 phút
2	Thực hành	Bài thi thực hành kỹ năng tổng hợp	Từ 01 đến 03 ngày (không quá 08 giờ/ngày)

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định.

b) Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học hoàn thành chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc xét công nhận tốt nghiệp cho người học và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TỔNG QUAN LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

Mã môn học: MH-CS01

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thảo luận, bài tập: 13 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, được bố trí giảng dạy vào học kỳ đầu tiên của chương trình đào tạo. Môn học cung cấp các kiến thức nhập môn, mang tính nền tảng về ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, làm cơ sở để người học tiếp thu các môn học và mô đun chuyên môn ở các học kỳ tiếp theo.

Tính chất: Môn học lý thuyết, trang bị kiến thức tổng quan.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về Logistics và Chuỗi cung ứng, phân biệt được sự khác nhau giữa hai khái niệm này.
- Mô tả được lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của ngành Logistics trên thế giới và tại Việt Nam.
- Liệt kê và giải thích được các hoạt động cơ bản cấu thành nên dịch vụ Logistics (dịch vụ khách hàng, quản lý kho bãi, quản lý tồn kho, vận tải, xử lý đơn hàng, mua hàng) và vai trò của chúng.
- Trình bày được vai trò của Logistics đối với sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế.
- Nhận biết được các hệ thống công nghệ thông tin phổ biến được ứng dụng trong Logistics như WMS, TMS, ERP, GPS.

Về kỹ năng:

- Phân biệt được các loại hình dịch vụ Logistics (1PL, 2PL, 3PL, 4PL, 5PL).
- Nhận diện được các thành phần trong một chuỗi cung ứng đơn giản.
- Sử dụng được các thuật ngữ cơ bản của ngành trong giao tiếp và học tập.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò chiến lược của ngành Logistics trong bối cảnh kinh tế hiện đại.
- Hình thành thái độ học tập nghiêm túc, chủ động tìm hiểu kiến thức nền tảng của ngành nghề.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Nhập môn Logistics và Chuỗi cung ứng	8	8	0	0
2	Chương 2: Các hoạt động cơ bản của Logistics	16	10	5	1
3	Chương 3: Vai trò của Logistics và các loại hình dịch vụ	12	8	4	0
4	Chương 4: Giới thiệu công nghệ và hệ thống thông tin trong Logistics	9	4	4	1
Cộng		45	30	13	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Nhập môn Logistics và Chuỗi cung ứng (8 giờ)

- **Mục tiêu:** Trình bày được khái niệm, lịch sử phát triển và phân biệt được Logistics và Chuỗi cung ứng.
- **Nội dung:**
 - 1.1. Khái niệm và định nghĩa
 - 1.1.1. Định nghĩa Logistics
 - 1.1.2. Định nghĩa Chuỗi cung ứng (Supply Chain)

- 1.2. Lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của Logistics
 - 1.2.1. Giai đoạn Logistics quân đội
 - 1.2.2. Giai đoạn Logistics kinh doanh và quốc tế
 - 1.2.3. Giai đoạn Logistics toàn cầu và sự ra đời của Quản lý chuỗi cung ứng
- 1.3. Phân biệt Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
 - 1.3.1. Về phạm vi
 - 1.3.2. Về mục tiêu
 - 1.3.3. Về mối quan hệ
- 1.4. Phân loại Logistics
 - 1.4.1. Phân loại theo các hình thức Logistics (Inbound, Outbound, Reverse Logistics)
 - 1.4.2. Phân loại theo đối tượng hàng hóa
 - 1.4.3. Phân loại theo quá trình

Chương 2: Các hoạt động cơ bản của Logistics (16 giờ)

- **Mục tiêu:** Liệt kê và giải thích được 7 hoạt động (7R) và các chức năng cơ bản của Logistics.
- **Nội dung:**
 - 2.1. Nguyên tắc 7 Đúng (7 Rights) trong Logistics
 - 2.2. Dịch vụ khách hàng (Customer Service)
 - 2.3. Quản lý kho bãi và lưu trữ (Warehousing and Storage)
 - 2.4. Quản lý hàng tồn kho (Inventory Management)
 - 2.5. Vận tải (Transportation)
 - 2.6. Xử lý đơn hàng (Order Processing)
 - 2.7. Mua hàng (Procurement)
 - 2.8. Các hoạt động hỗ trợ khác (đóng gói, dán nhãn,...)

Chương 3: Vai trò của Logistics và các loại hình dịch vụ (12 giờ)

- **Mục tiêu:** Trình bày được vai trò của Logistics và phân biệt được các loại

hình nhà cung cấp dịch vụ Logistics.

- **Nội dung:**

- 3.1. Vai trò của Logistics

- 3.1.1. Đối với doanh nghiệp (tối ưu chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh)

- 3.1.2. Đối với nền kinh tế (hỗ trợ lưu thông, phân phối)

- 3.2. Các bên tham gia vào chuỗi cung ứng

- 3.3. Các nhà cung cấp dịch vụ Logistics (Logistics Service Providers - LSPs)

- 3.3.1. Logistics bên thứ nhất (1PL)

- 3.3.2. Logistics bên thứ hai (2PL)

- 3.3.3. Logistics bên thứ ba (3PL)

- 3.3.4. Logistics bên thứ tư (4PL) và bên thứ năm (5PL)

Chương 4: Giới thiệu công nghệ và hệ thống thông tin trong Logistics (9 giờ)

- **Mục tiêu:** Nhận biết và trình bày được vai trò của các công nghệ và hệ thống thông tin phổ biến trong ngành.

- **Nội dung:**

- 4.1. Tầm quan trọng của thông tin trong chuỗi cung ứng

- 4.2. Giới thiệu các hệ thống quản lý chuyên ngành

- 4.2.1. Hệ thống quản lý kho (WMS - Warehouse Management System)

- 4.2.2. Hệ thống quản lý vận tải (TMS - Transportation Management System)

- 4.2.3. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP - Enterprise Resource Planning)

- 4.3. Giới thiệu các công nghệ nhận dạng và theo dõi

- 4.3.1. Mã vạch (Barcode) và mã QR (QR Code)

- 4.3.2. Hệ thống định vị toàn cầu (GPS - Global Positioning System)

- 4.3.3. Công nghệ nhận dạng qua tần số vô tuyến (RFID - Radio Frequency Identification)

- 4.4. Xu hướng công nghệ trong Logistics (IoT, AI, Blockchain,...)

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng học lý thuyết tiêu chuẩn có máy tính, máy chiếu, kết nối internet.
2. Thiết bị, máy móc: Không yêu cầu thiết bị chuyên dụng.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, slide bài giảng, các video clip minh họa về hoạt động logistics thực tế.
4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:
 - Kiến thức: Mức độ hiểu và trình bày lại các khái niệm, vai trò, hoạt động và công nghệ cơ bản trong Logistics và Chuỗi cung ứng.
2. Phương pháp đánh giá:
 - Đánh giá quá trình: Tham gia thảo luận trên lớp, thực hiện các bài tập nhỏ.
 - Đánh giá kết thúc môn học: Bài thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan, kiểm tra kiến thức tổng hợp của cả môn học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng: Môn học được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành, nghề Logistics.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:
 - Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm, đặt câu hỏi gợi mở. Tăng cường sử dụng các ví dụ thực tế, video clip, case study của các doanh nghiệp logistics lớn (DHL, FedEx, Maersk, Viettel Post...) để minh họa cho bài giảng.
 - Đối với người học: Chủ động đọc trước giáo trình, tham gia phát biểu xây dựng bài, làm việc nhóm để giải quyết các bài tập tình huống. Khuyến khích tìm hiểu thêm thông tin về ngành qua các trang tin tức chuyên ngành.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
 - Chương 1: Phân biệt rõ ràng giữa Logistics và Chuỗi cung ứng.
 - Chương 2: Hiểu rõ bản chất và mối liên hệ của các hoạt động logistics cốt lõi.

- Chương 4: Nhân mạnh vai trò của công nghệ như một yếu tố không thể thiếu trong logistics hiện đại.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Đoàn Thị Hồng Vân (2010), Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, NXB Lao động Xã hội.
- [2] An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, & Nguyễn Thông Thái (2018), Giáo trình quản trị logistics kinh doanh, NXB Hà Nội.
- [3] Bowersox, D. J., Closs, D. J., & Cooper, M. B. (2019), Supply Chain Logistics Management (5th ed.), McGraw-Hill Education.
- [4] Tạp chí Vietnam Logistics Review (VLR).
- [5] Website Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA).
- [6] Cổng thông tin điện tử Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KINH TẾ VI MÔ

Mã môn học: MH-CS02

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thảo luận, bài tập: 13 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Kinh tế học vi mô thuộc khối kiến thức cơ sở, làm cơ sở để người học tiếp thu các môn học và môn chuyên môn ở các học kỳ tiếp theo.

Tính chất: Sau khi học xong học phần này, người học có được những kiến thức cơ bản về Kinh tế vi mô nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện những cơ hội và nguy cơ để ra quyết định trong kinh doanh.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Hiểu được các khái niệm cơ bản về kinh tế vi mô, nền kinh tế, các quy luật kinh tế. Hiểu rõ nguyên tắc lựa chọn kinh tế theo phương pháp tối ưu (Phân tích cận biên).

- Bản chất của cung, cầu và các nhân tố ảnh hưởng. hiểu cơ chế giá điều chỉnh hành vi của người mua, người bán và tác động chính sách của Chính phủ. Đồng thời cung cấp cho người học cách thức tính toán hệ số co giãn của cung, cầu và ứng dụng của chúng trong thực tế.

- Hiểu được cách thức lựa chọn của người tiêu dùng với hạn chế về ngân sách, và từ đó có căn cứ xây dựng đường cầu cá nhân người tiêu dùng.

- Các đặc điểm của hàm sản xuất, hiệu suất theo quy mô và từ đó hiểu được các quy luật, các chỉ chỉ ngắn hạn và ứng dụng của chúng trong việc ra quyết định của doanh nghiệp.

- Bản chất, đặc điểm riêng có của 4 cấu trúc thị trường để từ đó có thể hiểu được cách thức xây dựng chiến lược kinh doanh đúng đắn.

- Hiểu được bản chất cân bằng hiệu quả và các nguyên nhân dẫn đến các thất bại của thị trường, và từ đó hiểu được vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

Về kỹ năng:

- Phân tích được các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp;

- Xác định được cung cầu, giá cả hàng hóa;
 - Xác định được hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp;
 - Xác định được các cấu trúc thị trường; xây dựng chiến lược kinh doanh đúng đắn
- Có kỹ năng làm việc độc lập, phát triển khả năng tư duy phản biện về các vấn đề thuộc về kinh tế học vi mô nhằm giải quyết tốt các tình huống giả định và thực tiễn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển.
- Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế học	4	4	0	0
2	Chương 2: Lý thuyết cầu và cung	12	8	4	0
3	Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng	8	6	2	0
4	Chương 4: Lý thuyết về doanh nghiệp	10	6	3	1
5	Chương 5: Các cấu trúc thị trường	11	6	4	1
Cộng		45	30	13	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về kinh tế học

(Thời gian: 4 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, phân loại, phương pháp nghiên cứu kinh tế học và lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu.

- Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình nghiên cứu, học tập.

Nội dung:

- 1.1. Giới thiệu kinh tế học vi mô
- 1.2. Các khái niệm cơ bản
- 1.3. Lựa chọn tối ưu

Chương 2: Lý thuyết cầu và cung

(Thời gian: 12 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm cung cầu và các vấn đề liên quan đến cung cầu;

- Xác định được hàm số cung, hàm số cầu, cân bằng cung cầu;

- Xác định ảnh hưởng của các yếu tố đến cung cầu, co giãn cung cầu;

- Tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Nội dung:

- 2.1. Cầu
- 2.2. Cung
- 2.3. Mối quan hệ cung - cầu
- 2.4. Chính sách can thiệp của Chính phủ
- 2.5. Sự co giãn của cung - cầu.

Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng

(Thời gian: 8 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được lý thuyết về lợi ích tiêu dùng;

- Phân tích được sự lựa chọn tối ưu trong hành vi của người tiêu dùng;

- Thực hiện được các bài tập tình huống và tính toán liên quan đến lựa chọn tối ưu trong tiêu dùng;

- Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu.

Nội dung:

- 3.1. Các khái niệm

3.2. Lý thuyết lợi ích đo được

3.3. Lý thuyết phân tích bàng quan.

Chương 4: Lý thuyết về doanh nghiệp

(Thời gian: 10 giờ)

Mục tiêu:

- Trình bày được lý thuyết về sản xuất, chi phí, doanh thu và lợi nhuận;
- Thực hiện được các bài tập tình huống và tính toán về xác định chi phí, doanh thu, doanh thu cận biên, tối đa hóa doanh thu, lợi nhuận và tối đa hóa lợi nhuận;
- Chủ động, tích cực trong quá trình học tập và nghiên cứu môn học.

Nội dung:

4.1. Lý thuyết và hàm sản xuất

4.2. Mối quan hệ giữa năng suất bình quân, cận biên và tổng sản phẩm

4.3. Các loại chi phí ngắn hạn và mối quan hệ giữa chúng

4.4. Lợi nhuận và tối đa hóa lợi nhuận.

Chương 5: Các cấu trúc thị trường

(Thời gian: 11 giờ)

Mục tiêu:

- Phân biệt được các cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền và độc quyền tập đoàn);
- Ưu, nhược điểm của từng loại thị trường;
- Xác định điểm cân bằng cung cầu trong từng loại thị trường;
- Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong việc học tập, nghiên cứu.

Nội dung:

5.1. Cạnh tranh hoàn hảo

5.2. Độc quyền bán

5.3. Cạnh tranh độc quyền

5.4. Độc quyền tập đoàn

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Phòng học lý thuyết tiêu chuẩn có máy tính, máy chiếu, kết nối internet.
2. Thiết bị, máy móc: Không yêu cầu thiết bị chuyên dụng.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình, đề cương, giáo án;
- Mô hình học cụ: bảng biểu, sơ đồ, đồ thị,...;
- Nguyên vật liệu và các nguồn lực khác...;
- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn kinh tế vi mô;
- Bài tập thực hành.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Trình bày được các khái niệm và nguyên lý cơ bản của kinh tế học vi mô; các lý thuyết, mô hình cơ bản và phân tích các vấn đề kinh tế đơn giản.

Phát triển kỹ năng tiến hành nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và khái quát hóa các vấn đề kinh tế vi mô cơ bản.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình: Tham gia thảo luận trên lớp, thực hiện các bài tập nhỏ.

Đánh giá kết thúc môn học: Bài thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan, kiểm tra kiến thức tổng hợp của cả môn học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng: Môn học được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm, đặt câu hỏi gợi mở. Tăng cường sử dụng các ví dụ thực tế, video clip để minh họa cho bài giảng.

Đối với người học: Chủ động đọc trước giáo trình, tham gia phát biểu xây dựng bài, làm việc nhóm để giải quyết các bài tập thực hành và bài tình huống. Khuyến khích tìm hiểu thêm thông tin qua các trang tin tức chuyên ngành.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cầu - cung hàng hoá;
- Lý thuyết hành vi người tiêu dùng;
- Lý thuyết hành vi doanh nghiệp;

Cấu trúc thị trường.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] *Kinh tế học vi mô* - NXB Giáo dục Việt Nam 2011
- [2] *Kinh tế vi mô* - Đại học Kinh tế TP HCM NXB Thống kê
- [3] N. Gregory Mankiw, *Nguyên lý kinh tế học tập 1,2*, NXB Thống kê 2003
- [4] Bài giảng: *Nguyên lý kinh tế vi mô* - Nguyễn Văn Ngọc, NXB Đại học kinh tế quốc dân 2007
- [5] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ & Nguyễn Hoàng Bảo (2007), Câu hỏi - bài tập - trắc nghiệm: *Kinh tế vi mô*, NXB Lao động Xã hội.
- [6] Mankiw, N. G. (2024), *Kinh tế học Vi mô* (Bản dịch tiếng Việt, tái bản mới nhất), NXB Hồng Đức.
- [7] Hazlitt, H. (2024), *Kinh tế học trong một bài học*, NXB Tri thức.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: QUẢN TRỊ HỌC

Mã môn học: MH-CS03

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 35 giờ; Thảo luận, bài tập: 8 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí:

Quản trị học là một môn khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở, làm cơ sở để người học tiếp thu các môn học và mô đun chuyên môn.

Tính chất:

Môn học này giới thiệu tổng quan về quản trị các tổ chức, các nguyên tắc quản trị học, quyết định quản trị, hệ thống các chức năng tổ chức trong quản trị, nghệ thuật lãnh đạo trong quản trị và giải quyết các tình huống xảy ra ở từng trường hợp.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm quản trị, nhà quản trị, vai trò, kỹ năng và các cấp bậc của nhà quản trị.
- Phân biệt được các thành viên trong tổ chức như nhà quản trị và người thừa hành.
- Trình bày được khái niệm và phân loại quyết định quản trị. Mô tả được các bước của quy trình ra quyết định quản trị; Phân biệt được các mô hình ra quyết định quản trị.
- Trình bày được khái niệm và ý nghĩa của công tác hoạch định trong quản trị; tiến trình hoạch định.
- Trình bày được khái niệm, vai trò và vị trí của chức năng tổ chức trong quản trị. Giải thích được các nguyên tắc cơ bản của tổ chức quản trị.
- Trình bày được khái niệm, vai trò của chức năng lãnh đạo. Phân biệt nhà lãnh đạo và nhà quản trị.
- Trình bày được khái niệm, mục đích và tác dụng của chức năng kiểm tra; Mô tả được quy trình kiểm tra; Phân biệt được các loại hình kiểm tra.

Về kỹ năng:

- Ra quyết định hợp lý trên cơ sở mục tiêu đã xác định
- Lập mục tiêu SWOT và kế hoạch hành động hợp lý
- Tổ chức và sắp xếp cơ cấu tổ chức phù hợp với từng doanh nghiệp
- Tạo động cơ thúc đẩy tinh thần làm việc của nhân viên
- Thực hiện các hoạt động kiểm tra theo đúng trình tự.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và thực hiện tốt các chức năng quản trị giúp doanh nghiệp đạt được hiệu quả và hiệu suất cao .
- Có khả năng tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc.

III. Nội dung môn học**1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian**

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị học	4	4	0	0
2	Chương 2: Quyết định quản trị	7	7	0	0
3	Chương 3: Chức năng hoạch định	8	6	2	0
4	Chương 4: Chức năng tổ chức	9	6	2	1

5	Chương 5: Chức năng lãnh đạo	8	6	2	0
6	Chương 6: Chức năng kiểm tra	9	6	2	1
Cộng		45	35	8	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về quản trị

Thời gian: 4 giờ

Mục tiêu:

- + Nắm vững được các quan niệm về quản trị, bản chất của quản trị
- + Hiểu được thế nào là nhà quản trị, vai trò của họ trong tổ chức
- + Hiểu được văn hóa, môi trường tổ chức, ảnh hưởng nó đến quản trị tổ chức.
- + Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung

1. Quan niệm về quản trị, bản chất của quản trị, nhà quản trị.
2. Văn hóa tổ chức và môi trường tổ chức.
3. Các lý thuyết về quản trị.

Chương 2: Quyết định quản trị

Thời gian: 7 giờ

Mục tiêu:

- + Trình bày được khái niệm và phân loại quyết định quản trị. Mô tả được các bước của quy trình ra quyết định quản trị; Phân biệt được các mô hình ra quyết định quản trị.
- + Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung:

1. Những vấn đề chung của quyết định quản trị.
2. Phân loại quyết định quản trị.
3. Quy trình ra quyết định quản trị.
4. Các mô hình ra quyết định quản trị.
5. Quyết định tập thể.

Chương 3: Chức năng hoạch định

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu:

- + Nắm vững được khái niệm, vai trò, mục tiêu của hoạch định
- + Hiểu được cơ sở khoa học để hoạch định

- + Hiểu được tiến trình để tiến hành hoạch định
- + Thực hiện các bài tập tình huống trong quản trị
- + Tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập.

Nội dung:

1. Khái niệm và vai trò của hoạch định
2. Mục tiêu, cơ sở khoa học và tiến trình của hoạch định
3. Hoạch định chiến lược, hoạch định tác nghiệp

Chương 4: Chức năng tổ chức

Thời gian: 9 giờ

Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc của công tác tổ chức
- + Hiểu được một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức
- + Nắm được khái niệm cơ cấu tổ chức và một số kiểu cơ cấu tổ chức

Nội dung:

1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc của công tác tổ chức
2. Một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức
3. Các kiểu cơ cấu tổ chức.

Chương 5: Chức năng lãnh đạo

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, nội dung và vai trò của lãnh đạo
- + Hiểu được các lý thuyết về động cơ làm việc của nhân viên
- + Hiểu được các phương pháp lãnh đạo
- + Vận dụng để tháo gỡ các tình huống ở bài tập.

Nội dung:

1. Khái niệm nội dung và vai trò của lãnh đạo
2. Các lý thuyết về động cơ làm việc của nhân viên
3. Các phương pháp và phong cách lãnh đạo.

Chương 6: Chức năng kiểm tra

Thời gian: 9 giờ

Mục tiêu:

- + Hiểu được khái niệm, mục đích và vai trò của công tác kiểm tra
- + Hiểu được các nguyên tắc cần được áp dụng trong kiểm tra
- + Hiểu được tiến trình kiểm tra
- + Biết vận dụng để giải quyết các tình huống trong bài tập thảo luận.

Nội dung:

1. Khái niệm, mục đích và vai trò của công tác kiểm tra
2. Các nguyên tắc kiểm tra
3. Tiến trình kiểm tra.

IV. Điều kiện thực hiện chương trình:

- Phòng học lý thuyết
- Máy tính, máy chiếu projecto
- Đề cương, giáo án, bài giảng môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo
- Giáo trình, tài liệu phát tay
- Câu hỏi và các bài tập tình huống.

V. Phương pháp và nội dung đánh giá:

- Kiểm tra lý thuyết với các nội dung đã học có liên hệ với thực tiễn
- Thực hành: kiểm tra và đánh giá các bài tập thảo luận của các nhóm
- Đánh giá trong quá trình học tập:
 - + Kiểm tra viết
 - + Thảo luận nhóm

VI. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

1. *Phạm vi áp dụng chương trình:* Môn học được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics..
2. *Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:*
 - Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp với thảo luận nhóm.
 - Giáo viên trước khi giảng cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện của từng bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
3. *Những trọng tâm chương trình cần chú ý:*
 - Khái niệm, bản chất của quản trị
 - Chức năng lập kế hoạch
 - Chức năng tổ chức
 - Chức năng lãnh đạo
 - Chức năng kiểm tra
4. *Tài liệu cần tham khảo:*
 - [1] PGS.TS Đào Duy Hân, Quản trị học (2007), NXB Thống kê
 - [2] Đoàn Thị Thu Hà & Nguyễn Thị Ngọc Huyền (Chủ biên) (2024), Giáo trình Quản trị học, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
 - [3] Drucker, P. F. (Năm 2024), Nhà quản trị hiệu quả (The Effective Executive), NXB Trẻ.
 - [4] Covey, S. R. (2024), 7 Thói quen hiệu quả (The 7 Habits of Highly Effective People), NXB Tổng hợp TP.HCM.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: MARKETING

Mã môn học: MH-CS04

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 35 giờ; Thảo luận, bài tập: 8 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở, cung cấp các kiến thức nền tảng về thị trường, khách hàng và các công cụ marketing hỗn hợp (Marketing Mix). Đối với ngành Logistics, kiến thức này giúp người học hiểu được cách các doanh nghiệp dịch vụ logistics tiếp cận khách hàng, xây dựng thương hiệu và tạo ra giá trị, làm nền tảng cho các nghiệp vụ liên quan đến dịch vụ khách hàng.

Tính chất: Môn học lý thuyết, trang bị tư duy marketing.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm cốt lõi của marketing: nhu cầu, mong muốn, trao đổi, thị trường, giá trị khách hàng.
- Mô tả được quy trình marketing và môi trường marketing của doanh nghiệp.
- Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua của khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.
- Trình bày được các bước trong quy trình phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị.
- Phân tích được các thành phần của marketing hỗn hợp cho dịch vụ (7Ps): Sản phẩm (Product), Giá (Price), Phân phối (Place), Xúc tiến (Promotion), Con người (People), Quy trình (Process), và Bằng chứng vật chất (Physical Evidence).

Về kỹ năng:

- Phân tích được môi trường marketing của một công ty dịch vụ logistics.
- Vận dụng được các yếu tố 7Ps để phân tích chiến lược marketing của một công ty logistics cụ thể.
- Đề xuất được ý tưởng marketing đơn giản cho một dịch vụ logistics..

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Hình thành tư duy hướng về khách hàng, luôn đặt khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động.

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu và tạo dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

- Chủ động quan sát và phân tích các hoạt động marketing của các doanh nghiệp trong thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về Marketing	8	8	0	0
2	Chương 2: Môi trường Marketing và Hành vi khách hàng	11	8	1	1
3	Chương 3: Chiến lược Marketing mục tiêu (STP)	13	9	4	0
4	Chương 4: Marketing hỗn hợp cho dịch vụ (7Ps)	13	9	3	1
Cộng		45	35	8	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về Marketing

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu: Hiểu rõ bản chất, vai trò và quy trình của marketing.

Nội dung:

1. Các khái niệm cốt lõi trong marketing.
2. Quá trình phát triển của tư duy marketing.
3. Vai trò của marketing trong doanh nghiệp.
4. Quy trình marketing tổng quát.

Chương 2: Môi trường Marketing và Hành vi khách hàng Thời gian: 11 giờ

Mục tiêu: Hiểu được các yếu tố môi trường tác động và hiểu được cách khách hàng ra quyết định mua.

Nội dung:

1. Môi trường marketing vi mô và vĩ mô.
2. Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing.
3. Mô hình hành vi mua của người tiêu dùng.
4. Hành vi mua của khách hàng tổ chức (B2B) - đặc biệt quan trọng trong logistics.

Chương 3: Chiến lược Marketing mục tiêu (STP) Thời gian: 13 giờ

Mục tiêu: Hiểu rõ quy trình lựa chọn thị trường và xây dựng hình ảnh cho sản phẩm/dịch vụ.

Nội dung:

1. Phân khúc thị trường (Segmentation): các tiêu chí phân khúc.
2. Lựa chọn thị trường mục tiêu (Targeting): các phương án lựa chọn.
3. Định vị (Positioning): khái niệm, các chiến lược định vị.
4. Ứng dụng: Phân khúc khách hàng cho dịch vụ kho bãi (khách hàng cần kho mát, kho khô, kho ngoại quan...).

Chương 4: Marketing hỗn hợp cho dịch vụ (7Ps) Thời gian: 13 giờ

Mục tiêu: Hiểu vững các công cụ marketing mà doanh nghiệp sử dụng để tác động vào thị trường.

Nội dung:

1. Chính sách Sản phẩm (Product): các cấp độ sản phẩm, phát triển dịch vụ mới.
2. Chính sách Giá (Price): các phương pháp định giá.
3. Chính sách Phân phối (Place): kênh phân phối, vai trò của logistics trong phân phối.
4. Chính sách Xúc tiến (Promotion): quảng cáo, PR, khuyến mãi.
5. Các yếu tố mở rộng cho marketing dịch vụ: Con người (People), Quy trình (Process), Bằng chứng vật chất (Physical Evidence).
6. Ứng dụng: Phân tích 7Ps của một công ty chuyên phát nhanh như Giao Hàng Nhanh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Phòng học: Phòng học lý thuyết tiêu chuẩn, trang bị máy chiếu, bảng trắng và kết nối internet.

Thiết bị: Máy tính cho giảng viên, máy chiếu.

Học liệu: Giáo trình; các ví dụ, quảng cáo, website của các công ty logistics.

Các điều kiện khác: Giảng viên có chuyên môn về marketing.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

- **Nội dung:**
 - Đánh giá kiến thức về các khái niệm, quy trình và công cụ marketing.
 - Đánh giá kỹ năng phân tích chiến lược marketing của một doanh nghiệp dịch vụ.
- **Phương pháp:**
 - **Đánh giá quá trình:**
 - Chuyên cần, tham gia thảo luận.
 - Kiểm tra giữa kỳ: trắc nghiệm khách quan (chiếm 40% điểm tổng kết).
 - **Đánh giá kết thúc môn học:**
 - Thi viết tự luận cuối kỳ, tập trung vào phân tích tình huống marketing (chiếm 60% điểm tổng kết).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

- **Phạm vi áp dụng môn học:** Môn học được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics.
- **Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**
 - **Đối với giảng viên:** Sử dụng nhiều ví dụ trực quan (video quảng cáo, website, fanpage) của các công ty logistics để bài giảng sinh động. Giao các bài tập nhóm nhỏ yêu cầu sinh viên phân tích hoạt động marketing của một doanh nghiệp mà họ quan sát được.
 - **Đối với người học:** Tích cực quan sát các hoạt động marketing xung quanh. Theo dõi các chiến dịch quảng cáo của các thương hiệu lớn để học hỏi.
- **Những trọng tâm cần chú ý:**
 - Chương 4: Hiểu rõ và vận dụng được mô hình 7Ps cho dịch vụ logistics là nội dung quan trọng nhất.
- **Tài liệu tham khảo:**
 - [1] Kotler, P., & Armstrong, G. (2021), Nguyên lý Marketing (Bản dịch tiếng Việt, phiên bản mới nhất), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 11
 - [2] Trần Minh Đạo (Chủ biên) (2020), Giáo trình Marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
 - [3] Brands Vietnam (www.brandsvietnam.com).
 - [4] Advertising Vietnam (www.advertisingvietnam.com).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: ĐỊA LÝ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Mã môn học: MH-CS05

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, được bố trí sau môn Tổng quan Logistics và Chuỗi cung ứng. Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về hạ tầng và các tuyến vận tải, là đầu vào trực tiếp và quan trọng cho mô đun chuyên môn Điều phối hoạt động Vận tải.

Tính chất: Môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trên bản đồ, phần mềm.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm, vai trò của các yếu tố địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến hoạt động giao thông vận tải.
- Mô tả được mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và đường thủy nội địa của Việt Nam, bao gồm các tuyến chính, các đầu mối giao thông quan trọng (cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt, cửa khẩu).
- Xác định được vị trí và vai trò của các cảng biển, cảng hàng không, trung tâm logistics lớn trên thế giới và các tuyến vận tải quốc tế chính kết nối Việt Nam với các khu vực.
- Phân tích được ưu, nhược điểm, phạm vi áp dụng và khả năng kết nối của từng phương thức vận tải.
- Trình bày được khái niệm và vai trò của vận tải đa phương thức và các hành lang kinh tế.

Về kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo bản đồ số (Google Maps, Google Earth) để tra cứu vị trí, xác định khoảng cách và tìm kiếm các tuyến đường vận chuyển.
- Vạch ra được một số phương án lộ trình vận chuyển đường bộ giữa hai địa điểm cho trước, có xem xét đến các yếu tố như loại đường, các trạm thu phí,

các khu vực thường xuyên tắc nghẽn.

- Lựa chọn được phương thức vận tải hoặc kết hợp các phương thức vận tải phù hợp cho một lô hàng cụ thể dựa trên các tiêu chí về thời gian, chi phí và đặc tính hàng hóa.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động cập nhật thông tin về các dự án phát triển hạ tầng giao thông mới tại Việt Nam và các thay đổi về tuyến vận tải quốc tế.
- Có ý thức về tầm quan trọng của việc lựa chọn lộ trình và phương thức vận tải tối ưu để tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp.
- Cẩn thận, chính xác trong việc tra cứu thông tin địa lý và các tuyến đường.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về Địa lý Giao thông Vận tải	8	8	0	0
2	Chương 2: Giao thông Vận tải đường bộ và đường sắt Việt Nam	12	5	7	0
3	Chương 3: Giao thông Vận tải đường biển và đường thủy nội địa	12	5	7	0
4	Chương 4: Giao thông Vận tải đường hàng không	12	6	5	1
5	Chương 5: Vận tải đa phương thức và các tuyến vận tải quốc tế	16	6	8	2
Cộng		60	30	27	3

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về Địa lý Giao thông Vận tải (Thời gian: 6 giờ)

Mục tiêu: Cung cấp các khái niệm và nguyên tắc cơ bản.

Nội dung:

1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu.
2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố mạng lưới giao thông vận tải.
3. Vai trò của giao thông vận tải trong chuỗi cung ứng Logistics.

Chương 2: Giao thông Vận tải đường bộ và đường sắt Việt Nam (Thời gian: 12 giờ)

Mục tiêu: Nắm vững hệ thống hạ tầng đường bộ, đường sắt và các đầu mối liên quan tại Việt Nam.

Nội dung:

1. Hệ thống quốc lộ, cao tốc trục Bắc - Nam và các tuyến ngang.
2. Các cửa khẩu đường bộ quốc tế quan trọng (Hữu Nghị, Móng Cái, Lào Cai, Mộc Bài...).
3. Mạng lưới đường sắt quốc gia, các ga hàng hóa chính.
4. Quy định về tải trọng, khổ giới hạn, giờ cấm tải tại các thành phố lớn.
5. Thực hành trên Google Maps và các bài tập tình huống

Chương 3: Giao thông Vận tải đường biển và đường thủy nội địa (Thời gian: 12 giờ)

Mục tiêu: Hiểu rõ hệ thống cảng biển và các tuyến vận tải đường thủy của Việt Nam.

Nội dung:

1. Hệ thống cảng biển Việt Nam: Phân loại cảng, các cụm cảng biển chính (Nhóm 1 - Hải Phòng, Nhóm 4 - TP.HCM, Nhóm 5 - Cái Mép - Thị Vải).
2. Các tuyến vận tải ven biển và quốc tế từ các cảng chính của Việt Nam.
3. Hệ thống đường thủy nội địa khu vực phía Bắc và phía Nam.
4. Thực hành tra cứu lịch tàu (sailing schedule) trên website của các hãng tàu lớn (Maersk, MSC, ONE) và Bài tập tình huống: Xác định cảng biển phù hợp để xuất khẩu một lô hàng.

Chương 4: Giao thông Vận tải đường hàng không Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu: Nắm được hệ thống cảng hàng không và các dịch vụ vận tải hàng không.

Nội dung:

1. Hệ thống cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam, các cảng hàng không quốc tế chính (Nội Bài - HAN, Tân Sơn Nhất - SGN, Đà Nẵng - DAD).
2. Các nhà ga hàng hóa (cargo terminal) và các công ty phục vụ mặt đất (ground handling).

3. Các hãng hàng không vận chuyển hàng hóa lớn hoạt động tại Việt Nam.
4. Thực hành tra cứu mã sân bay và Bài tập tình huống

Chương 5: Vận tải đa phương thức và các tuyến vận tải quốc tế

Thời gian: 16 giờ

Mục tiêu: Hiểu về kết hợp các phương thức vận tải và mở rộng tầm nhìn ra thế giới.

Nội dung:

1. Khái niệm, lợi ích của vận tải đa phương thức (Multimodal Transport).
2. Các tuyến vận tải biển quốc tế chính: Á - Âu, Xuyên Thái Bình Dương, Xuyên Đại Tây Dương.¹²
3. Các cảng trung chuyển (transshipment hub) lớn trên thế giới (Singapore, Hong Kong, Rotterdam, Dubai).⁸
4. Các hành lang kinh tế và sáng kiến kết nối hạ tầng (BRI, Hành lang kinh tế Đông - Tây).
5. Thực hành
Thảo luận nhóm
Bài tập

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Phòng học: Phòng học lý thuyết có kết nối internet mạnh và ổn định. Ưu tiên phòng máy tính để sinh viên có thể thực hành tra cứu trực tiếp.

Thiết bị: Máy tính, máy chiếu có độ phân giải cao để hiển thị rõ bản đồ, hệ thống mạng LAN/Wifi.

Học liệu: Giáo trình "Địa lý Giao thông Vận tải"; bản đồ giao thông Việt Nam khổ lớn; tài khoản truy cập các trang web tra cứu lịch tàu, theo dõi hành trình; phần mềm Google Earth.

Các điều kiện khác: Giảng viên có kiến thức sâu rộng về địa lý và thực tiễn vận tải.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

Đánh giá kiến thức về hệ thống hạ tầng giao thông, các đầu mối, các tuyến vận tải chính của Việt Nam và thế giới.

Đánh giá kỹ năng sử dụng bản đồ số, tra cứu thông tin vận tải và khả năng lập kế hoạch lộ trình đơn giản.

Đánh giá năng lực phân tích, so sánh và lựa chọn phương thức vận tải phù hợp.

2. Phương pháp:

Đánh giá quá trình:

Bài tập thực hành trên lớp: Các bài tập tra cứu và lập lộ trình

Kiểm tra giữa kỳ: Bài kiểm tra viết về kiến thức hạ tầng giao thông

Đánh giá kết thúc môn học:

Bài thi thực hành trên máy tính: Giải quyết một bài toán vận chuyển tổng hợp, yêu cầu sinh viên lựa chọn phương thức, vạch ra lộ trình và giải thích lý do

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Tăng cường sử dụng các công cụ trực quan như bản đồ số, hình ảnh, video về cảng biển, sân bay, các loại phương tiện. Tổ chức các bài tập thực hành thường xuyên để sinh viên làm quen với việc tra cứu và phân tích thông tin.
- Đối với người học: Phải thành thạo kỹ năng sử dụng Google Maps và các công cụ tìm kiếm. Chủ động theo dõi các tin tức về giao thông, các dự án hạ tầng mới để liên hệ với bài học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Phần thực hành tra cứu và lập kế hoạch lộ trình là nội dung quan trọng nhất, cần dành nhiều thời gian.
- Nhấn mạnh sự kết nối giữa các phương thức vận tải và khái niệm vận tải đa phương thức.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Giáo trình "Địa lý Giao thông vận tải Việt Nam" - NXB Giao thông Vận tải.
- [2] Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (2015), Địa lí dịch vụ Tập 1: Địa lí giao thông vận tải, NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Atlas Giao thông đường bộ Việt Nam (Bản mới nhất), NXB Giao thông Vận tải.
- [4] Công cụ và Cổng thông tin điện tử (Bắt buộc sử dụng thành thạo):
- [5] Google Maps / Google Earth.
- [6] Cổng thông tin điện tử Cục Hàng hải Việt Nam (vinamarine.gov.vn).
- [7] Cổng thông tin điện tử Cục Hàng không Việt Nam (caa.gov.vn).
- [8] Website các hãng tàu lớn (maersk.com, msc.com) để tra cứu lịch tàu (sailing schedules).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG

Mã môn học: MH-CS06

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, có vai trò cực kỳ quan trọng, cung cấp khung kiến thức pháp lý và thương mại cho hoạt động xuất nhập khẩu. Môn học này là tiền đề bắt buộc để học các mô đun chuyên môn Nghiệp vụ Giao nhận và Thủ tục Hải quan" và Dịch vụ khách hàng Logistics.

Tính chất: Môn học kết hợp lý thuyết chuyên sâu và thực hành phân tích chứng từ, tình huống.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình tổng quan của một giao dịch xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Giải thích được cấu trúc và các điều khoản chính của một Hợp đồng ngoại thương (Sales Contract).
- Phân tích và áp dụng được 11 quy tắc của Incoterms 2020 để xác định chính xác nghĩa vụ, chi phí và thời điểm chuyển giao rủi ro giữa người bán và người mua trong một giao dịch cụ thể.
- Phân biệt được các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản: Chuyển tiền (T/T), Nhờ thu (D/P, D/A), và Tín dụng thư (L/C).
- Mô tả được quy trình thanh toán bằng L/C, vai trò của các ngân hàng liên quan và các yêu cầu nghiêm ngặt về bộ chứng từ theo quy tắc UCP 600.

Về kỹ năng:

- Đọc hiểu và trích xuất được các thông tin quan trọng từ một Hợp đồng ngoại thương mẫu.
- Lựa chọn được điều kiện Incoterms phù hợp cho một tình huống mua bán cụ thể và giải thích được lý do lựa chọn.
- Phân tích được một L/C đơn giản để xác định các yêu cầu về chứng từ, thời

hạn xuất trình và các điều kiện khác.

- Phát hiện được các lỗi không nhất quán cơ bản giữa các chứng từ trong một bộ hồ sơ thanh toán.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của tính chính xác và nhất quán trong các chứng từ ngoại thương.
- Cẩn thận, tỉ mỉ khi làm việc với các văn bản pháp lý như hợp đồng và L/C.
- Chủ động tìm hiểu các quy tắc và thông lệ quốc tế trong thương mại để tránh các rủi ro cho doanh nghiệp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về Giao dịch Ngoại thương	8	8	0	0
2	Chương 2: Hợp đồng Ngoại thương	12	5	7	0
3	Chương 3: Các điều kiện thương mại quốc tế - Incoterms 2020	20	18	10	2
4	Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế	20	19	10	1
Cộng		60	30	27	3

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về Giao dịch Ngoại thương Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu: Cung cấp cái nhìn tổng thể về quy trình và các bên tham gia.

Nội dung:

1. Quy trình 10 bước của một giao dịch xuất nhập khẩu.
2. Vai trò của các bên: Người xuất khẩu, Người nhập khẩu, Công ty giao

nhận, Hãng vận tải, Công ty bảo hiểm, Ngân hàng, Cơ quan Hải quan.

Chương 2: Hợp đồng Ngoại thương (Sales Contract) Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu: Trang bị kỹ năng đọc hiểu và phân tích hợp đồng.

Nội dung:

1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hợp đồng ngoại thương.
2. Kết cấu và nội dung các điều khoản chính: Tên hàng (Commodity), Phẩm chất (Quality), Số lượng (Quantity), Giá cả (Price), Giao hàng (Shipment), Thanh toán (Payment), Bất khả kháng (Force Majeure), Trọng tài (Arbitration).
3. Phân tích một hợp đồng ngoại thương mẫu.

Chương 3: Các điều kiện thương mại quốc tế - Incoterms 2020 Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu: Hiểu rõ hệ thống cảng biển và các tuyến vận tải đường thủy của Việt Nam.

Nội dung:

1. Lịch sử hình thành, mục đích và phạm vi áp dụng của Incoterms.
2. Cấu trúc của Incoterms 2020: 2 nhóm, 11 quy tắc.
3. Phân tích chi tiết 11 quy tắc, tập trung vào 3 nội dung cốt lõi: Nghĩa vụ làm thủ tục hải quan, điểm chuyển giao rủi ro, và các chi phí do mỗi bên chịu.
4. Những điểm thay đổi chính của Incoterms 2020 so với 2010.
5. Thực hành và Bài tập tình huống.

Chương 4: Các phương thức thanh toán quốc tế Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu: Hiểu rõ cơ chế vận hành và rủi ro của các phương thức thanh toán.

Nội dung:

1. Phương thức chuyển tiền (Telegraphic Transfer - T/T): Trả trước, trả sau, ưu và nhược điểm.
2. Phương thức nhờ thu (Collection): Nhờ thu trơn (Clean Collection), Nhờ thu kèm chứng từ (Documentary Collection - D/P, D/A).
3. Phương thức Tín dụng thư (Letter of Credit - L/C): Khái niệm, bản chất, các bên tham gia, quy trình thực hiện.
4. Giới thiệu Quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ (UCP 600).
5. Các lỗi sai sót phổ biến trên bộ chứng từ thanh toán bằng L/C.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

Phòng học: Phòng máy tính có cài đặt phần mềm văn phòng và kết nối internet.

Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

Học liệu: Giáo trình "Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương", "Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương"; Bộ chứng từ XNK mẫu (Hợp đồng, L/C, Hóa đơn, Vận đơn...); Ấn phẩm Incoterms® 2020 của ICC.¹

Các điều kiện khác: Giảng viên có kinh nghiệm thực tế về xuất nhập khẩu.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Đánh giá kiến thức về hợp đồng, Incoterms, và các phương thức thanh toán quốc tế.
- Đánh giá kỹ năng phân tích hợp đồng, lựa chọn điều kiện Incoterms, và đọc hiểu L/C.
- Đánh giá sự cẩn thận, tỉ mỉ khi làm việc với chứng từ.

2. Phương pháp:

- Đánh giá quá trình:
 - Bài tập cá nhân: Giải các bài tập tình huống về Incoterms
 - Kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận ngắn về hợp đồng và thanh toán quốc tế
- Đánh giá kết thúc môn học:
 - Bài thi tự luận: Giải quyết một case study tổng hợp yêu cầu phân tích hợp đồng, lựa chọn Incoterms và phân tích quy trình thanh toán

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp học qua tình huống (case-based learning) làm chủ đạo. Cung cấp nhiều bộ chứng từ thực tế (đã ẩn thông tin nhạy cảm) để sinh viên phân tích.
- Đối với người học: Phải thực hành phân tích chứng từ thường xuyên. Chủ động tìm hiểu các tranh chấp thương mại quốc tế thực tế liên quan đến Incoterms và L/C để hiểu sâu sắc hơn về rủi ro.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chương 3: Phải nắm vững điểm khác biệt cốt lõi về địa điểm chuyển giao rủi ro của 11 quy tắc Incoterms.

- Chương 4: Hiểu rõ bản chất của L/C là giao dịch dựa trên chứng từ, không phải hàng hóa.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] PGS. TS. Nguyễn Văn Tiến (2021), "Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương", NXB Thống kê.
- [2] GS. TS. Đoàn Thị Hồng Vân (2024), "Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương", NXB Tổng hợp TP.HCM.
- [3] Các quy tắc UCP 600.
- [4] Phòng Thương mại Quốc tế (ICC), "Incoterms® 2020".
- [5] Luật Thương mại hiện hành.
- [6] Luật Hải quan hiện hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: AN TOÀN, AN NINH TRONG LOGISTICS

Mã mô đun: MĐ-CM02

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, được bố trí học ở giai đoạn đầu của chương trình chuyên môn. Kiến thức và kỹ năng của mô đun này là yêu cầu nền tảng và bắt buộc trước khi sinh viên tham gia vào các hoạt động thực hành nghiệp vụ chuyên sâu khác.

Tính chất: Mô đun tích hợp lý thuyết và thực hành, có tính chất bắt buộc và tiên quyết.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng :

Về kiến thức:

- Trình bày được các quy định về an toàn lao động, ý nghĩa biển báo, cách sử dụng PPE.
- Mô tả được quy trình vận hành an toàn thiết bị kho và các quy định PCCC cơ bản.
- Mô tả được các quy định về an ninh hàng hóa, quy trình kiểm tra container 7 điểm, cách quản lý seal.
- Trình bày được các quy định pháp luật cơ bản của Luật Hải quan, Luật Thương mại về khai báo và chính sách mặt hàng.
- Mô tả được quy trình ứng phó các tình huống khẩn cấp về an toàn.

Về kỹ năng:

- Nhận diện và báo cáo được các mối nguy hiểm về an toàn tại nơi làm việc.
- Sử dụng đúng và đủ các loại PPE theo yêu cầu.
- Thực hiện được việc kiểm tra an ninh container và niêm phong (seal) theo quy trình.
- Áp dụng được các quy định về khai báo hải quan trung thực, tra cứu được chính sách mặt hàng cơ bản.

- Thực hiện được các hành động ứng phó ban đầu khi có sự cố khẩn cấp (báo động, sơ tán).

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tự giác tuân thủ 100% các quy định về an toàn, an ninh, PCCC và pháp luật.
- Chịu trách nhiệm về an toàn của bản thân và đồng nghiệp, chủ động báo cáo các điều kiện không an toàn.
- Chịu trách nhiệm tuyệt đối về tính trung thực, chính xác khi thực hiện các nghĩa vụ pháp lý.
- Giữ bình tĩnh, hành động quyết đoán và có trách nhiệm trong các tình huống khẩn cấp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: An toàn lao động trong kho và tại hiện trường	24	7	17	0
2	Bài 2: An ninh hàng hóa và chuỗi cung ứng	24	7	16	1
3	Bài 3: Tuân thủ pháp luật Hải quan và Thương mại	24	8	16	1
4	Bài 4: Xử lý các tình huống khẩn cấp về an toàn	18	6	11	1
Cộng		90	29	58	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: An toàn lao động trong kho và tại hiện trường **Thời gian: 24 giờ**

Mục tiêu: Lập được kế hoạch công việc cá nhân và soạn thảo được báo cáo công việc theo yêu cầu.

Nội dung:

1. Nhận diện rủi ro và văn hóa an toàn
 - 1.1. Các rủi ro phổ biến trong kho: trượt ngã, vật rơi, va chạm
 - 1.2. Hệ thống biển báo an toàn lao động
2. Trang thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE)
 - 2.1. Các loại PPE và công dụng (mũ, giày, găng tay, áo phản quang)
 - 2.2. Thực hành: Lựa chọn và sử dụng PPE cho các tình huống giả định
3. An toàn khi vận hành thiết bị và sắp xếp hàng hóa
 - 3.1. Quy tắc vận hành an toàn xe nâng tay
 - 3.2. Nguyên tắc sắp xếp hàng hóa an toàn (5S)
 - 3.3. Thực hành: Di chuyển pallet và sắp xếp hàng hóa tại kho mô phỏng
4. Phòng cháy chữa cháy (PCCC) cơ bản
 - 4.1. Nguyên nhân gây cháy và các biện pháp phòng ngừa
 - 4.2. Vị trí và cách sử dụng bình chữa cháy
 - 4.3. Thực hành: Sử dụng bình chữa cháy (với mô hình).

Bài 2: An ninh hàng hóa và chuỗi cung ứng**Thời gian: 24 giờ**

Mục tiêu: Thực hiện được quy trình kiểm tra an ninh container, seal và tuân thủ các quy định an ninh.

Nội dung bài:

1. Tổng quan về an ninh chuỗi cung ứng
 - 1.1. Các mối đe dọa (trộm cắp, buôn lậu, khủng bố)
 - 1.2. Giới thiệu tiêu chuẩn C-TPAT
2. An ninh phương tiện và container
 - 2.1. Quy trình kiểm tra container 7 điểm
 - 2.2. Thực hành: Kiểm tra một container/thùng xe mô phỏng
3. Quản lý và kiểm tra niêm phong (Seal)
 - 3.1. Các loại seal và tiêu chuẩn ISO 17712
 - 3.2. Quy trình kiểm tra seal "VVTT" (View, Verify, Tug, Twist)

- 3.3. Thực hành: Kiểm tra, đối chiếu và ghi nhận số seal
- 4. An ninh cơ sở và kiểm soát ra vào
 - 4.1. Quy định về kiểm soát người và phương tiện
 - 4.2. Giám sát quá trình xếp/dỡ hàng.

Bài 3: Tuân thủ pháp luật Hải quan và Thương mại Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Trình bày được các quy định pháp luật cơ bản và áp dụng vào việc khai báo trung thực.

Nội dung:

- 1. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan
 - 1.1. Giới thiệu Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn
 - 1.2. Giới thiệu Luật Thương mại
- 2. Nguyên tắc khai báo hải quan
 - 2.1. Nghĩa vụ trung thực và chính xác
 - 2.2. Hậu quả của việc khai báo sai (phạt hành chính, phân loại doanh nghiệp rủi ro)
- 3. Tuân thủ chính sách mặt hàng
 - 3.1. Hàng cấm xuất/nhập khẩu, hàng tạm ngừng
 - 3.2. Hàng hóa phải có giấy phép, kiểm tra chuyên ngành
 - 3.3. Thực hành: Tra cứu chính sách cho một số mặt hàng cụ thể
- 4. Tuân thủ nghĩa vụ về thuế
 - 4.1. Các loại thuế trong XNK
 - 4.2. Vai trò của Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) trong việc hưởng ưu đãi thuế.

Bài 4: Xử lý các tình huống khẩn cấp về an toàn Thời gian: 18 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được các bước ứng phó ban đầu khi có sự cố khẩn cấp.

Nội dung:

- 1. Quy trình ứng phó khẩn cấp chung
 - 1.1. Nguyên tắc "Báo động - Sơ tán - Ứng phó"

- 1.2. Các số điện thoại khẩn cấp (114, 115) và cách cung cấp thông tin
2. Ứng phó sự cố cháy nổ
 - 2.1. Kích hoạt báo động và gọi cứu hỏa
 - 2.2. Kỹ năng thoát hiểm an toàn
 - 2.3. Thực hành: Diễn tập PCCC và thoát nạn
3. Ứng phó tai nạn lao động
 - 3.1. Nguyên tắc bảo vệ hiện trường và an toàn cho người cứu hộ
 - 3.2. Các bước sơ cứu ban đầu cơ bản (cầm máu, cố định vết thương)
 - 3.3. Thực hành: Sơ cứu cho tình huống giả định
4. Ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất
 - 4.1. Nhận diện và cảnh báo
 - 4.2. Quy trình xử lý ban đầu (sử dụng Spill Kit).

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, nhà xưởng: Phòng lý thuyết, phòng máy tính có kết nối internet, kho/xưởng thực hành mô phỏng.
2. Thiết bị, máy móc: Máy tính, máy chiếu, các loại PPE (mũ, giày, găng tay, áo), bình chữa cháy các loại (đã hết hoặc dùng cho huấn luyện), tủ thuốc sơ cứu, bộ dụng cụ kiểm tra container (đèn pin, gương), các loại seal mẫu.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, video clip về an toàn lao động, các tình huống giả định, Luật Hải quan, biểu thuế XNK.
4. Các điều kiện khác: Có không gian đủ rộng để tổ chức diễn tập PCCC và thoát nạn.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Kiến thức: Mức độ trình bày các quy định, quy trình về an toàn, an ninh, tuân thủ và ứng phó khẩn cấp.

Kỹ năng: Khả năng thực hiện các thao tác thực hành: sử dụng PPE, kiểm tra container, sử dụng bình chữa cháy, thực hiện sơ cứu.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua thái độ tuân thủ, mức độ cẩn thận

và sự bình tĩnh khi thực hành các tình huống khẩn cấp.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

- Bài kiểm tra trắc nghiệm về kiến thức pháp luật, an toàn.
- Đánh giá kết quả các bài thực hành: sử dụng PPE, kiểm tra seal.
- Quan sát quá trình tham gia diễn tập PCCC và sơ cứu.

Đánh giá kết thúc mô đun:

- Bài thi thực hành tổng hợp: Sinh viên được đặt vào một tình huống tại hiện trường (ví dụ: chuẩn bị nhận một container hàng) và phải thực hiện một loạt các thao tác kiểm tra an toàn, an ninh theo checklist và xử lý một sự cố giả định phát sinh.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

-Đối với giảng viên: Tăng cường tối đa các hoạt động thực hành, trực quan. Mời chuyên gia (cán bộ PCCC, nhân viên an toàn) đến nói chuyện, hướng dẫn. Tổ chức các buổi diễn tập quy mô nhỏ nhưng thường xuyên để hình thành phản xạ cho sinh viên.

-Đối với người học: Nghiêm túc tham gia tất cả các buổi thực hành. Luôn đặt câu hỏi "Tại sao phải làm vậy?" để hiểu sâu bản chất của các quy định. Chủ động thực hành lại các kỹ năng (ví dụ: cách kiểm tra seal) ngoài giờ học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Nhấn mạnh rằng "An toàn và Tuân thủ" là điều kiện tiên quyết, không thỏa hiệp.

Các bài thực hành phải được thiết kế sát với thực tế nhất có thể.

Rèn luyện tâm lý bình tĩnh, tuân thủ quy trình khi đối mặt với tình huống khẩn cấp.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Luật An toàn, vệ sinh lao động (số 84/2015/QH13) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[2] Luật Phòng cháy và chữa cháy (số 55/2024/QH15)

[3] Luật Hải quan (số 54/2014/QH13) và các văn bản hướng dẫn.

[4] Tài liệu hướng dẫn về tiêu chuẩn an ninh chuỗi cung ứng C-TPAT (Customs Trade Partnership Against Terrorism) do Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CBP) ban hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: NGHIỆP VỤ KHO VẬN

Mã mô đun: MĐ-CM03

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Lý thuyết: 55 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 110 giờ; Kiểm tra: 15 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, được giảng dạy sau khi người học đã hoàn thành mô đun An toàn, An ninh trong Logistics. Mô đun này cung cấp các kiến thức và kỹ năng vận hành chi tiết tại kho hàng, một trong những mắt xích quan trọng nhất của chuỗi cung ứng.

Tính chất: Mô đun nghiệp vụ chuyên sâu, có tỷ lệ thực hành cao.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng :

Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình nhập kho, xuất kho, sắp xếp, lưu trữ, soạn hàng, đóng gói và kiểm kê hàng hóa theo tiêu chuẩn.
- Giải thích được các nguyên tắc sắp xếp kho khoa học như FIFO, FEFO và cách đọc sơ đồ kho.
- Mô tả được các kỹ thuật đóng gói và cách lựa chọn vật liệu phù hợp cho các loại hàng hóa khác nhau.
- Giải thích được quy trình vận hành và cập nhật dữ liệu trên hệ thống quản lý kho (WMS).

Về kỹ năng:

- Thực hiện được đầy đủ các bước của quy trình nhập kho và xuất kho, bao gồm kiểm tra chứng từ, kiểm đếm, lập phiếu và cập nhật hệ thống.
- Vận hành được các thiết bị kho cơ bản (xe nâng tay, máy quét mã vạch) để di chuyển và sắp xếp hàng hóa.
- Thực hiện được việc soạn hàng (picking) và đóng gói theo yêu cầu một cách chính xác và an toàn.
- Tham gia được vào quá trình kiểm kê, thực hiện kiểm đếm và đối chiếu số liệu.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác tuyệt đối trong các khâu kiểm đếm, nhập liệu, soạn hàng.
- Chủ động trong việc lập kế hoạch và tối ưu hóa các hoạt động tác nghiệp trong kho.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, quy tắc an toàn và các nguyên tắc sắp xếp kho.
- Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực trong việc kiểm tra hàng hóa và xử lý sai lệch.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Thực hiện thủ tục nhập kho	40	12	25	3
2	Bài 2: Sắp xếp và lưu trữ hàng hóa	36	11	22	3
3	Bài 3: Soạn hàng và đóng gói	36	11	22	3
4	Bài 4: Thực hiện thủ tục xuất kho	40	12	25	3
5	Bài 5: Thực hiện kiểm kê hàng tồn kho	28	9	16	3
Cộng		180	55	110	15

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Thực hiện thủ tục nhập kho Thời gian: 40 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được quy trình nhập kho hoàn chỉnh từ khâu tiếp nhận đến cập nhật hệ thống.

Nội dung:

1. Tiếp nhận kế hoạch và chứng từ nhập kho

- 1.1. Các loại chứng từ: Phiếu giao hàng, Packing List, Hóa đơn
- 1.2. Thực hành: Kiểm tra tính hợp lệ của một bộ chứng từ nhập kho
2. Chuẩn bị và thực hiện dỡ hàng
 - 2.1. Chuẩn bị không gian, thiết bị (pallet, xe nâng tay) và PPE
 - 2.2. Quy trình dỡ hàng an toàn
3. Kiểm tra, đối chiếu và xử lý sai lệch
 - 3.1. Kỹ năng kiểm đếm và kiểm tra ngoại quan
 - 3.2. Quy trình lập biên bản ghi nhận sự việc (hàng thừa, thiếu, hư hỏng)
 - 3.3. Thực hành: Đóng vai xử lý tình huống phát hiện hàng hư hỏng
4. Lập phiếu nhập kho và cập nhật hệ thống
 - 4.1. Nội dung và quy cách lập Phiếu nhập kho
 - 4.2. Thực hành: Nhập liệu thông tin lô hàng vào phần mềm WMS mô phỏng.

Bài 2: Sắp xếp và lưu trữ hàng hóa

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Sắp xếp được hàng hóa vào đúng vị trí theo sơ đồ và các nguyên tắc quản lý.

Nội dung bài:

1. Nguyên tắc sắp xếp và lưu trữ
 - 1.1. Sơ đồ kho (Layout) và hệ thống địa chỉ (Location system)
 - 1.2. Các nguyên tắc: FIFO, FEFO, hàng nặng ở dưới
2. Quy trình cất hàng (Put-away)
 - 2.1. Xác định vị trí lưu trữ (theo chỉ định của WMS hoặc sơ đồ)
 - 2.2. Lựa chọn phương tiện và di chuyển hàng hóa an toàn
 - 2.3. Thực hành: Di chuyển và cất một pallet hàng vào đúng vị trí trên kệ mô phỏng
3. Cập nhật thông tin vị trí
 - 3.1. Tầm quan trọng của việc cập nhật vị trí theo thời gian thực
 - 3.2. Thực hành: Sử dụng máy quét mã vạch để xác nhận vị trí cất hàng

trên WMS.

Bài 3: Soạn hàng và đóng gói **Thời gian: 36 giờ**

Mục tiêu: Thực hiện được việc soạn hàng và đóng gói theo một đơn hàng cụ thể.

Nội dung:

1. Quy trình soạn hàng (Picking)
 - 1.1. Tiếp nhận và đọc hiểu Lệnh soạn hàng (Picking List)
 - 1.2. Lập kế hoạch lộ trình lấy hàng tối ưu
 - 1.3. Thực hành: Soạn một đơn hàng gồm nhiều mặt hàng tại các vị trí khác nhau trong kho mô phỏng
2. Lựa chọn vật liệu và kỹ thuật đóng gói
 - 2.1. Các loại vật liệu: thùng carton, xốp hơi, màng PE, băng keo
 - 2.2. Tiêu chuẩn đóng gói cho hàng dễ vỡ, hàng điện tử
 - 2.3. Thực hành: Đóng gói một kiện hàng dễ vỡ
3. Dán nhãn vận chuyển và nhãn cảnh báo
 - 3.1. Thông tin trên nhãn vận chuyển (Shipping Label)
 - 3.2. Ý nghĩa các nhãn cảnh báo ("Hàng dễ vỡ", "This way up")
 - 3.3. Thực hành: In và dán nhãn cho kiện hàng đã đóng gói.

Bài 4: Thực hiện thủ tục xuất kho **Thời gian: 36 giờ**

Mục tiêu: Thực hiện được quy trình xuất kho hoàn chỉnh.

Nội dung:

1. Lập Phiếu xuất kho
 - 1.1. Căn cứ lập phiếu: Yêu cầu xuất kho/Đơn hàng đã duyệt
 - 1.2. Nội dung và quy cách của Phiếu xuất kho
 - 1.3. Thực hành: Lập một Phiếu xuất kho trên phần mềm/Excel
2. Đối chiếu và bàn giao hàng hóa
 - 2.1. Quy trình kiểm tra đối chiếu lần cuối trước khi giao
 - 2.2. Quy trình bàn giao cho đơn vị vận chuyển, lấy chữ ký xác nhận
3. Hoàn tất chứng từ và cập nhật hệ thống

3.1. Quy trình luân chuyển và lưu trữ Phiếu xuất kho

3.2. Thực hành: Cập nhật trạng thái "Đã xuất kho" trên phần mềm WMS

Bài 5: Thực hiện kiểm kê hàng tồn kho

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu của bài: Tham gia được vào một đợt kiểm kê và lập được biên bản.

Nội dung bài:

1. Mục đích và các phương pháp kiểm kê

1.1. Kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất

2. Quy trình thực hiện kiểm kê

2.1. Lập kế hoạch và chuẩn bị

2.2. Kỹ thuật kiểm đếm và ghi nhận tình trạng hàng hóa

2.3. Thực hành: Kiểm đếm một khu vực kệ hàng trong kho mô phỏng

3. Đối chiếu và xử lý chênh lệch

3.1. Đối chiếu số liệu thực tế và hệ thống

3.2. Lập Biên bản kiểm kê

3.3. Thực hành: Lập một Biên bản kiểm kê dựa trên số liệu giả định có chênh lệch.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, nhà xưởng: Phòng lý thuyết, phòng máy tính, kho/xưởng thực hành mô phỏng được trang bị hệ thống kệ chứa hàng, có vạch kẻ lối đi, các khu vực chức năng (nhập, xuất, đóng gói).
2. Thiết bị, máy móc: Máy tính cài đặt phần mềm WMS/ERP mô phỏng, máy in, máy quét mã vạch, xe nâng tay, pallet các loại, cân điện tử, các loại vật liệu đóng gói (thùng carton, băng keo, xốp hơi, màng PE).
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, các bộ chứng từ mẫu (phiếu nhập/xuất, packing list), các biểu mẫu (biên bản sự việc, biên bản kiểm kê), hàng hóa mô phỏng (các hộp carton có dán mã).
4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải được trang bị PPE (giày bảo hộ, găng tay) khi vào xưởng thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

-Kiến thức: Mức độ trình bày lại các quy trình, nguyên tắc vận hành kho.

-Kỹ năng: Khả năng thực hiện chính xác, đúng quy trình và an toàn các thao tác nghiệp vụ: nhập kho, soạn hàng, đóng gói, xuất kho, kiểm đếm. Khả năng sử dụng các thiết bị và phần mềm mô phỏng.

-Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua tính cẩn thận, tỉ mỉ, tuân thủ quy trình và thái độ trung thực khi thực hành.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

-Đánh giá kết quả thực hiện các bài thực hành cho từng quy trình (nhập, xuất, soạn hàng...).

-Bài kiểm tra nhỏ về kỹ năng sử dụng phần mềm WMS và máy quét mã vạch.

-Giới thiệu triết lý "Chuỗi nhân quả của sai sót": Một bài tập tình huống kéo dài, trong đó một sai sót nhỏ của sinh viên ở Bài 1 (ví dụ: nhập sai số lượng) sẽ được hệ thống ghi nhận và sẽ dẫn đến hậu quả trực tiếp ở Bài 5 (chênh lệch kiểm kê), giúp sinh viên nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của tính chính xác.

Đánh giá kết thúc mô đun:

-Bài thi thực hành tổng hợp: Sinh viên nhận một bộ yêu cầu (nhập 1 lô hàng, xuất 1 đơn hàng) và phải thực hiện toàn bộ chuỗi nghiệp vụ tương ứng tại kho mô phỏng, bao gồm cả thao tác trên phần mềm. Giảng viên sẽ đánh giá dựa trên checklist về độ chính xác, tốc độ, tuân thủ quy trình và an toàn.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

-Đối với giảng viên: Áp dụng phương pháp "Thao tác mẫu - Thực hành lặp lại". Giảng viên thực hiện mẫu từng thao tác, giải thích các điểm cần lưu ý, sau đó cho sinh viên thực hành nhiều lần để thành thạo. Sử dụng phần mềm WMS mô phỏng làm công cụ trung tâm, liên kết tất cả các bài học.

-Đối với người học: Tích cực thực hành, không ngại sai. Chú ý quan sát thao tác mẫu của giảng viên. Luôn tuân thủ quy định an toàn trong xưởng thực hành.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

-Tính chính xác: Nhân mạnh đây là yêu cầu số một trong nghiệp vụ kho vận.

-Tính hệ thống: Giúp sinh viên hiểu được mối liên kết và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quy trình (nhập - lưu trữ - soạn - xuất).

-Tích hợp công nghệ: Mọi thao tác vật lý đều phải đi kèm với thao tác cập nhật trên hệ thống.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Đăng Hào (2024), Giáo trình Quản trị kho hàng.

[2] Các video clip mô phỏng quy trình vận hành kho hàng (nhập kho, xuất kho, soạn hàng, sử dụng xe nâng, máy quét mã vạch) trên các nền tảng như YouTube.

[3] Tài liệu hướng dẫn sử dụng của các phần mềm quản lý kho (WMS) phổ biến tại Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: ĐIỀU PHỐI VẬN TẢI

Mã mô đun: MĐ-CM04

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Lý thuyết: 55 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 110 giờ; Kiểm tra: 15 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, cung cấp các kiến thức và kỹ năng về việc lập kế hoạch, lựa chọn, điều phối và giám sát hoạt động vận chuyển hàng hóa, một trong những hoạt động chiếm chi phí lớn nhất trong logistics.

Tính chất: Mô đun nghiệp vụ chuyên sâu, kết hợp giữa kỹ năng phân tích, lập kế hoạch và kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình lập kế hoạch, điều phối, giám sát và quản lý chi phí vận chuyển.
- Giải thích được các tiêu chí để lựa chọn phương thức vận tải và nhà vận tải phù hợp.
- Giải thích được cách sử dụng công nghệ GPS/TMS để giám sát hành trình.
- Trình bày được quy trình xử lý các vấn đề phát sinh và quản lý chứng từ vận tải.

Về kỹ năng:

- Lập được một kế hoạch vận chuyển đơn giản, tính toán được chi phí cước cơ bản.
- Thu thập, so sánh được báo giá và hỗ trợ đánh giá, lựa chọn nhà vận tải.
- Thực hiện được việc điều phối phương tiện (gửi booking, xác nhận thông tin).
- Sử dụng được phần mềm mô phỏng GPS/TMS để theo dõi và cập nhật tiến độ.
- Tiếp nhận, báo cáo và phối hợp xử lý được các sự cố vận tải cơ bản.
- Tập hợp và kiểm tra được bộ chứng từ thanh toán vận tải.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chủ động và cẩn thận trong việc lập kế hoạch vận chuyển tối ưu.
- Khách quan, công tâm khi tham gia đánh giá, lựa chọn nhà vận tải.
- Tỉ mỉ, rõ ràng khi điều phối và xác nhận thông tin.
- Có trách nhiệm giám sát, chủ động phát hiện và báo cáo bất thường.
- Giữ bình tĩnh, linh hoạt khi hỗ trợ xử lý sự cố.
- Chính xác, minh bạch khi kiểm tra chứng từ, hóa đơn.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Lập kế hoạch vận chuyển	40	12	25	3
2	Bài 2: Lựa chọn và điều phối phương tiện/nhà vận tải	40	12	25	3
3	Bài 3: Giám sát quá trình vận chuyển	36	11	22	3
4	Bài 4: Xử lý các vấn đề phát sinh trong vận tải	36	11	22	3
5	Bài 5: Quản lý chi phí và chứng từ vận tải	28	9	16	3
Cộng		180	55	110	15

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Lập kế hoạch vận chuyển **Thời gian: 40 giờ**

Mục tiêu: Lập được một kế hoạch vận chuyển đường bộ đơn giản.

Nội dung bài:

1. Tiếp nhận và phân tích yêu cầu vận chuyển

Các thông tin cần thiết: loại hàng, khối lượng, điểm đi/đến, thời gian

2. Lựa chọn phương thức vận tải

2.1. Ưu, nhược điểm của vận tải đường bộ, đường biển, hàng không, đường sắt

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn

3. Lập kế hoạch lộ trình và thời gian

3.1. Sử dụng bản đồ số (Google Maps) để xác định lộ trình

3.2. Các yếu tố cần cân nhắc: đường cấm, giờ cấm tải, tình hình giao thông

3.3. Thực hành: Lập kế hoạch lộ trình và thời gian cho một lô hàng từ TP.HCM đi Hà Nội

4. Tính toán chi phí và lập báo giá

4.1. Cách tính cước vận tải (theo kg, theo CBM, theo chuyến)

4.2. Các loại phụ phí phổ biến

4.3. Thực hành: Tính chi phí và lập một báo giá vận chuyển đơn giản.

Bài 2: Lựa chọn và điều phối phương tiện/nhà vận tải Thời gian: 40 giờ

Mục tiêu: Thực hiện được việc yêu cầu báo giá, so sánh và gửi lệnh điều xe.

Nội dung bài:

1. Xác định nhu cầu và tìm kiếm nhà vận tải

1.1. Các loại phương tiện vận tải đường bộ (xe tải, container)

1.2. Các nguồn tìm kiếm nhà vận tải

2. Đánh giá và lựa chọn nhà vận tải

2.1. Các tiêu chí đánh giá: giá, uy tín, năng lực, an toàn

2.2. Thực hành: Soạn email yêu cầu báo giá (RFQ) và lập bảng so sánh báo giá

3. Điều phối và sắp xếp lịch trình

3.1. Lệnh điều xe/Booking: Nội dung và cách thức gửi

3.2. Quy trình xác nhận thông tin với nhà vận tải/tài xế

3.3. Thực hành: Lập một Lệnh điều xe hoàn chỉnh

4. Chuẩn bị và bàn giao chứng từ đi đường

- 4.1. Các chứng từ cần thiết: Phiếu xuất kho, Lệnh giao hàng, Giấy đi đường
- 4.2. Hướng dẫn tài xế về thủ tục tại điểm nhận/giao hàng.

Bài 3: Giám sát quá trình vận chuyển

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Sử dụng được phần mềm mô phỏng để theo dõi hành trình và cập nhật tiến độ.

Nội dung bài:

1. Công nghệ giám sát vận tải
 - 1.1. Nguyên lý hoạt động của GPS
 - 1.2. Giới thiệu giao diện và chức năng của Hệ thống quản lý vận tải (TMS)
2. Theo dõi hành trình và phát hiện sai lệch
 - 2.1. Giám sát vị trí, tốc độ, thời gian dừng đỗ
 - 2.2. Các dấu hiệu bất thường cần chú ý (sai lộ trình, dừng quá lâu)
 - 2.3. Thực hành: Sử dụng phần mềm TMS mô phỏng để theo dõi một chuyến hàng giả định và phát hiện các điểm bất thường
3. Cập nhật tình trạng cho các bên liên quan
 - 3.1. Tầm quan trọng của việc giao tiếp chủ động
 - 3.2. Thực hành: Soạn email cập nhật tiến độ cho khách hàng.

Bài 4: Xử lý các vấn đề phát sinh trong vận tải

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Đưa ra được phương án xử lý cho các tình huống sự cố cơ bản.

Nội dung bài:

1. Các loại sự cố thường gặp
 - 1.1. Hỏng hóc phương tiện, tai nạn
 - 1.2. Hàng hóa hư hỏng, mất mát
 - 1.3. Chậm trễ do các yếu tố khách quan (tắc đường, thời tiết)
2. Quy trình xử lý sự cố
 - 2.1. Tiếp nhận và xác minh thông tin

2.2. Đánh giá tác động và thông báo các bên

4.2.3. Lên phương án giải quyết (điều xe khác, cứu hộ)

4.2.4. Lập biên bản và báo cáo sự cố

3. Thực hành: Giải quyết tình huống

3.1. Đóng vai: Nhân viên điều phối nhận được cuộc gọi từ tài xế báo xe hỏng giữa đường.

3.2. Thảo luận nhóm: Đưa ra các phương án xử lý và lựa chọn phương án tối ưu.

Bài 5: Quản lý chi phí và chứng từ vận tải

Thời gian: 28 giờ

Mục tiêu: Tập hợp và kiểm tra được bộ chứng từ thanh toán cước vận tải.

Nội dung bài:

1. Tập hợp và kiểm tra chứng từ

1.1. Các chứng từ cần thu thập: Hóa đơn, Phiếu giao nhận có chữ ký, Vận đơn

1.2. Đối chiếu hóa đơn với báo giá/hợp đồng

1.3. Thực hành: Kiểm tra một bộ chứng từ thanh toán cước, phát hiện sai sót (nếu có)

2. Lập đề nghị và thực hiện thanh toán

2.1. Quy trình lập Giấy đề nghị thanh toán

2.2. Theo dõi công nợ và thanh toán đúng hạn

3. Hạch toán và lưu trữ

3.1. Nhập liệu chi phí vào hệ thống

3.2. Quy tắc lưu trữ chứng từ vận tải.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học, nhà xưởng: Phòng lý thuyết, phòng máy tính có kết nối internet.

2. Thiết bị, máy móc: Máy tính cài đặt phần mềm TMS/GPS mô phỏng, phần mềm bảng tính (Excel), điện thoại.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Slide bài giảng, các mẫu báo giá, hợp đồng, lệnh điều xe, hóa đơn vận tải, các tình huống sự cố giả định.

4. Các điều kiện khác: Không.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Kiến thức: Mức độ trình bày các quy trình về lập kế hoạch, điều phối, giám sát và quản lý chi phí vận tải.

Kỹ năng: Khả năng lập kế hoạch vận chuyên, so sánh báo giá, lập lệnh điều xe, sử dụng phần mềm TMS, xử lý tình huống và kiểm tra chứng từ.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua tính chủ động, cẩn thận, khách quan và trách nhiệm trong các bài tập thực hành và tình huống.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

- Bài tập cá nhân: Lập kế hoạch vận chuyên, tính giá cước, lập lệnh điều xe.
- Bài tập nhóm: So sánh báo giá, giải quyết tình huống sự cố.
- Bài thực hành trên phần mềm TMS mô phỏng.

Đánh giá kết thúc mô đun:

- Bài thi tổng hợp dạng dự án nhỏ: Sinh viên nhận một yêu cầu vận chuyên cụ thể và phải hoàn thành các sản phẩm đầu ra: Kế hoạch vận chuyên, Bảng so sánh báo giá, Lệnh điều xe, và Báo cáo xử lý một sự cố giả định.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Sử dụng phương pháp học qua dự án (project-based learning) và giải quyết tình huống (case study). Cung cấp các dữ liệu, biểu mẫu thực tế để sinh viên làm việc. Tổ chức các buổi đóng vai để rèn luyện kỹ năng xử lý sự cố.

Đối với người học: Chủ động tìm kiếm thông tin (giá cước, lộ trình) trên internet để làm bài tập. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để giải quyết các **tình huống**.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Nhấn mạnh việc cân bằng giữa 3 yếu tố: chi phí - thời gian - an toàn.

Rèn luyện khả năng giữ bình tĩnh, phân tích và ra quyết định dưới áp lực.

Tính chính xác của chứng từ là cơ sở cho việc thanh toán và giải quyết tranh chấp.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Tăng Văn Bảy (2022), Giáo trình Quản trị Vận tải và Giao nhận.

[2] Các nền tảng bản đồ số: Google Maps, Google Earth.

[3] Website của các hãng tàu, hãng hàng không, công ty vận tải lớn (Maersk, DHL, Viettel Post, Giao Hàng Nhanh...) để tra cứu dịch vụ, bảng giá, lịch trình và theo dõi lô hàng.

[4] Tài liệu hướng dẫn sử dụng của các Hệ thống quản lý vận tải (TMS).

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: NGHIỆP VỤ GIAO NHẬN VÀ THỦ TỤC HẢI QUAN

Mã mô đun: MĐ-CM05

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Lý thuyết: 55 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 110 giờ; Kiểm tra: 15 giờ).

I. Vị trí, tính chất của mô đun

Vị trí: Là mô đun chuyên môn, thuộc nhóm năng lực cốt lõi, được học sau các môn cơ sở về nghiệp vụ ngoại thương. Mô đun này trang bị các kiến thức và kỹ năng thực hành về chuẩn bị chứng từ và thực hiện thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, một nghiệp vụ đặc thù và có yêu cầu cao về tính chính xác, tuân thủ pháp luật.

Tính chất: Mô đun nghiệp vụ chuyên sâu, đòi hỏi sự tỉ mỉ, cẩn thận và có tính thực hành cao trên phần mềm chuyên dụng.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi học xong mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày được danh mục, vai trò và các yêu cầu về tính hợp lệ, đồng bộ của một bộ chứng từ xuất nhập khẩu.
- Mô tả được quy trình lập và các hình thức phát hành Vận đơn (B/L, AWB), Hóa đơn thương mại (CI) và Phiếu đóng gói (PL).
- Mô tả được quy trình khai và truyền tờ khai hải quan điện tử qua hệ thống VNACCS/VCIS và ý nghĩa của các kết quả phân luồng.
- Trình bày được quy trình thực hiện thủ tục thông quan tại hiện trường đối với luồng Vàng và luồng Đỏ.

Về kỹ năng:

- Tập hợp, kiểm tra và sắp xếp được một bộ chứng từ XNK hoàn chỉnh, phát hiện được các sai sót.
- Soạn thảo được SI, CI, PL với thông tin chính xác.
- Sử dụng được phần mềm khai báo hải quan điện tử (ECUS) để nhập liệu, tra cứu mã HS, tính thuế và truyền tờ khai.
- Chuẩn bị được bộ hồ sơ hải quan giấy và thực hiện được các tác nghiệp cơ

bản tại hiện trường (nộp hồ sơ, đăng ký kiểm hóa).

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm cao nhất về tính chính xác, đầy đủ và nhất quán của bộ chứng từ.
- Thể hiện sự cẩn thận, tỉ mỉ và tập trung cao độ khi kiểm tra và soạn thảo chứng từ.
- Tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật hải quan, chịu trách nhiệm về tính trung thực khi khai báo.
- Chủ động, linh hoạt và chuyên nghiệp khi làm việc tại hiện trường với cơ quan hải quan.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Chuẩn bị bộ chứng từ xuất nhập khẩu	36	16	17	3
2	Bài 2: Lập các chứng từ thương mại và vận tải	48	16	29	3
3	Bài 3: Khai và truyền tờ khai hải quan điện tử	56	12	41	3
4	Bài 4: Thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa tại hiện trường	40	11	26	3
Cộng		180	55	110	15

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Chuẩn bị bộ chứng từ xuất nhập khẩu

Thời gian: 36 giờ

Mục tiêu: Kiểm tra và sắp xếp được một bộ chứng từ XNK hoàn chỉnh.

Nội dung bài:

1.1. Danh mục và vai trò các chứng từ

1.1.1. Nhóm chứng từ thương mại

1.1.1.1. Hợp đồng

1.1.1.2. Hóa đơn

1.1.1.3. Phiếu đóng gói

1.1.2. Nhóm chứng từ vận tải: Vận đơn

1.1.3. Nhóm chứng từ pháp lý

1.1.3.1. C/O

1.1.3.2. Giấy phép

1.1.3.3. Chứng thư hun trùng/kiểm dịch

1.2. Kiểm tra tính hợp lệ và đồng bộ

1.2.1. Nguyên tắc "khớp tuyệt đối" thông tin giữa các chứng từ

1.2.2. Các lỗi sai sót thường gặp

1.2.3. Thực hành: Kiểm tra chéo một bộ chứng từ XNK mẫu, tìm ra các điểm không nhất quán.

Bài 2: Lập các chứng từ thương mại và vận tải

Thời gian: 48 giờ

Mục tiêu của bài: Soạn thảo được CI, PL và SI.

Nội dung bài:

2.1. Soạn thảo Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

2.1.1. Các nội dung bắt buộc

2.1.2. Thực hành: Lập một CI hoàn chỉnh từ thông tin của Hợp đồng

2.2. Soạn thảo Phiếu đóng gói (Packing List)

2.2.1. Phân biệt Trọng lượng tịnh (Net Weight) và Trọng lượng cả bì (Gross Weight)

2.2.2. Thực hành: Lập một PL hoàn chỉnh, khớp với CI đã tạo

2.3. Lập Vận đơn (Bill of Lading / Air Waybill)

2.3.1. Gửi chi tiết làm vận đơn (Shipping Instruction - SI)

2.3.2. Kiểm tra vận đơn nháp (Draft B/L)

2.3.3. Các hình thức phát hành: Original, Surrendered, Telex Release [C2]

2.3.4. Thực hành: Soạn một SI để gửi cho hãng tàu

Bài 3: Khai và truyền tờ khai hải quan điện tử Thời gian: 56 giờ

Mục tiêu của bài: Sử dụng thành thạo phần mềm ECUS để khai báo cho một lô hàng đơn giản.

Nội dung bài:

3.1. Giới thiệu hệ thống VNACCS/VCIS và phần mềm ECUS (Cài đặt và đăng ký chữ ký số)

3.2. Phân loại hàng hóa và tra cứu mã HS

3.2.1. Cấu trúc của Biểu thuế XNK

3.2.2. 6 quy tắc phân loại hàng hóa

3.2.3. Thực hành: Tra cứu mã HS cho một số mặt hàng thông dụng

3.3. Nhập liệu thông tin lên tờ khai

3.3.1. Hướng dẫn điền các chỉ tiêu quan trọng

3.3.2. Các mã loại hình XNK

3.3.3. Tính thuế XNK, VAT

3.3.4. Thực hành: Nhập liệu hoàn chỉnh một tờ khai nhập khẩu kinh doanh trên phần mềm ECUS

3.4. Truyền tờ khai và nhận kết quả phân luồng

3.4.1. Thao tác truyền tờ khai bằng chữ ký số

3.4.2. Ý nghĩa 3 luồng (Xanh, Vàng, Đỏ)

3.4.3. Các lỗi thường gặp và cách xử lý (sửa, hủy tờ khai)

Bài 4: Thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa tại hiện trường

Thời gian: 40 giờ

Mục tiêu của bài: Nắm được quy trình và thực hiện được các tác nghiệp cơ bản tại

chi cục hải quan.

Nội dung bài:

4.1. Chuẩn bị hồ sơ và làm việc với hải quan (Luồng Vàng)

4.1.1. Chuẩn bị bộ hồ sơ hải quan giấy

4.1.2. Quy trình nộp hồ sơ và giải trình

4.1.3. Thực hành: Đóng vai nhân viên hiện trường giải trình về mã HS/trị giá với cán bộ hải quan

4.2. Đăng ký và thực hiện kiểm hóa (Luồng Đỏ)

4.2.1. Quy trình đăng ký kiểm hóa

4.2.2. Phối hợp đưa hàng đến khu vực kiểm tra (soi hoặc thủ công)

4.2.3. Các lưu ý khi chứng kiến kiểm hóa và bấm seal lại

4.3. Hoàn tất nghĩa vụ thuế và thông quan

4.3.1. Các phương thức nộp thuế

4.4. Làm thủ tục cuối cùng để lấy hàng

4.4.1. Thủ tục với hải quan giám sát công

4.4.2. Thủ tục với cảng/kho (đổi lệnh, thanh lý).

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. **Phòng học, nhà xưởng:** Phòng lý thuyết, phòng máy tính có kết nối internet và cài đặt phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS (bản thực hành/demo).
2. **Thiết bị, máy móc:** Máy tính, máy in, máy scan, USB Token (dùng cho thực hành).
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Slide bài giảng, các bộ chứng từ XNK thực tế (bản sao), Biểu thuế XNK (file mềm), phần mềm ECUS.
4. **Các điều kiện khác:** Tổ chức chuyên tham quan thực tế tại cảng/ICD để sinh viên quan sát hoạt động thông quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

Kiến thức: Mức độ trình bày các quy trình về chứng từ, khai báo và thông quan.

Kỹ năng: Khả năng kiểm tra chứng từ, soạn thảo CI/PL/SI, và đặc biệt là khả

năng sử dụng thành thạo phần mềm ECUS để khai báo một tờ khai hoàn chỉnh.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá qua tính cẩn thận, tỉ mỉ, trung thực và tuân thủ pháp luật trong các bài thực hành.

2. Phương pháp đánh giá:

Đánh giá quá trình:

- Bài tập kiểm tra bộ chứng từ.
- Bài tập soạn thảo CI, PL, SI.
- Các bài thực hành khai báo trên phần mềm ECUS cho các loại hình khác nhau.

Đánh giá kết thúc mô đun:

- Bài thi thực hành trên máy tính: Sinh viên nhận một bộ chứng từ XNK hoàn chỉnh và phải thực hiện khai báo tờ khai trên phần mềm ECUS trong thời gian quy định. Kết quả được đánh giá dựa trên độ chính xác của các chỉ tiêu đã khai.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. **Phạm vi áp dụng:** Áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp ngành Logistics..

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập:

Đối với giảng viên: Dành phần lớn thời gian cho việc thực hành trên phần mềm ECUS. Sử dụng các bộ chứng từ thực tế đa dạng để sinh viên làm quen. Tổ chức các buổi thảo luận, phân tích các lỗi sai thường gặp khi làm chứng từ và khai báo.

Đối với người học: Phải thực hành nhiều lần trên phần mềm để thành thạo các thao tác. Chủ động tra cứu Biểu thuế để rèn luyện kỹ năng phân loại hàng hóa.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 3 (Khai báo hải quan) là bài trọng tâm nhất, chiếm thời lượng và tầm quan trọng lớn nhất.

Tính chính xác và nhất quán của chứng từ là nguyên tắc vàng.

Mọi hoạt động đều phải dựa trên các quy định hiện hành.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Luật Hải quan hiện hành và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan,

đặc biệt là Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC.

[2] Lê Thị Thùy Dung (2023), Giáo trình Khai báo Hải quan.

[3] Tài liệu hướng dẫn sử dụng chính thức của phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS do Công ty Thái Sơn phát hành.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: THỰC TẬP DOANH NGHIỆP

Mã mô đun: MĐ-TT01

Thời gian thực hiện mô đun: 360 giờ

(Lý thuyết (hướng dẫn, tập huấn): 30 giờ; Thực hành tại doanh nghiệp: 325 giờ; Thi/Kiểm tra (báo cáo, bảo vệ): 5 giờ.

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Là mô đun thực tập chuyên môn đầu tiên trong chương trình đào tạo, được bố trí sau khi người học đã hoàn thành các môn học cơ sở và các mô đun chuyên môn nền tảng. Là bước khởi đầu để người học định hình tác phong công nghiệp và áp dụng các năng lực nghề cốt lõi vào thực tiễn.

2. Tính chất: Là mô đun bắt buộc trong chương trình đào tạo. Tập trung vào việc củng cố và áp dụng các kỹ năng vận hành cơ bản, có tần suất lặp lại cao và là nền tảng cho mọi hoạt động logistics.

II. Mục tiêu mô đun

Sau khi hoàn thành mô đun này, người học có khả năng:

Về kiến thức:

- Trình bày lại được quy trình vận hành thực tế tại các bộ phận kho vận (nhập-lưu trữ-xuất) và dịch vụ khách hàng của doanh nghiệp, so sánh và chỉ ra được những điểm tương đồng, khác biệt so với kiến thức lý thuyết đã học.
- Giải thích được vai trò và cách thức vận hành của các hệ thống thông tin (WMS, ERP) và thiết bị công nghệ (máy quét mã vạch, thiết bị cầm tay) trong việc quản lý hoạt động kho và đơn hàng.
- Nhận diện và mô tả được các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy (PCCC) và các nguyên tắc 5S (Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng) đang được áp dụng tại môi trường làm việc thực tế.

Về kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo, dưới sự giám sát, các tác nghiệp trong quy trình nhập kho (kiểm đếm, lập phiếu), sắp xếp và lưu trữ (cát hàng, tuân thủ FIFO/FEFO), soạn hàng (picking), đóng gói và xuất kho theo đúng quy trình và tiêu chuẩn thực tế của doanh nghiệp.
- Sử dụng được các thiết bị kho cơ bản (xe nâng tay, xe đẩy, máy quét mã vạch) và các chức năng cơ bản trên phần mềm quản lý kho (WMS) để thực hiện các giao dịch nhập, xuất, tồn kho, đảm bảo sự đồng bộ giữa dữ liệu hệ thống và hàng hóa thực tế.

- Tiếp nhận và xử lý được các yêu cầu đơn hàng đơn giản, nhập liệu thông tin đơn hàng vào hệ thống, tra cứu và cập nhật trạng thái đơn hàng cho các bộ phận liên quan theo đúng quy trình của doanh nghiệp.
- Soạn thảo được các báo cáo công việc hàng ngày/tuần, ghi chép nhật ký thực tập một cách khoa học, đầy đủ và có hệ thống.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tuân thủ nghiêm ngặt nội quy lao động, giờ giấc làm việc, các quy định về an toàn, an ninh và văn hóa của doanh nghiệp.
- Chủ động quan sát, học hỏi, đặt câu hỏi với người hướng dẫn để nắm bắt và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, cẩn thận và tỉ mỉ trong các công việc được phân công, đặc biệt là trong các tác vụ kiểm đếm, nhập liệu và soạn hàng, nhận thức rõ sai sót cá nhân có thể ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi vận hành.
- Thể hiện thái độ làm việc chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác, sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp tại nơi thực tập.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung thực tập	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Nội dung 1: Hội nhập và An toàn lao động	30	30		
2	Nội dung 2: Thực hành tại Doanh nghiệp	300		300	
	Nhiệm vụ 1: Thực hành Nghiệp vụ Nhập kho	60		60	
	Nhiệm vụ 2: Thực hành Nghiệp vụ Lưu trữ & Sắp xếp	60		60	
	Nhiệm vụ 3: Thực hành Nghiệp vụ Soạn hàng & Đóng gói	60		60	
	Nhiệm vụ 4: Thực hành Nghiệp vụ	60		60	

	Xuất kho & Kiểm kê				
	Nhiệm vụ 5: Hỗ trợ Xử lý đơn hàng	60		60	
3	Nội dung 3: Báo cáo kết quả thực tập	25		25	5
	Cộng	360	30	325	5

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

Đối với nhà trường:

- Bố trí giảng viên có kinh nghiệm thực tế để hướng dẫn, theo dõi và đánh giá quá trình thực tập của người học.
- Cung cấp đầy đủ hồ sơ, biểu mẫu (sổ nhật ký thực tập, phiếu đánh giá, đề cương báo cáo chi tiết) cho người học trước khi bắt đầu.
- Tổ chức buổi tập huấn, hướng dẫn ban đầu về mục tiêu, nội dung, yêu cầu và các quy định của kỳ thực tập.
- Thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp để đảm bảo có đủ vị trí thực tập chất lượng.

Đối với doanh nghiệp tiếp nhận:

- Là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ logistics, giao nhận vận tải, có bộ phận kho vận và dịch vụ khách hàng hoạt động có quy trình rõ ràng.
- Cử người hướng dẫn có kinh nghiệm (tối thiểu 01 năm kinh nghiệm tại vị trí liên quan) và có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng chia sẻ.
- Tạo điều kiện cho người học được tiếp cận công việc thực tế, hệ thống phần mềm và các trang thiết bị cần thiết (trong phạm vi cho phép và đảm bảo an toàn, bảo mật).
- Xác nhận và đánh giá khách quan, công bằng quá trình thực tập của người học dựa trên các tiêu chí do nhà trường cung cấp.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: Mức độ hiểu và vận dụng các quy trình thực tế vào công việc, khả năng phân tích, tổng kết và trình bày trong báo cáo thực tập.
- Kỹ năng: Mức độ thành thạo các thao tác nghiệp vụ, khả năng sử dụng thiết bị và phần mềm theo yêu cầu công việc.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ làm việc, ý thức kỷ luật, tinh thần

học hỏi, khả năng hợp tác và tuân thủ các quy định.

2. Phương pháp đánh giá và trọng số:

- Sổ nhật ký thực tập: Đánh giá quá trình, ghi chép công việc hàng ngày, phản ánh mức độ quan sát và học hỏi.
- Phiếu đánh giá của người hướng dẫn tại doanh nghiệp: Đánh giá dựa trên quan sát trực tiếp về kỹ năng thực hành và thái độ làm việc trong suốt kỳ thực tập.
- Báo cáo thực tập cuối kỳ và buổi bảo vệ: Đánh giá khả năng tổng hợp, phân tích, trình bày vấn đề và trả lời câu hỏi của hội đồng.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

Đối với người học: Phải tham gia đầy đủ thời gian thực tập theo quy định, tuân thủ mọi nội quy của doanh nghiệp, chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao, ghi chép nhật ký hàng ngày một cách chi tiết và trung thực, hoàn thành báo cáo thực tập đúng hạn và chất lượng.

Đối với giảng viên hướng dẫn: Theo dõi sát sao tiến độ thực tập của người học, liên lạc định kỳ (ít nhất 2 lần/kỳ) với người hướng dẫn tại doanh nghiệp, giải đáp các thắc mắc về chuyên môn và cách làm báo cáo, tổ chức chấm và bảo vệ báo cáo một cách công bằng.

Đối với người hướng dẫn tại doanh nghiệp: Phân công công việc cụ thể, phù hợp với năng lực và mục tiêu của kỳ thực tập, hướng dẫn các thao tác nghiệp vụ, giám sát quá trình thực hiện và đưa ra những nhận xét, đánh giá khách quan, mang tính xây dựng.